**PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY**

**THERAVĀDA**

--o-O-o--

# TẠNG VÔ TỶ PHÁP

*(ABHIDHAMMAPIṬAKA)*

**BỘ THỨ NHẤT**

# BỘ PHÁP TỤ

*(DHAMMASAṄGANĪ)*

CẢO BẢN

---


Dịch giả

Đại Trưởng lão Tịnh Sự

*(Mahāthero Saṅtakicco)*

Đại Trưởng lão Tịnh Sự

*(Mahāthero Saṅtakicco)*

Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli - Thái sang tiếng Việt

Năm Ất Mão

Phật lịch 2519 - Dương lịch 1975

------

# MỤC LỤC

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBHUDDHASSA

CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

-------

## Phần A. MẪU ĐỀ *(Mātikā)*

## I. HAI MƯƠI HAI ĐẦU ĐỀ TAM *(Bāvīsati tikamātikā)*

**1.**

* Chư pháp thiện, chư pháp bất thiện, chư pháp vô ký.
* Chư pháp tương ưng lạc thọ, chư pháp tương ưng khổ thọ, chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* Chư pháp dị thục quả, chư pháp dị thục nhân, chư pháp phi quả phi nhân.
* Chư pháp thành do thủ và cảnh thủ, chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ, chư pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ.
* Chư pháp phiền toái mà cảnh phiền não, chư pháp phi phiền toái mà cảnh phiền não, chư pháp phi phiền toái và phi cảnh phiền não.
* Chư pháp hữu tầm hữu tứ, chư pháp vô tầm hữu tứ, chư pháp vô tầm vô tứ.
* Chư pháp đồng sanh với pháp hỷ, chư pháp đồng sanh với lạc thọ, chư pháp đồng sanh với xả thọ.
* Chư pháp sơ đạo đoạn trừ, chư pháp ba đạo cao đoạn trừ, chư pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao đoạn trừ.
* Chư pháp hữu nhân sơ đạo đoạn trừ, chư pháp hữu nhân ba đạo cao đoạn trừ, chư pháp phi hữu nhân phi ba đạo cao đoạn trừ.
* Chư pháp nhân sanh tử, chư pháp nhân đến níp-bàn, chư pháp phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn.
* Chư pháp hữu học, chư pháp vô học, chư pháp phi hữu học phi vô học.
* Chư pháp hy thiểu, chư pháp đáo đại, chư pháp vô thượng (cao tột).
* Chư pháp biết cảnh hy thiểu, chư pháp biết cảnh đáo đại, chư pháp biết cảnh vô thượng (cao tột).
* Chư pháp ty hạ là pháp bất thiện, chư pháp trung bình, chư pháp tinh lương (vi tế).
* Chư pháp tà cho quả nhất định, chư pháp chánh cho quả nhất định liên tiếp sát-na, chư pháp bất định.
* Chư pháp có đạo làm cảnh, chư pháp có đạo, có nhân, chư pháp có đạo làm nhân.
* Chư pháp sanh tồn, chư pháp phi sanh tồn, chư pháp sẽ sanh.
* Chư pháp quá khứ, chư pháp hiện tại, chư pháp vị lai.
* Chư pháp biết cảnh quá khứ, chư pháp biết cảnh vị lai, chư pháp biết cảnh hiện tại.
* Chư pháp nội phần, chư pháp ngoại phần, chư pháp nội và ngoại phần.
* Chư pháp biết cảnh nội phần, chư pháp biết cảnh ngoại phần, chư pháp biết cảnh nội và ngoại phần.
* Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, chư pháp vô kiến hữu đối chiếu, chư pháp vô kiến vô đối chiếu.

*Dứt 22 đầu đề tam.*

---

## II. MỘT TRĂM ĐẦU ĐỀ NHỊ *(Dukamātikā)*

**Phần tụ nhân *(hetugocchakaṃ)*.**

**2.**

∗ Chư pháp nhân, chư pháp phi nhân.
∗ Chư pháp hữu nhân, chư pháp vô nhân.
∗ Chư pháp tương ưng nhân, chư pháp bất tương ưng nhân.
∗ Chư pháp nhân và hữu nhân, chư pháp hữu nhân mà phi nhân.
∗ Chư pháp nhân và tương ưng nhân, chư pháp tương ưng nhân mà phi nhân.
∗ Chư pháp phi nhân mà hữu nhân, chư pháp phi nhân và vô nhân.

*Dứt phần tụ nhân.*

**Phần nhị đề đỉnh *(cūḷantaraduka)*.**

**3.**

∗ Chư pháp hữu duyên, chư pháp vô duyên.
∗ Chư pháp hữu vi, chư pháp vô vi.
∗ Chư pháp hữu kiến, chư pháp vô kiến.
∗ Chư pháp hữu đối chiếu, chư pháp vô đối chiếu.
∗ Chư pháp sắc, chư pháp phi sắc.
∗ Chư pháp hiệp thế, chư pháp siêu thế.
∗ Chư pháp cũng có tâm biết đặng, chư pháp cũng có tâm không biết đặng.

*Dứt phần nhị đề đỉnh.*

**Phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*.**

**4.**

∗ Chư pháp lậu, chư pháp phi lậu.
∗ Chư pháp cảnh lậu, chư pháp phi cảnh lậu.
∗ Chư pháp tương ưng lậu, chư pháp bất tương ưng lậu.
∗ Chư pháp lậu và cảnh lậu, chư pháp cảnh lậu mà phi lậu.
∗ Chư pháp lậu và tương ưng lậu, chư pháp tương ưng lậu mà phi lậu.
∗ Chư pháp bất tương ưng lậu mà cảnh lậu, chư pháp bất tương ưng lậu mà phi cảnh lậu.

*Dứt phần chùm lậu.*

**Phần tụ triền *(saṅyojanagocchaka)*.**

**5.**

∗ Chư pháp triền, chư pháp phi triền.
∗ Chư pháp cảnh triền, chư pháp phi cảnh triền.
∗ Chư pháp tương ưng triền, chư pháp bất tương ưng triền.

* Chư pháp triền và cảnh triền, chư pháp cảnh triền mà phi triền.
* Chư pháp triền và tương ưng triền, chư pháp tương ưng triền mà phi triền.
* Chư pháp bất tương ưng triền và cảnh triền, chư pháp bất tương ưng triền mà phi cảnh triền.

*Dứt phần tụ triền.*

**Phần tụ (chùm) phược *(ganthagocchaka).***

**6.**

* Chư pháp phược, chư pháp phi phược.
* Chư pháp cảnh phược, chư pháp phi cảnh phược.
* Chư pháp tương ưng phược, chư pháp bất tương ưng phược.
* Chư pháp phược và cảnh phược, chư pháp cảnh phược mà phi phược.
* Chư pháp phược và tương ưng phược, chư pháp tương ưng phược mà phi phược.
* Chư pháp bất tương ưng phược và cảnh phược, chư pháp bất tương ưng phược mà phi cảnh phược.

*Dứt phần tụ phược.*

**Phần tụ (chùm) bộc *(oghagocchaka).***

**7.**

* Chư pháp bộc, chư pháp phi bộc.
* Chư pháp cảnh bộc, chư pháp phi cảnh bộc.
* Chư pháp tương ưng bộc, chư pháp bất tương ưng bộc.
* Chư pháp bộc và cảnh bộc, chư pháp cảnh bộc mà phi bộc.
* Chư pháp bộc và tương ưng bộc, chư pháp tương ưng bộc mà phi bộc.
* Chư pháp bất tương ưng bộc và cảnh bộc, chư pháp bất tương ưng bộc mà phi cảnh bộc.

*Dứt phần tụ bộc.*

**Phần tụ (chùm) phối *(yogagocchaka).***

**8.**

* Chư pháp phối, chư pháp phi phối.
* Chư pháp cảnh phối, chư pháp phi cảnh phối.
* Chư pháp tương ưng phối, chư pháp bất tương ưng phối.
* Chư pháp phối và cảnh phối, chư pháp cảnh phối mà phi phối.
* Chư pháp phối tương ưng phối, chư pháp tương ưng phối mà phi phối.
* Chư pháp bất tương ưng phối mà cảnh phối, chư pháp bất tương ưng phối mà phi cảnh phối.

*Dứt phần tụ phối.*

**Phần tụ (chùm) cái *(nīvaraṇagocchaka).***

**9.**

* Chư pháp cái, chư pháp phi cái.

* Chư pháp cảnh cái, chư pháp phi cảnh cái.
* Chư pháp tương ưng cái, chư pháp bất tương ưng cái.
* Chư pháp cái và cảnh cái, chư pháp cảnh cái mà phi cái.
* Chư pháp cái tương ưng cái, chư pháp tương ưng cái mà phi cái.
* Chư pháp bất tương ưng cái mà cảnh cái, chư pháp bất tương ưng cái mà phi cảnh cái.

*Dứt phần tụ cái.*

**Phần tụ (chùm) khinh thị *(parāmāsagocchaka).***

**10.**

* Chư pháp khinh thị, chư pháp phi khinh thị.
* Chư pháp cảnh khinh thị, chư pháp phi cảnh khinh thị.
* Chư pháp tương ưng khinh thị, chư pháp bất tương ưng khinh thị.
* Chư pháp khinh thị và cảnh khinh thị, chư pháp cảnh khinh thị mà phi khinh thị.
* Chư pháp bất tương ưng khinh thị và cảnh khinh thị, chư pháp bất tương ưng khinh thị mà phi cảnh khinh thị.

*Dứt phần tụ khinh thị.*

**Phần nhị đề đại *(mahantaraduka).***

**11.**

* Chư pháp hữu (tri) cảnh, chư pháp vô (tri) cảnh.
* Chư pháp tâm, chư pháp phi tâm.
* Chư pháp sở hữu tâm, chư pháp phi sở hữu tâm.
* Chư pháp tương ưng tâm, chư pháp bất tương ưng (phi hòa với) tâm.
* Chư pháp hòa với tâm, chư pháp phi hòa với tâm.
* Chư pháp có tâm làm sở sanh (nền tảng), chư pháp không có tâm làm sở sanh (nền tảng).
* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm, chư pháp phi sanh tồn với tâm.
* Chư pháp tùng tâm thông lưu, chư pháp phi tùng tâm thông lưu.
* Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh (nền tảng), chư pháp phi hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh.
* Chư pháp hòa sanh tồn và nương tâm làm sở sanh, chư pháp phi hòa phi đồng sanh tồn và phi nương tâm làm sở sanh (nền tảng).
* Chư pháp có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm, chư pháp phi tâm làm sở sanh và không hòa không tùng hành không thông lưu với tâm.
* Pháp tự nội, chư pháp ngoại.
* Chư pháp y sinh, chư pháp phi y sinh.
* Chư pháp thành do thủ, chư pháp phi thành do thủ.

*Dứt phần nhị đề đại.*

**Phần tụ thủ *(upādānagocchaka).***

**12.**

* Chư pháp thủ, chư pháp phi thủ.

∗ Chư pháp cảnh thủ, chư pháp phi cảnh thủ.
∗ Chư pháp tương ưng thủ, chư pháp bất tương ưng thủ.
∗ Chư pháp thủ và cảnh thủ, chư pháp cảnh thủ mà phi thủ.
∗ Chư pháp thủ và tương ưng thủ, chư pháp tương ưng thủ mà phi thủ.
∗ Chư pháp bất tương ưng thủ mà cảnh thủ, chư pháp bất tương ưng thủ và phi cảnh thủ.

*Dứt phần tụ thủ.*

**Phần tụ (chùm) phiền não *(kilesagocchaka).***

**13.**

∗ Chư pháp phiền não, chư pháp phi phiền não.
∗ Chư pháp cảnh phiền não, chư pháp phi cảnh phiền não.
∗ Chư pháp phiền toái, chư pháp phi phiền toái.
∗ Chư pháp tương ưng phiền não, chư pháp bất tương ưng phiền não.
∗ Chư pháp phiền não và cảnh phiền não, chư pháp phi phiền não mà cảnh phiền não.
∗ Chư pháp phiền não và phiền toái, chư pháp phiền toái mà phi phiền não.
∗ Chư pháp phiền não và tương ưng phiền não, chư pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não.
∗ Chư pháp bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não, chư pháp bất tương ưng phiền não mà phi cảnh phiền não.

*Dứt phần tụ phiền não.*

**Phần yêu bối *(piṭṭhiduka).***

**14.**

∗ Chư pháp sơ đạo đoạn (tuyệt) trừ, chư pháp phi sơ đạo đoạn (tuyệt) trừ.
∗ Chư pháp ba đạo cao đoạn (tuyệt) trừ, chư pháp phi ba đạo cao đoạn (tuyệt) trừ.
∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo đoạn (tuyệt) trừ, chư pháp phi hữu nhân sơ đạo đoạn (tuyệt) trừ.
∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao đoạn (tuyệt) trừ, chư pháp phi hữu nhân phi ba đạo cao đoạn (tuyệt) trừ.
∗ Chư pháp hữu tầm, chư pháp vô tầm.
∗ Chư pháp hữu tứ, chư pháp vô tứ.
∗ Chư pháp hữu hỷ, chư pháp vô hỷ.
∗ Chư pháp đồng sanh pháp hỷ, chư pháp phi đồng sanh pháp hỷ.
∗ Chư pháp đồng sanh lạc, chư pháp phi đồng sanh lạc.
∗ Chư pháp đồng sanh xả, chư pháp phi đồng sanh xả.
∗ Chư pháp Dục giới, chư pháp phi Dục giới.
∗ Chư pháp Sắc giới, chư pháp phi Sắc giới.
∗ Chư pháp Vô sắc giới, chư pháp phi Vô sắc giới.
∗ Chư pháp liên quan luân hồi, chư pháp bất liên quan luân hồi.
∗ Chư pháp nhân xuất luân hồi, chư pháp phi nhân xuất luân hồi.

* Chư pháp (cho quả) nhất định, chư pháp phi (cho quả) nhất định.
* Chư pháp hữu thượng, chư pháp vô thượng.
* Chư pháp hữu y, chư pháp vô y.

*Dứt phần yêu bối.*

------

## III. BỐN MƯƠI HAI NHỊ ĐỀ KINH *(Suttamātikā)*

**15.**

* Chư pháp thành phần minh, chư pháp thành phần vô minh.
* Chư pháp như thiểm lôi, chư pháp như lôi cực.
* Chư pháp làm thành (ra) tiểu nhân, chư pháp làm thành (ra) quân tử.
* Chư pháp hắc, chư pháp bạch.
* Chư pháp viêm, chư pháp phi viêm.
* Chư pháp thành ra danh ngôn, chư pháp nguyên nhân danh ngôn.
* Chư pháp thành ra ngữ ngôn, chư pháp nguyên nhân ngữ ngôn.
* Chư pháp thành ra chủ yếu chế định, chư pháp nguyên nhân chế định.
* Chư pháp danh, chư pháp sắc.
* Chư pháp vô minh, chư pháp ái hữu.
* Chư pháp kiến hữu, chư pháp kiến ly hữu.
* Chư pháp thường kiến, chư pháp đoạn kiến.
* Chư pháp hữu tận kiến, chư pháp vô tận kiến.
* Chư pháp hữu tiền kiến, chư pháp hữu hậu kiến.
* Chư pháp vô tàm, chư pháp vô úy.
* Chư pháp tàm, chư pháp úy.
* Chư pháp thành người nan giáo (khó dạy), chư pháp thành người có ác hữu (bạn xấu).
* Chư pháp thành người dị giáo (dễ dạy), chư pháp thành người có bạn tốt.
* Chư pháp thành người biết rành phạm luật (rành lỗi), chư pháp thành người biết khỏi phạm luật (biết rành xuất quá).
* Chư pháp thành người rành nhập thiền, chư pháp thành người rành xuất thiền.
* Chư pháp thành người rành thập bát giới, chư pháp thành người rành tác ý.
* Chư pháp thành người rành thập nhị xứ, chư pháp thành người rành liên quan tương sanh.
* Chư pháp thành người rành cơ bản thích hợp (rành sở sanh), chư pháp thành người không rành cơ bản thích hợp.
* Chư pháp thành người chánh trực, chư pháp thành người nhu mì.
* Chư pháp thành người nhẫn nại, chư pháp thành người nghiêm tịnh.
* Chư pháp thành người cam ngôn, chư pháp thành người đáng tiếp đãi.
* Chư pháp thành người bất thu thúc môn quyền, chư pháp thành người bất tri độ thực.
* Chư pháp thành người thu thúc môn quyền, chư pháp thành người tri độ thực.
* Chư pháp thành người thất niệm, chư pháp thành người vô lương tri.
* Chư pháp thực tính thành người chánh niệm, chư pháp thực tính thành người có lương tri.
* Chư pháp thành người quán tưởng hữu lực, chư pháp thành người tu tiến hữu lực.

* Chư pháp thành chỉ quán, chư pháp thành pháp quán.
* Chư pháp có ấn chứng chỉ thành nhân dữ chỉ sanh hậu, chư pháp do cần tiền sanh thành nhân dữ chỉ sanh hậu.
* Chư pháp thực tính thành ra chiếu cố, chư pháp thực tính thành vô phóng dật[1].
* Chư pháp thực tính thành giới điêu tàn, chư pháp thực tính thành kiến điêu tàn.
* Chư pháp thực tính làm cho mãn túc giới, chư pháp thực tính làm cho mãn túc kiến.
* Chư pháp thực tính làm cho giới tịnh, chư pháp thực tính làm cho kiến tịnh.
* Chư pháp thực tính thành người kiến tịnh, chư pháp thực tính thích hợp với kiến tịnh.
* Chư pháp thực tính làm căn bản giúp cho tâm thê thảm, chư pháp thực tính siêng năng suy xét bát thê thảm.
* Chư pháp thực tính thành người không biết no với pháp thiện, chư pháp thực tính thành người tinh tấn không lui sụt tu tiến.
* Chư pháp thực tính gọi là minh, chư pháp thực tính gọi là yểm.
* Chư pháp thực tính đoạn trừ phiền não, chư pháp thực tính làm tuệ hợp với Thánh quả (tuệ tùng sanh trong quả) đến tột bực đều không cho phiền não tái tục do bốn đạo đã đoạn trừ.

---

[1] Phóng dật hay còn gọi là điệu cử.

## Phần B. THIÊN TÂM SANH

## I. PHÁP THIỆN

### 1) Tám Tâm Thiện Dục Giới

#### 1.1) Tâm đại thiện thứ nhứt.

a) Câu chia (chi pháp).

**16.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí, gặp cảnh sắc, thinh, khí, vị, xúc và pháp. Hay là nghĩ đến chi thì vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm[2], tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân ác, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân tĩnh tâm, khinh thân khinh tâm, nhu thân nhu tâm, thích thân thích tâm, thuần thân thuần tâm, chánh thân chánh tâm, niệm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh. Như thế gọi là pháp thiện vẫn có trong khi ấy.

**17.**

***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế. Đây gọi là xúc có trong khi ấy.

**18.**

***Thọ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

**19.**

***Tưởng*** *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

**20.**

***Tư*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là có tư trong khi ấy.

**21.**

***Tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh, tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Đó gọi là có tâm trong khi ấy.

**22.**

[2] Nhất tâm hay còn gọi là nhất hành hay nhất thống.

***Tầm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít và chánh tư duy. Như thế gọi là có tầm trong khi ấy.

**23.**

***Tứ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

**24.**

*(Pháp) **Hỷ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả thân tâm, hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc và rất mừng. Như thế là (pháp) hỷ có trong khi ấy.

**25.**

***Lạc** (hỷ) trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc và dụng nạp hứng chịu an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

**26.**

***Nhứt tâm** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, pháp chỉ, định quyền, định lực và chánh định có trong khi nào, thì nhứt tâm có trong khi ấy.

**27.**

***Tín quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, thái độ tín ngưỡng, sự quyết tin, sự rất tín trọng, tín lực, tín quyền, tức là đức tin có trong khi nào, thì tín quyền vẫn có trong khi ấy.

**28.**

***Cần quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực và chánh tinh tấn có trong khi nào, thì cần quyền có trong khi ấy.

**29.**

***Niệm quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm. Đó là vẫn có niệm quyền trong khi ấy.

**30.**

***Định quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ, định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là định quyền có trong khi ấy.

**31.**

***Tuệ quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết rõ đặc tính, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như

ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến có trong khi nào, thì tuệ quyền vẫn có trong khi ấy.

**32.**

***Ý quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh như là ý, tâm, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền sanh từ ý thức giới, có trong khi nào, thì ý quyền có trong khi ấy.

**33.**

***Hỷ*** *(thọ) quyền trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, hay dụng nạp hứng chịu sự an vui từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ quyền có trong khi ấy.

**34.**

***Mạng quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền vẫn có trong khi ấy.

**35.**

***Chánh kiến*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, tuệ trừ tuyệt phiền não, cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là chánh kiến vẫn có trong khi ấy.

**36.**

***Chánh tư duy*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, sự nghĩ ngợi, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm đến khắn khít cảnh, tư duy hay chánh tư duy. Như thế gọi là chánh tư duy vẫn có trong khi ấy.

**37.**

***Chánh tinh tấn*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tinh tấn tức là cần quyền, cần lực và chánh tinh tấn. Như thế gọi là chánh tinh tấn vẫn có trong khi ấy.

**38.**

***Chánh niệm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm tức là niệm quyền, niệm lực và nhớ ghi chánh trực. Như thế gọi là chánh niệm vẫn có trong khi ấy.

**39.**

***Chánh định*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ hay là định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là chánh định vẫn có trong khi ấy.

**40.**

***Tín lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, cách tín ngưỡng, sự quyết tin, tâm tịnh tín, đức tin tức là tín quyền, tín lực. Như thế gọi là tín lực vẫn có trong khi ấy.

**41.**

***Cần lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tức là cần, cần lực, cần quyền, chánh tinh tấn. Như thế gọi là cần lực vẫn có trong khi ấy.

**42.**

***Niệm lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, tức là niệm, niệm quyền, niệm lực, chánh niệm. Như thế gọi là niệm lực vẫn có trong khi ấy.

**43.**

***Định lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ tức là định quyền, định lực, chánh định. Như thế gọi là định lực có trong khi ấy.

**44.**

***Tuệ lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tức là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là tuệ lực vẫn có trong khi ấy.

**45.**

***Tàm lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự thẹn, cách mắc cỡ, những sự hổ thẹn đối với việc làm tội lỗi, hay pháp bất thiện. Hành vi như thế gọi là tàm lực vẫn có trong khi ấy.

**46.**

***Úy lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự ghê tởm, cách sợ hãi, hành vi ghê sợ với việc làm tội lỗi, hay pháp bất thiện. Những ghê sợ đó gọi là úy lực có trong khi ấy.

**47.**

***Vô tham*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có vô tham là không ham muốn, không nhiễm đắm, không tham ác, không mong mỏi, không tham vọng, cách không tham, hành vi không tham, tức là căn thiện vô tham. Như thế gọi là vô tham vẫn có trong khi ấy.

**48.**

***Vô sân*** *trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự giận dỗi, không hờn, không tức mình, không tính hại, không nghĩ đến sự ác độc tức là căn thiện vô sân. Như thế gọi là vô sân có trong khi ấy.

**49.**

***Vô si*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não) cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là vô si vẫn có trong khi ấy.

**50.**

***Vô tham ác*** *trong khi có ra sao?* Như là sự trái với tham, sự không ham muốn, không nhiễm đắm, không tham lam, không mong mỏi, không tham vọng, cách không tham, hành vi không tham, vô tham ác tức là căn thiện vô tham có trong khi nào, thì vô tham ác có trong khi ấy.

**51.**

***Vô sân độc*** *trong khi có ra sao?* Như là không có sự giận dữ, không hờn, không tức mình, không tính hại, không nghĩ đến sự ác độc, vô sân tức là căn thiện có trong khi nào, thì vô sân độc có trong khi ấy.

**52.**

***Chánh kiến*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tuệ quyền, chánh kiến tức là vô si có trong khi nào, thì chánh kiến vẫn có trong khi ấy.

**53.**

***Tàm*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái hổ thẹn với cách hành động ác xấu đáng hổ thẹn, thái độ hổ thẹn với những pháp tội ác có trong khi nào, thì tàm có trong khi ấy.

**54.**

***Úy*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái ghê sợ với hành động xấu đáng ghê sợ, thái độ ghê sợ với những tội ác có trong khi nào, thì úy vẫn có trong khi ấy.

**55.**

***Tĩnh thân*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái tĩnh, tự yên, tự tĩnh, thái độ tĩnh, cách tự yên tĩnh của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì tĩnh thân có trong khi ấy.

**56.**

***Tĩnh tâm*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái tĩnh, tự yên, tự tĩnh, thái độ tĩnh, cách tự yên tĩnh của thức uẩn có trong khi nào, thì tĩnh tâm có trong khi ấy.

**57.**

***Khinh thân*** *trong khi có ra sao?* Sự nhẹ nhàng, cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì khinh thân có trong khi ấy.

**58.**

***Khinh tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự nhẹ nhàng, cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của thức uẩn có trong khi nào, thì khinh tâm vẫn có trong khi ấy.

**59.**

***Nhu thân*** *trong khi có ra sao?* Sự mềm, sự dịu, không cứng, không kiên ngạnh của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì nhu thân có trong khi ấy.

**60.**

***Nhu tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự mềm, sự dịu, không cứng, không kiên ngạnh của thức uẩn có trong khi nào, thì nhu tâm có trong khi ấy.

**61.**

***Thích thân*** *trong khi có ra sao?* Sự thích hợp với việc làm, cách thích hợp với việc làm, trạng thái thích hợp việc làm của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì thích thân có trong khi ấy.

**62.**

***Thích tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự thích hợp với việc làm, cách thích hợp với việc làm, trạng thái thích hợp việc làm của thức uẩn có trong khi nào, thì thích tâm vẫn có trong khi ấy.

**63.**

***Thuần thân*** *trong khi có ra sao?* Sự thuần thục, cách thuần thục, trạng thái thuần thục của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì thuần thân vẫn có trong khi ấy.

**64.**

***Thuần tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự thuần thục, cách thuần thục, trạng thái thuần thục của tâm có trong khi nào, thì thuần tâm vẫn có trong khi ấy.

**65.**

***Chánh thân*** *trong khi có ra sao?* Sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vạy, không co vẹo của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì chánh thân có trong khi ấy.

**66.**

***Chánh tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vạy, không co vẹo của thức uẩn có trong khi nào, thì chánh tâm vẫn có trong khi ấy.

**67.**

***Niệm*** *trong khi có ra sao?* Như là chánh niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm có trong khi nào, thì niệm vẫn có trong khi ấy.

**68.**

***Lương tri*** *trong khi có ra sao?* Tức là tuệ, sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán sát, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung,

tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến có trong khi nào, thì lương tri vẫn có trong khi ấy.

**69.**

*(Pháp)* ***Chỉ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ cũng gọi là định quyền, định lực và chánh định có trong khi nào, thì (pháp) chỉ vẫn có trong khi ấy.

**70.**

*(Pháp)* ***Quán*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ, sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu thấu, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tức là vô si, tuệ quyền, chánh kiến có trong khi nào, thì (pháp) quán có trong khi ấy.

**71.**

***Chiếu cố*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần miễn tức là cần, cần lực, cần quyền và chánh tinh tấn có trong khi nào, thì chiếu cố vẫn có trong khi ấy.

**72.**

***Vô phóng dật*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, vô phóng dật tức là (pháp) chỉ, định quyền, định lực, chánh định có trong khi nào, thì vô phóng dật vẫn có trong khi ấy.

**73.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những pháp chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt câu chia (chi pháp).*
*Dứt phần thứ nhứt: 8.000 chữ Pālī.*

b) <u>Phần điều pháp.</u>

**74.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, ngũ chi thiền, ngũ chi đạo, thất lực, tam nhân, nhứt xúc, nhứt thọ, nhứt tưởng, nhứt tư, nhứt tâm, nhứt thọ uẩn, nhứt tưởng uẩn, nhứt hành uẩn, nhứt thức uẩn, nhứt ý xứ, nhứt ý quyền, nhứt ý thức giới, nhứt pháp xứ, nhứt pháp giới. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là chư pháp thiện.

**75.**

***Tứ uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

- ***Thọ uẩn** trong khi có ra sao?* Như là sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc hưởng hỷ, lạc từ nơi tâm xúc, hứng chịu hỷ, lạc từ nơi tâm xúc có trong khi nào, thì thọ uẩn có trong khi ấy.
- ***Tưởng uẩn** trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng có trong khi nào, thì tưởng uẩn vẫn có trong khi ấy.
- ***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhứt tâm *(ekaggatā),* tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thuần thân, thuần tâm, thích thân, thích tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, lương tri, pháp (chỉ), pháp (quán), chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) có trong khi nào, thì hành uẩn vẫn có trong khi ấy.
- ***Thức uẩn** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, phối hợp sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì thức uẩn vẫn có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là tứ uẩn có trong khi ấy.

**76.**

***Nhị xứ** trong khi có ra sao?* Ý xứ và pháp xứ.

- ***Ý xứ** trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền phối hợp sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì ý xứ vẫn có trong khi ấy.
- ***Pháp xứ** trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, có trong khi nào, thì pháp xứ vẫn có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là nhị xứ có trong khi ấy.

**77.**

***Nhị giới** trong khi có ra sao?* Ý thức giới và pháp giới.

- ***Ý thức giới** trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền phối hợp sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì ý thức giới vẫn có trong khi ấy.
- ***Pháp giới** trong khi có ra sao?* Tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là pháp giới có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là nhị giới có trong khi ấy.

**78.**

***Tam thực** trong khi có ra sao?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực.

- ***Xúc thực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc thực có trong khi ấy.
- ***Tư thực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là có tư thực trong khi ấy.

- ***Thức thực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Như thế gọi là có thức thực trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là tam thực có trong khi ấy.

**79.**

***Bát quyền*** *trong khi có ra sao?* Như là tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền và mạng quyền.

- ***Tín quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, thái độ tín ngưỡng, sự quyết tin, sự rất tín trọng, tín quyền, tín lực tức là đức tin có trong khi nào, thì tín quyền vẫn có trong khi ấy.
- ***Cần quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự. Cần tức là cần quyền, cần lực, chánh tinh tấn có trong khi nào, thì cần quyền có trong khi ấy.
- ***Niệm quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm. Đó là vẫn có niệm quyền trong khi ấy.
- ***Định quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là định quyền có trong khi ấy.
- ***Tuệ quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến có trong khi nào, thì tuệ quyền vẫn có trong khi ấy.
- ***Ý quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Như thế gọi là ý quyền có trong khi ấy.
- ***Hỷ quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ quyền có trong khi ấy.
- ***Mạng quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng như thế ấy gọi là bát quyền.

**80.**

***Ngũ chi thiền*** *trong khi có ra sao?* Tức là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm[3].

- ***Tầm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh, tư duy và chánh tư duy. Như thế gọi là tầm có trong khi ấy.

---

[3] Nhất tâm: định, nhất thống, nhất hành.

- ***Tứ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách đem tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.
- *(Pháp)* ***Hỷ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả (thân) tâm, hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc và rất mừng. Như thế gọi là (pháp) hỷ có trong khi ấy.
- *(Chi)* ***Lạc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc và dụng nạp hứng chịu an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.
- ***Nhất tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, pháp chỉ, định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là nhất tâm có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng như thế đó gọi là ngũ chi thiền có trong khi ấy.

**81.**

***Ngũ chi đạo*** *trong khi có ra sao?* Như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

- ***Chánh kiến*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là chánh kiến có trong khi ấy.
- ***Chánh tư duy*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh và chánh tư duy. Như thế gọi là chánh tư duy có trong khi ấy.
- ***Chánh tinh tấn*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tinh tấn tức là chánh tinh tấn, cần quyền và cần lực. Như thế gọi là chánh tinh tấn có trong khi ấy.
- ***Chánh niệm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm tức là niệm quyền, niệm lực và nhớ ghi chánh trực. Như thế gọi là chánh niệm có trong khi ấy.
- ***Chánh định*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ hay là định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là chánh định có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng như thế đó gọi là ngũ chi đạo có trong khi ấy.

**82.**

***Thất lực*** *trong khi có ra sao?* Như là tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực và úy lực.

- ***Tín lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, cách tín ngưỡng, sự quyết tin, tâm tịnh tín, đức tin tức là tín lực, tín quyền. Như thế gọi là tín lực có trong khi ấy.
- ***Cần lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tức là cần, cần lực, cần quyền, chánh tinh tấn. Như thế gọi là cần lực có trong khi ấy.

- ***Niệm lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên tức là niệm, niệm lực, niệm quyền và chánh niệm. Như thế gọi là niệm lực có trong khi ấy.
- ***Định lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ tức là định quyền, định lực, chánh định. Như thế gọi là định lực có trong khi ấy.
- ***Tuệ lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là tuệ lực có trong khi ấy.
- ***Tàm lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự thẹn, cách mắc cỡ, những sự hổ thẹn đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện, hành vi như thế gọi là tàm lực có trong khi ấy.
- ***Úy lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự ghê tởm, cách sợ hãi, hành vi ghê sợ đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Những ghê sợ đó gọi là úy lực có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là thất lực có trong khi ấy.

**83.**

***Tam nhân*** *trong khi có ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si.
- ***Vô tham*** *trong khi có ra sao?* Không ham, không muốn, không dục vọng, thái độ không tham, không muốn, không dục vọng, không tham ác. Căn thiện vô tham có trong khi nào, thì vô tham có trong khi ấy.
- ***Vô sân*** *trong khi có ra sao?* Không tính độc ác, không tính ác, không tính ép uổng, thái độ không hung dữ ác độc. Căn thiện vô sân có trong khi nào, thì vô sân có trong khi ấy.
- ***Vô si*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não). Tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, chánh kiến, vô si là căn thiện vô si có trong khi nào, thì vô si có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là tam nhân có trong khi ấy.

**84.**

***Nhứt xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm có trong khi nào, đây gọi là nhứt xúc có trong khi ấy.

**85.**

***Nhứt thọ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là nhứt thọ có trong khi ấy.

**86.**

***Nhứt tưởng*** *trong khi có ra sao?*

Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế, đó mới gọi là nhứt tưởng có trong khi ấy.

**87.**

***Nhứt tư*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là nhứt tư có trong khi ấy.

**88.**

***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Như thế gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

**89.**

***Nhứt thọ uẩn*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là nhứt thọ uẩn có trong khi ấy.

**90.**

***Nhứt tưởng uẩn*** *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế, đó mới gọi là nhứt tưởng uẩn có trong khi ấy.

**91.**

***Nhứt hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) có trong khi nào, đây gọi là nhứt hành uẩn có trong khi ấy.

**92.**

***Nhứt thức uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, thức, ý là ý xứ, ý quyền. Thức là thức uẩn, ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là nhứt thức uẩn có trong khi ấy.

**93.**

***Nhứt ý xứ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Đó gọi là nhứt ý xứ có trong khi ấy.

**94.**

***Nhứt ý quyền*** *trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, thức, ý là ý xứ, ý quyền, thức là thức uẩn, ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là nhứt ý quyền có trong khi ấy.

**95.**

***Nhứt ý thức giới*** *trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa... ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là nhứt ý thức giới có trong khi ấy.

**96.**

***Nhứt pháp xứ*** *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Đây gọi là nhứt pháp xứ có trong khi ấy.

**97.**

***Nhứt pháp giới*** *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Đây gọi là nhứt pháp giới có trong khi ấy.

**98.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

c) Phần tiêu diệt.

**99.**

Hay là chư pháp, chư uẩn, chư xứ, chư giới, chư thực, quyền, thiền, đạo, lực, nhân, xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, ý xứ, ý quyền, ý thức giới, pháp xứ, pháp giới. Hoặc những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**100.**

***Chư pháp*** *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Như thế gọi là chư pháp có trong khi ấy.

**101.**

***Chư uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Đây gọi là chư uẩn có trong khi ấy.

**102.**

***Chư xứ*** *trong khi có ra sao?* Như là ý xứ và pháp xứ. Đây gọi là chư xứ có trong khi ấy.

**103.**

***Chư giới*** *trong khi có ra sao?* Như là ý thức giới và pháp giới. Đây gọi là chư giới có trong khi ấy.

**104.**

***Chư thực*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực. Đây gọi là chư thực có trong khi ấy.

**105.**

***Chư quyền** trong khi có ra sao?* Như là tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền và mạng quyền. Như thế gọi là chư quyền có trong khi ấy.

**106.**

***Thiền** trong khi có ra sao?* Như là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là thiền có trong khi ấy.

**107.**

***Đạo** trong khi có ra sao?* Như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây gọi là đạo có trong khi ấy.

**108.**

***Lực** trong khi có ra sao?* Như là tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực. Như thế gọi là lực có trong khi ấy.

**109.**

***Nhân** trong khi có ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si. Như thế gọi là nhân có trong khi ấy.

**110.**

***Xúc** trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là xúc có trong khi ấy.

**111.**

***Thọ** trong khi có ra sao*? ... Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

**112.**

***Tưởng** trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là tưởng có trong khi ấy.

**113.**

***Tư** trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

**114.**

***Tâm** trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là tâm có trong khi ấy.

**115.**

***Thọ uẩn** trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là thọ uẩn có trong khi ấy.

**116.**

***Tưởng uẩn** trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là tưởng uẩn có trong khi ấy.

**117.**

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

**118.**

***Thức uẩn** trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là thức uẩn có trong khi ấy.

**119.**

***Ý xứ** trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là ý xứ có trong khi ấy.

**120.**

***Ý quyền*** *trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là ý quyền có trong khi ấy.

**121.**

***Ý thức giới*** *trong khi có ra sao?* ... Như thế gọi là ý thức giới có trong khi ấy.

**122.**

***Pháp xứ*** *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là pháp xứ có trong khi ấy.

**123.**

***Pháp giới*** *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là pháp giới có trong khi ấy.

**124.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trong khi ấy.

Những chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

*Dứt phần tiêu diệt.*

**1.2) Tâm đại thiện thứ hai.**

**125.**

***Chư pháp thiện*** *là chi?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ, tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có cảnh sắc... hoặc có cảnh pháp. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật vẫn có trong khi ấy.

Như thế gọi là chư pháp thiện.

**1.3) Tâm đại thiện thứ ba.**

**126.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ, bất tương ưng trí hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô tham ác, vô sân độc, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh, đều gọi là pháp thiện có trong khi ấy.

Những chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

**127.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, thất quyền, ngũ chi thiền, tứ chi đạo, lục lực, nhị nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**128.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, pháp hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, mạng quyền, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô tham ác, vô sân độc, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) có trong khi nào, thì hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**1.4) Tâm đại thiện thứ tư.**

**129.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ, bất tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có cảnh sắc... hoặc có cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật vẫn có trong khi ấy...

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**1.5) Tâm đại thiện thứ năm.**

**130.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả, tương ưng trí, hoặc có cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**131.**

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Thọ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu hưởng sự không vui, không buồn khổ sanh từ sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu không vui, không khổ (buồn) của tâm

sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy không vui, không khổ (buồn) của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

- ***Xả** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng phi hỷ, phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc, dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xả có trong khi ấy.
- ***Xả quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng phi hỷ, phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc, dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xả quyền có trong khi ấy.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng như thế gọi là pháp thiện.

**132.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, tứ chi thiền, ngũ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I... pháp xứ I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Như thế đều gọi là pháp thiện.

**133.**

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn). Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng ấy gọi là pháp thiện.

### 1.6) Tâm đại thiện thứ sáu.

**134.**

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả, tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có cảnh sắc... hoặc cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng ấy gọi là pháp thiện.

### 1.7) Tâm đại thiện thứ bảy.

**135.**

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả, bất tương ưng trí, hoặc có cảnh sắc... hoặc có cảnh pháp. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm,

chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô tham ác, vô sân độc, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**136.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, thất quyền, tứ chi thiền, tứ chi đạo, lục lực, nhị nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

**137.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, mạng quyền, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô tham ác, vô sân độc, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đó (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn). Như thế đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

### 1.8) Tâm đại thiện thứ tám.

**138.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả, bất tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có cảnh sắc... hoặc có cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... .

Những pháp chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

*Dứt tám tâm thiện Dục giới*

*Dứt phần thứ nhì: 8.000 chữ Pālī*

---

## 2) Thiện Sắc Giới

**<u>Phân theo bốn bực.</u>**

**139.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục, vắng lặng tất cả pháp bất thiện, chứng sơ thiền nương đề mục đất làm cảnh hợp với tầm, tứ, hỷ, lạc và nhứt tâm trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**140.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tự nội yên tịnh, vắng lặng, ly tầm tứ, hiệp nhứt tâm, vô tầm, vô tứ, còn hỷ, lạc, nhứt tâm đến nhị thiền nương cảnh đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, pháp hỷ, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**141.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, tam chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**142.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, pháp hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn). Như thế đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

**143.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hóa theo đường lối hầu đến Sắc giới do tiêu tán pháp hỷ, luôn đến bực hiệp thọ xả, vẫn còn chánh niệm lương tri và hưởng lạc bằng danh thân. Chư Thánh hiền gọi bực ấy là người hiệp xả, vẫn có niệm và lạc như thế, chứng tam thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**144.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, nhị chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**145.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn). Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**146.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hóa theo đường lối hầu đến Sắc giới chứng tứ thiền nương đề mục đất dứt bặt ưu hỷ, không khổ, không lạc, vẫn niệm thanh tịnh do xả, có trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, xả, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**147.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, nhị chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**148.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn đều có trong khi ấy. Như thế gọi là hành uẩn có trong khi đó.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**<u>Phân thiền năm bực.</u>**

**149.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền nương đề mục đất… có trong khi khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**150.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực chứng nhị thiền nương đề mục đất, không tầm có tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tứ, pháp hỷ, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**151.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, tứ chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng như thế gọi là pháp thiện.

**152.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tứ, pháp hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn). Như thế đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**153.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc tam thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, pháp hỷ, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**154.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, tam chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**155.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, pháp hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn). Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**156.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới đặng tiêu tán pháp hỷ… chứng tứ thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**157.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thiền, bát quyền, nhị chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**158.**

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn). Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**159.**

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới trừ luôn lạc… đắc ngũ thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, xả, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**160.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, nhị chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**161.**

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn). Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

## **<u>Tứ tiến hành (patipadā).</u>**

**162.**

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... chứng sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**163.**

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**164.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... chứng sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**165.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**166.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ... đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... ngũ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì... bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp... bằng đề mục đất... mà hành dị đắc trì... bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**<u>Tứ cảnh.</u>**

**167.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà lực hy thiểu và cảnh hy thiểu trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật... có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**168.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**169.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**170.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền bằng đề mục đất... mà lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**171.**

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng đề mục đất... mà lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… lực hy thiểu, cảnh vô lượng… lực vô lượng, cảnh hy thiểu… lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

<u>**Chia thiền mỗi thứ thành mười sáu.**</u>

**172.**

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì và lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì và lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì và lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**173.**

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp và lực vô lượng, cảnh hy thiểu... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp và lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**174.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất… mà hành dị đắc trì và lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc trì và lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc trì và lực vô lượng, cảnh hy thiểu... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc trì và lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**175.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp và lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp và lực vô lượng,

cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**176.**

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng lìa tầm tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… bằng đề mục đất…, mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…

- … hành nan đắc trì, lực hy thiểu cảnh vô lượng…
- … hành nan đắc trì, lực vô lượng cảnh hy thiểu…
- … hành nan đắc trì, lực vô lượng cảnh vô lượng…

- … hành nan đắc cấp, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…
- … hành nan đắc cấp, lực hy thiểu cảnh vô lượng…
- … hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh hy thiểu…
- … hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng…

- … hành dị đắc trì, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…
- … hành dị đắc trì, lực hy thiểu cảnh vô lượng…
- … hành dị đắc trì, lực vô lượng cảnh hy thiểu…
- … hành dị đắc trì, lực vô lượng cảnh vô lượng…

- … hành dị đắc cấp, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…
- … hành dị đắc cấp, lực hy thiểu cảnh vô lượng…
- … hành dị đắc cấp, lực vô lượng cảnh hy thiểu…
- … hành dị đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng…

… có trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt chia thiền mỗi thứ thành mười sáu.*

**177.**

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục nước… đề mục lửa… đề mục gió… đề mục màu xanh… đề mục màu vàng… đề mục màu đỏ… đề mục màu trắng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt tám đề mục phổ cập chia mỗi thứ thành mười sáu.*

**Diệu xứ (*abhibhāyatana*).**

**178.**

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư

dục… đắc nhị thiền… tam thiền... tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

## Tứ tiến hành *(paṭipadā)*.

**179.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, vắng lặng tầm, tứ… chứng nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… chứng sơ thiền… chứng ngũ thiền mà hành dị đắc trì… hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt tứ tiến hành.*

## Nhị cảnh (*ārammaṇa*).

**180.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà lực hy thiểu cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, vắng lặng, lìa tầm tứ chứng nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… chứng sơ thiền… chứng ngũ thiền mà lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy… Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt nhị cảnh.*

**<u>Chia thiền mỗi thứ thành mười sáu. (chia theo diệu xứ)</u>**

**181.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì, lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp và lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp và lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, vắng lặng lìa tầm tứ… đắc nhị thiền… đắc tam thiền… đắc tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu…

  -… hành nan đắc trì, lực vô lượng cảnh hy thiểu…

  -… hành nan đắc cấp, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…

-… hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh hy thiểu…

-… hành dị đắc trì, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…

-… hành dị đắc trì, lực vô lượng cảnh hy thiểu…

-… hành dị đắc cấp, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…

-… hành dị đắc cấp, lực vô lượng cảnh hy thiểu…

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt phần chia thiền mỗi thứ đặng mười sáu.*

**<u>Diệu xứ.</u>**

**182.**

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu màu tốt hoặc màu không tốt, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến, hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu màu tốt hoặc màu không tốt, quyết duy trì như thế, vắng lặng lìa tầm tứ… đắc nhị thiền… đắc tam thiền… đắc tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Diệu xứ chia mỗi thứ đặng tám như thế này.*

**183.**

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, vắng lặng lìa tầm tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**<u>Tứ tiến hành (*paṭipadā*).</u>**

**184.**

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì sự thấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì sự nhận thấy như thế, vắng lặng lìa tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… mà hành nan đắc nan… hành nan đắc cấp… hành dị đắc trì… hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt tứ tiến hành.*

**<u>Nhị cảnh.</u>**

**185.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc như thế, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành nan đắc trì, lực đa cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy bên ngoài sắc vô lượng, quyết duy trì hiểu thấy sắc như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp, lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt nhị cảnh.*

**<u>Chia thiền mỗi thứ đặng tám cách.</u>**

**186.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì sự thấy sắc ấy, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến, hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp, lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì sự nhận thấy sắc ấy, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì theo sự nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài dồi dào, quyết duy trì theo sự nhận thấy sắc ấy, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành dị đắc cấp, lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì theo sự nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp, lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì theo sự nhận

thấy sắc ấy như thế, vắng lặng lìa tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền, mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu và cảnh vô lượng…

-… hành nan đắc trì, lực vô lượng cảnh vô lượng…

-… hành nan đắc cấp, lực hy thiểu cảnh vô lượng…

-… hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng…

-… hành dị đắc trì, lực hy thiểu cảnh vô lượng…

-… hành dị đắc trì, lực vô lượng cảnh vô lượng…

-… hành dị đắc cấp, lực hy thiểu cảnh vô lượng…

-… hành dị đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng…

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt cách chia thiền mỗi thứ đặng tám.*

**187.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, màu tốt hoặc không tốt, quyết duy trì sự thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, có những màu tốt và không tốt, quyết duy trì sự nhận thấy như thế, vắng lặng tầm, tứ, đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền…… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Diệu xứ cũng chia mỗi thứ thành tám như thế này.

**188.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài màu xanh, chói xanh, chất xanh, chiếu xanh, quyết duy trì nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài màu vàng, vàng chói, vàng ánh, vàng chiếu… nhận thấy sắc bên ngoài đỏ, đỏ chói, đỏ đậm, chiếu đỏ… nhận thấy sắc bên ngoài trắng, chói trắng, trắng tinh, chiếu trắng, quyết duy trì nhận thấy sắc như thế đó, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Diệu xứ cũng chia mỗi thứ thành mười sáu như thế này.

*Dứt diệu xứ.*

**Tam viên tịch (*vimokkha*).**

**189.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đặng thấy những sắc, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, chăm chú tâm trong đề mục sắc màu cho rằng tốt, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Tam viên tịch cũng phân mỗi thứ thành mười sáu.

*Dứt tam viên tịch.*

**Thiền tứ vô lượng tâm.**

**190.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, lìa hỷ… đắc tam thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đắc nhị thiền đồng sanh với từ, vô tầm còn tứ, hỷ, lạc sanh từ định, trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… chứng tam thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, xa lìa hỷ… đắc tứ thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với bi… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền… đồng sanh với bi… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với tùy hỷ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… đắc sơ thiền… tứ thiền… đồng sanh với tùy hỷ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng lìa luôn chi lạc… đắc tứ thiền (cũng là ngũ thiền) đồng sanh với xả… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Thiền tứ vô lượng tâm phân mỗi thứ thành mười sáu.

*Dứt thiền tứ vô lượng tâm.*

**<u>Thiền bất mỹ (*asubhajhana*).</u>**

**191.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với “tưởng tử thi sình”… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với “tưởng tử thi biến sắc”…

  … đồng sanh với “tưởng tử thi chảy nước vàng”…

  … đồng sanh với “tưởng tử thi bể nứt nở”…

  … đồng sanh với “tưởng tử thi bị thú ăn”…

  … đồng sanh với “tưởng tử thi rã hai”…

  … đồng sanh với “tưởng tử thi rã từng miếng”…

  … đồng sanh với “tưởng tử thi máu đọng nhầm’…

  … đồng sanh với “tưởng tử thi hóa dòi tửa”…

  … đồng sanh với “tưởng tử thi rải rác”

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Thiền bất mỹ cũng chia mỗi thứ đặng mười sáu.

*Dứt thiện sắc giới.*

---

### 3) Thiện Vô Sắc Giới

#### a) Tứ thiền vô sắc giới.

**192.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, nhờ lướt qua những tưởng hữu hình, diệt tưởng phẫn nhuế, không còn tác ý tưởng dị, trừ luôn lạc… đắc tứ thiền xả thọ đồng sanh với Không vô biên xứ trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt khỏi những Không vô biên xứ đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền xả thọ đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt khỏi những Thức vô biên xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền xả thọ đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt khỏi những Vô sở hữu xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền xả thọ đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bốn bực thiền vô sắc phân mỗi thứ thành mười sáu.

*Dứt thiện Vô sắc giới.*

#### b) Ba bực pháp thiện trong ba cõi.

**<u>Thiện Dục giới.</u>**

**193.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm Dục giới đồng sanh hỷ, tương ưng trí bực hạ *(hīna)*... bực trung *(majjhima)*… bực thượng *(paṇīta)*… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng…
  - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
  - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
  - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
  - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ, bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ, bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả, tương ưng trí… đồng sanh xả, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả, bất tương ưng trí… đồng sanh xả, bất tương ưng trí hữu dẫn… mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

    - Có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng…
    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt thiện Dục giới.*

## Thiện Sắc giới.

**194.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền bằng đề mục đất… thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng…
    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng đề mục đất… thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng….

    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt thiện Sắc giới.*

## Thiện Vô sắc giới.

**195.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt qua những tưởng hữu hình, đã diệt tưởng phẫn nhuế, không còn tác ý tưởng dị, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Không vô biên xứ mà thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng….
    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….

  … trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt khỏi những Không vô biên xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ mà thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng….

    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

  … trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt qua khỏi những Thức vô biên xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ… vẫn thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng… .

    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

  … có trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt qua khỏi những Vô sở hữu xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ… mà thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng…

    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

  … trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt thiện Vô sắc giới.*

---

### 4) Tâm Thiện Siêu Thế

### 4.1) Tâm thiện siêu thế (Lối hẹp có bốn).

a) Tâm đạo thứ nhứt.

**196.**

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan đưa khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, trong sạch lìa bất thiện, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì hiệp với tầm, tứ, hỷ, sanh từ yên tĩnh trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, pháp hỷ, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, tri dị tri quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, (chánh) niệm, lương tri, (pháp) chỉ, (pháp) quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**197.**

***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

**198.**

***Thọ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

**199.**

***Tưởng** trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

**200.**

***Tư** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

**201.**

***Tâm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, và ý thức giới. Như thế gọi là có tâm trong khi ấy.

**202.**

***Tầm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh, tư duy, chánh tư duy là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là có tầm trong khi ấy.

**203.**

***Tứ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

**204.**

***(Pháp) Hỷ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả (thân) tâm, sự hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc, rất mừng, hỷ giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là (pháp) hỷ có trong khi ấy.

**205.**

***Lạc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, dụng nạp hứng chịu an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

**206.**

***Nhứt tâm** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, pháp chỉ, định quyền, định lực, chánh định và định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì nhứt tâm có trong khi ấy.

**207.**

***Tín quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, thái độ tín ngưỡng, sự quyết tin, sự rất tín trọng, tín lực, tín quyền, tức là đức tin có trong khi nào, thì tín quyền có trong khi ấy.

**208.**

***Cần quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực, cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, chánh tinh tấn có trong khi nào, thì cần quyền có trong khi ấy.

**209.**

***Niệm quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Đó là vẫn có niệm quyền trong khi ấy.

**210.**

***Định quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ, định quyền, định lực, chánh định, định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định quyền có trong khi ấy.

**211.**

***Tuệ quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách

hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì tuệ quyền vẫn có trong khi ấy.

**212.**

***Ý quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì ý quyền có trong khi ấy.

**213.**

***Hỷ (thọ)** quyền trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, hay dụng nạp hứng chịu sự an vui từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ quyền có trong khi ấy.

**214.**

***Mạng quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

**215.**

***Tri dị tri quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là tri dị tri quyền có trong khi ấy.

**216.**

***Chánh kiến** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến có trong khi ấy.

**217.**

***Chánh tư duy** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, sự nghĩ ngợi, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh, tư duy, chánh tư duy là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì chánh tư duy có trong khi ấy.

**218.**

***Chánh ngữ** trong khi có ra sao?* Sự chừa bỏ, cách chừa bỏ, càng chừa bỏ, tránh xa không làm, không đá động, không hiệp tác, không phạm đến tứ ác ngữ, chánh ngữ là chi

của đạo, trọn liên hệ trong đạo, lời nói chơn chánh có trong khi nào, thì chánh ngữ có trong khi ấy.

**219.**

***Chánh nghiệp*** *trong khi có ra sao?* Sự chừa bỏ, cách chừa bỏ, càng chừa bỏ, tránh xa, không làm, không đá động, không hiệp tác, không phạm tứ ác ngữ, chánh nghiệp là chi của đạo, liên hệ trong đạo, hành động chơn chánh có trong khi nào, thì chánh nghiệp có trong khi ấy.

**220.**

***Chánh mạng*** *trong khi có ra sao?* Sự chừa bỏ, cách chừa bỏ, càng chừa bỏ, tránh xa không làm, không đá động, không hiệp tác, không phạm tà mạng, chánh mạng là chi của đạo, trọn liên hệ trong đạo, sự nuôi mạng chơn chánh có trong khi nào, thì chánh mạng có trong khi ấy.

**221.**

***Chánh tinh tấn*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực, chánh tinh tấn và cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì chánh tinh tấn có trong khi ấy.

**222.**

***Chánh niệm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì chánh niệm có trong khi ấy.

**223.**

***Chánh định*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ tức là định quyền, định lực, chánh định, định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh định có trong khi ấy.

**224.**

***Tín lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, cách tín ngưỡng, sự quyết tin, tâm tịnh tín, đức tin tức là tín quyền, tín lực. Như thế gọi là tín lực có trong khi ấy.

**225.**

***Cần lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực, chánh tinh tấn và cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần lực có trong khi ấy.

**226.**

***Niệm lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm,

niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm lực có trong khi ấy.

**227.**

***Định lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ tức là định quyền, định lực, chánh định, định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định lực có trong khi ấy.

**228.**

***Tuệ lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tức là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là tuệ lực vẫn có trong khi ấy.

**229.**

***Tàm lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự thẹn, cách mắc cỡ, những sự hổ thẹn đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Hành vi như thế gọi là tàm lực vẫn có trong khi ấy.

**230.**

***Úy lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự ghê tởm, cách sợ hãi, hành vi ghê sợ với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Những ghê sợ đó gọi là úy lực có trong khi ấy.

**231.**

***Vô tham*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có vô tham là không ham muốn, không nhiễm đắm, không tham ác, không mong mỏi, không tham vọng, cách không tham, hành vi không tham, tức là căn thiện vô tham. Như thế gọi là vô tham có trong khi ấy.

**232.**

***Vô sân*** *trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự giận dỗi, không hờn, không tức mình, không tính hại, không nghĩ đến sự ác độc tức là căn thiện vô sân. Như thế gọi là vô sân có trong khi ấy.

**233.**

***Vô si*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là vô si có trong khi ấy.

**234.**

***Vô tham ác*** *trong khi có ra sao?* Như là sự trái với tham, sự không ham muốn, không nhiễm đắm, không tham lam, không mong mỏi, không tham vọng, cách không tham, hành vi không tham, vô tham ác, tức là căn thiện vô tham có trong khi nào, thì vô tham ác có trong khi ấy.

**235.**

***Vô sân độc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự giận dữ, không hờn, không tức mình, không tính hại, không nghĩ đến sự ác độc, vô sân tức là căn thiện có trong khi nào, thì vô sân độc có trong khi ấy.

**236.**

***Chánh kiến*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến vẫn có trong khi ấy.

**237.**

***Tàm*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái hổ thẹn với cách hành động ác xấu đáng hổ thẹn, thái độ hổ thẹn với những pháp tội ác có trong khi nào, thì tàm có trong khi ấy.

**238.**

***Úy*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái ghê sợ với hành động xấu đáng ghê sợ, thái độ ghê sợ với những tội ác có trong khi nào, thì úy có trong khi ấy.

**239.**

***Tĩnh thân*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái tĩnh, tự yên, tự tĩnh, thái độ tĩnh, cách tự yên tự tĩnh của thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và yên tĩnh giác chi. Như thế gọi là tĩnh thân có trong khi ấy.

**240.**

***Tĩnh tâm*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái tĩnh, tự yên, tự tĩnh, thái độ tĩnh, cách tự yên tĩnh của thức uẩn và yên tĩnh giác chi. Như thế gọi là tĩnh tâm có trong khi ấy.

**241.**

***Khinh thân*** *trong khi có ra sao?* Sự nhẹ nhàng, cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì khinh thân có trong khi ấy.

**242.**

***Khinh tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự nhẹ nhàng, cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của thức uẩn có trong khi nào, thì khinh tâm có trong khi ấy.

**243.**

***Nhu thân*** *trong khi có ra sao?* Sự mềm dịu, không cứng, không kiên ngạnh của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì nhu thân có trong khi ấy.

**244.**

***Nhu tâm** trong khi có ra sao?* Sự mềm, sự dịu, không cứng, không kiên ngạnh của thức uẩn có trong khi nào, thì nhu tâm có trong khi ấy.

**245.**

***Thích thân** trong khi có ra sao?* Sự thích hợp với việc làm, cách thích hợp với việc làm, trạng thái thích hợp việc làm của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì thích thân có trong khi ấy.

**246.**

***Thích tâm** trong khi có ra sao?* Sự thích hợp với việc làm, cách thích hợp với việc làm, trạng thái thích hợp việc làm của thức uẩn có trong khi nào, thì thích tâm có trong khi ấy.

**247.**

***Thuần thân** trong khi có ra sao?* Sự thuần thục, cách thuần thục, trạng thái thuần thục của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì thuần thân có trong khi ấy.

**248.**

***Thuần tâm** trong khi có ra sao?* Sự thuần thục, cách thuần thục, trạng thái thuần thục của tâm có trong khi nào, thì thuần tâm có trong khi ấy.

**249.**

***Chánh thân** trong khi có ra sao?* Sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vạy, không co vẹo của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì chánh thân có trong khi ấy.

**250.**

***Chánh tâm** trong khi có ra sao?* Sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vạy, không co vẹo của thức uẩn có trong khi nào, thì chánh tâm có trong khi ấy.

**251.**

***Niệm** trong khi có ra sao?* Như là chánh niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm có trong khi ấy.

**252.**

***Lương tri** trong khi có ra sao?* Như là tuệ, sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là lương tri có trong khi ấy.

**253.**

***Chỉ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ cũng gọi là định quyền, định lực, chánh định và định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chỉ vẫn có trong khi ấy.

**254.**

*(Pháp)* ***Quán*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ, sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là (pháp) quán có trong khi ấy.

**255.**

***Chiếu cố*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần miễn tức là cần, cần quyền, cần lực, chánh tinh tấn và cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chiếu cố có trong khi ấy.

**256.**

***Vô phóng dật*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, vô phóng dật tức là (pháp) chỉ, định quyền, định lực, chánh định và định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là vô phóng dật có trong khi ấy.

**257.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**258.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, cửu quyền, ngũ chi thiền, bát chi đạo, thất lực, tam nhân xúc I, thọ I, tưởng I, tư I, tâm I, thọ uẩn I, tưởng uẩn I, hành uẩn I, thức uẩn I, ý xứ I, ý quyền I, ý thức giới I, pháp xứ I, pháp giới I, đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**259.**

Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, tri dị tri quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn có trong khi nào, thì hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt lối hẹp có bốn.*

**4.2) Tâm thiện siêu thế (Cách rộng có hai mươi).**

Phần tịnh tiến hành.

**260.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc nan trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**261.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**262.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**263.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**264.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… mà hành nan đắc trì… hành nan đắc cấp… hành dị đắc trì… hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt phần tịnh tiến hành.*

Chủng tiêu diệt (*suññata*).

**265.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt phần chủng tiêu diệt.*

Phần căn tiêu diệt tiến hành.

**266.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì… bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc cấp… bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc trì… bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt phần tiêu diệt.*

Chủng phi nội (*appaṇthita*).

**267.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt chủng phi nội.*

<u>Phần căn phi nội tiến hành</u>.

**268.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc cấp… chủng phi nội mà hành dị đắc trì… chủng phi nội mà hành dị đắc cấp trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt phần căn phi nội tiến hành.*

**269.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối siêu thế… tu tiến tứ niệm xứ đến siêu thế… tu tiến tứ chánh cần đến siêu thế… tu tiến như ý túc đến siêu thế… tu tiến quyền đến siêu thế… tu tiến lực đến siêu thế… tu tiến giác chi đến siêu thế… tu tiến đế đến siêu thế… tu tiến chỉ đến siêu thế… tu tiến pháp đến siêu thế… tu tiến uẩn đến siêu thế… tu tiến giới đến siêu thế… tu tiến thực đến siêu thế… tu tiến xúc đến siêu thế… tu tiến thọ đến siêu thế… tu tiến tưởng đến siêu thế… tu tiến tư đến siêu thế… tu tiến tâm đến siêu thế… cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến,

hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt cách rộng hai mươi.*

Trưởng (*adhipati*).

**270.**

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… bằng dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng… mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối siêu thế… tu tiến tứ niệm xứ đến siêu thế… tu tiến chánh cần đến siêu thế… tu tiến như ý túc đến siêu thế… tu tiến quyền đến siêu thế… tu tiến lực đến siêu thế… tu tiến giác chi đến siêu thế… tu tiến đế đến siêu thế… tu tiến chỉ đến siêu thế… tu tiến pháp đến siêu thế… tu tiến uẩn đến siêu thế… tu tiến xứ đến siêu thế… tu tiến giới đến siêu thế… tu tiến thực đến siêu thế… tu tiến xúc đến siêu thế… tu tiến thọ đến siêu thế… tu tiến tưởng đến siêu thế… tu tiến tư đến siêu thế… tu tiến tâm đến siêu thế… cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng dục trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt trưởng và dứt tâm đạo thứ nhứt.*

**b) Tâm đạo thứ hai.**

**271.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng chứng bực thứ hai hầu giảm bớt ái dục và sân độc cho nhẹ nhàng, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… tri dĩ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt tâm đạo thứ hai.*

**c) Tâm đạo thứ ba.**

**272.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo hầu chứng bực thứ ba, đặng bớt ái dục và sân độc đều tuyệt, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… tri dĩ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt tâm đạo thứ ba.*

**d) Tâm đạo thứ tư.**

**273.**

***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, hầu chứng bực thứ tư, đặng trừ sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật và vô minh đều tuyệt không còn, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… tri dĩ tri quyền… vô phóng dật đều có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

**274.**

***Tri dĩ tri quyền*** *trong khi có ra sao?* Tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi vi tế, suy xét, gạn xét, quán xét, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng gọi vô si, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, có trong khi nào, thì tri dĩ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy…. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

*Dứt tâm đạo thứ tư và dứt tâm thiện siêu thế.*

---

## II. PHÁP BẤT THIỆN

## 12 TÂM BẤT THIỆN

### 1) Tâm bất thiện thứ nhứt.

Phần chi pháp.

**275.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ, tương ưng tà kiến; hoặc có cảnh sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp, hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, tà kiến, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**276.**

***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

**277.**

***Thọ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

**278.**

***Tưởng*** *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

**279.**

***Tư*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

**280.**

***Tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Như thế gọi là tâm có trong khi ấy.

**281.**

***Tầm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh và tà tư duy. Như thế gọi là có tầm có trong khi ấy.

**282.**

***Tứ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

**283.**

*(Pháp)* ***Hỷ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả (thân) tâm, sự hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc và rất mừng. Như thế gọi là (pháp) hỷ có trong khi ấy.

**284.**

***Lạc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc và dụng nạp hứng chịu an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

**285.**

***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, (pháp) chỉ, định quyền, định lực, tà định. Như thế gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

**286.**

***Cần quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực và tà tinh tấn có trong khi nào, thì cần quyền có trong khi ấy.

**287.**

***Định quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, định quyền, định lực và tà định. Như thế gọi là định quyền có trong khi ấy.

**288.**

***Ý quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là ý quyền có trong khi ấy.

**289.**

***Hỷ quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, hay dụng nạp hứng chịu sự an vui từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ quyền có trong khi ấy.

**290.**

***Mạng quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

**291.**

***Tà kiến*** *trong khi có ra sao?* Kiến thức tức là thiên kiến, hoang vu kiến, ký khu kiến, thù nghịch kiến, biến hóa kiến, kiến thức như triền, chấp trước nghịch kiến, kiến hoặc, khinh thị, lộ đồ sai, tà đạo, sự sai căn nguyên tà giáo, chấp ngược có trong khi nào, đây gọi là tà kiến có trong khi ấy.

**292.**

***Tà tư duy*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh và tà tư duy. Như thế gọi là tà tư duy có trong khi ấy.

**293.**

***Tà tinh tấn*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tinh tấn tức là tà tinh tấn, cần quyền và cần lực. Như thế gọi là tà tinh tấn có trong khi ấy.

**294.**

***Tà định*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, cũng gọi định quyền, định lực và tà định. Như thế gọi là tà định có trong khi ấy.

**295.**

***Cần lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực và tà tinh tấn. Như thế gọi là cần lực có trong khi ấy.

**296.**

***Định lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, cũng gọi định quyền, định lực và tà định. Như thế gọi là định lực có trong khi ấy.

**297.**

***Vô tàm lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự hổ thẹn, cách không mắc cỡ, những sự không hổ thẹn đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Những hành vi như thế gọi là vô tàm lực có trong khi ấy.

**298.**

***Vô úy lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự ghê tởm, cách không sợ hãi, hành vi không ghê sợ đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Những sự không ghê sợ đó gọi là vô úy lực có trong khi ấy.

**299.**

***Tham*** *trong khi có ra sao?* Cách ham, sự muốn, rất muốn, dục vọng, yêu mến, rất yêu mến, tham là căn bất thiện có trong khi nào, đây gọi là tham có trong khi ấy.

**300.**

***Si*** *trong khi có ra sao?* Cách vô tri, sự bất kiến, chẳng hiểu thấu, không chịu lý đáng biết, chẳng hiểu theo chơn chánh, không thấu đáo, không cần dùng theo đúng đắn, không công nhận lối đầy đủ, chẳng phán đoán, chẳng suy xét, không chịu làm cho minh hiển, tệ hèn, ngây ngô, khờ khạo, không biết chi, sự mê mờ, sự say mê, sự mê hoặc, cũng là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối hợp, vô minh tùy miên, vô minh chi phối, vô minh là chốt gài. Si cũng là căn bất thiện có trong khi nào, đây gọi là si có trong khi ấy.

**301.**

***Tham ác*** *trong khi có ra sao?* Cách ham, sự muốn, rất muốn, dục vọng, yêu mến, rất yêu mến, tham là căn bất thiện có trong khi nào, đây gọi là tham ác có trong khi ấy.

**302.**

***Tà kiến*** *trong khi có ra sao?* Kiến thức tức là thiên kiến, hoang vu kiến, ký khu kiến, thù nghịch kiến, biến hóa kiến, kiến thức như triền, chấp trước, nghịch kiến, kiến hoặc, khinh thị, lộ đồ sai, tà đạo, sự sai căn nguyên, tà giáo, chấp ngược có trong khi nào, đây gọi là tà kiến có trong khi ấy.

**303.**

***Vô tàm*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái không hổ thẹn với cách hành động ác xấu đáng hổ thẹn, thái độ không hổ thẹn với những pháp tội ác có trong khi nào, thì vô tàm có trong khi ấy.

**304.**

***Vô úy*** *trong khi có ra sao?* Trạng thái không ghê sợ với hành động xấu đáng ghê sợ, thái độ không ghê sợ với những tội ác có trong khi nào, thì vô úy vẫn có trong khi ấy.

**305.**

***Chỉ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, cũng gọi định quyền, định lực và tà định có trong khi nào, thì (pháp) chỉ có trong khi ấy.

**306.**

***Chiếu cố*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần miễn tức là cần, cần quyền, cần lực và tà tinh tấn có trong khi nào, thì chiếu cố vẫn có trong khi ấy.

**307.**

***Vô phóng dật*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, vô phóng dật tức là (pháp) chỉ, định quyền, định lực và tà định có trong khi nào, thì vô phóng dật vẫn có trong khi ấy.

**308.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**309.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, ngũ chi thiền, tứ chi đạo, tứ lực, nhị nhân, xúc 1, pháp xứ 1, pháp giới 1. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**310.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, pháp hỷ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm

lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, tà kiến, vô tàm, vô úy, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**2) Tâm bất thiện thứ nhì.**

**311.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ, tương ưng tà kiến hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh… hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật đều có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**3) Tâm bất thiện thứ ba.**

**312.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ, bất tương ưng tà kiến. Hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp làm cảnh. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, (pháp) hỷ, lạc, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**313.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, ngũ chi thiền, tam chi đạo, tứ lực, nhị nhân, xúc 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**314.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, (pháp) hỷ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn cũng đều có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**4) Tâm bất thiện thứ tư.**

**315.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ, bất tương ưng tà kiến hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh… hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật đều có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**5) Tâm bất thiện thứ năm.**

**316.**

***Chư pháp bất thiện** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, tương ưng tà kiến. Hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc, hay pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật, hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**317.**

- ***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Thọ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm phi hỷ, phi phi hỷ sanh từ ý xúc, phối hợp ý thức giới, thọ hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.
- ***Xả** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hứng chịu phi ưu phi hỷ sanh từ nơi ý xúc, thọ hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc trong khi nào, thì xả có trong khi ấy.
- ***Xả quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hứng chịu phi ưu phi hỷ sanh từ nơi ý xúc, thọ hưởng phi khổ phi lạc sanh từ nơi ý xúc trong khi nào, thì xả quyền có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**318.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, tứ chi thiền, tứ chi đạo, ngũ lực, nhị nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**319.**

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, tà kiến, vô tàm, vô úy, pháp chỉ, chiếu cố, vô phóng dật, hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) cũng vẫn có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**6) Tâm bất thiện thứ sáu.**

**320.**

***Chư pháp bất thiện** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, tương ưng tà kiến hữu dẫn… hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh… hay những chi mở mối

sanh ra trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**7) Tâm bất thiện thứ bảy.**

**321.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, bất tương ưng tà kiến. Hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc hay pháp làm cảnh. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, pháp chỉ, chiếu cố, vô phóng dật, hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**322.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, tứ chi thiền, tam chi đạo, tứ lực, nhị nhân, xúc 1… pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**323.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn đều có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**8) Tâm bất thiện thứ tám.**

**324.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, bất tương ưng tà kiến hữu dẫn… hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh… hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**9) Tâm bất thiện thứ chín.**

**325.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh ưu thọ, tương ưng phẫn nhuế, hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc hay pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, khổ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, ưu quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, sân, si, sân độc, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng

dật đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**326.**

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Thọ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc, phối hợp ý thức giới, hứng chịu buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.
- ***Khổ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là khổ có trong khi ấy.
- ***Ưu quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu quyền có trong khi ấy.
- ***Sân*** *trong khi có ra sao?* Cách tính ác độc, sự tính ác độc, thái độ tính ác độc, cách tính ám hại, sự tính ám hại, thái độ tính ám hại, sự sân, sự tức tối, sự hung dữ, sự ác khẩu, cách tâm không thơ thới có trong khi nào, đây gọi là sân có trong khi ấy.
- ***Sân độc*** *trong khi có ra sao?* Cách tính ác độc, sự tính ác độc, thái độ tính ác độc, cách tính ám hại, sự tính ám hại, thái độ tính ám hại, sự sân, sự tức tối, sự hung dữ, sự ác khẩu, cách tâm không thơ thới có trong khi nào, đây gọi là sân độc có trong khi ấy.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**327.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, tứ chi thiền, tam chi đạo, tứ lực, nhị nhân, xúc 1… pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**328.**

Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, sân, si, sân độc, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) cũng có trong khi ấy. Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**10) Tâm bất thiện thứ mười.**

**329.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh ưu thọ, tương ưng phẫn nhuế hữu dẫn, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh, hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**11) Tâm bất thiện thứ mười một.**

**330.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, tương ưng hoài nghi, hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc, hay pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, cần lực, vô tàm lực, vô úy lực, hoài nghi, si, vô tàm, vô úy, chiếu cố, vô phóng dật đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**331.**

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào có sự đình trụ của tâm… thì khi ấy gọi là có nhứt tâm trong khi ấy.
- ***Hoài Nghi*** *trong khi có ra sao?* Khi nào nghi ngờ, nghi hoặc, nghi nan, xét thấy lạ lùng, khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, cách nghi ngờ, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét vu vơ, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, ý do dự. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**332.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tứ quyền, tứ chi thiền, nhị chi đạo, tam lực, nhân 1, xúc 1… pháp xứ 1, pháp giới 1. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**333.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, cần lực, vô tàm lực, vô úy lực, hoài nghi, si, vô tàm, vô úy, chiếu cố. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) vẫn có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**12) Tâm bất thiện thứ mười hai.**

**334.**

***Chư pháp bất thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, tương ưng phóng dật, hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc, hay pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, phóng dật, si, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**335.**

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Phóng dật*** *trong khi có ra sao?* Sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, sự lao chao của tâm, sự sôi nổi của tâm, có trong khi nào, thì phóng dật có trong khi ấy.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**336.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, tứ chi thiền, tam chi đạo, tứ lực, nhân 1, xúc 1… pháp xứ 1, pháp giới 1. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

**337.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, vô tàm lực, vô úy lực, phóng dật, si, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) ngoài ra đều có như thế. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

*Dứt mười hai tâm bất thiện.*

---

## III. PHÁP VÔ KÝ

**1) Quả dục giới.**

**a) Ngũ thức quả thiện.**

**338.**

***Pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Nhãn thức quả (thiện) đồng sanh xả, có sắc làm cảnh sanh do nghiệp thiện Dục giới đã tạo tích trữ, sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**339.**

***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

**340.**

***Thọ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào sở hữu tâm sanh từ nơi xúc nhãn thức giới phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hưởng phi khổ phi lạc và sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc trong khi nào, thì thọ vẫn có trong khi ấy.

**341.**

***Tưởng*** *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng sanh từ xúc phối hợp cùng nhãn thức giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

**342.**

***Tư*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng nhãn thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

**343.**

***Tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức uẩn hòa chung nhau với nhãn thức giới trong khi nào, đây gọi là tâm có trong khi ấy.

**344.**

***Xả*** *trong khi có ra sao?* Khi nào sở hữu tâm hưởng phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc và dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, như thế gọi là xả có trong khi ấy.

**345.**

***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

**346.**

***Ý quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức uẩn sanh từ nhãn thức giới có trong khi nào, thì ý quyền có trong khi ấy.

**347.**

***Xả quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xả quyền có trong khi ấy.

**348.**

***Mạng quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền vẫn có trong khi ấy.

**349.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**350.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… nhãn thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**351.**

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) cũng đồng có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**352.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*
- Nhĩ thức quả (thiện) đồng sanh xả, có thinh làm cảnh…
- Tỷ thức quả (thiện) đồng sanh xả, có khí làm cảnh…
- Thiệt thức quả (thiện) đồng sanh xả, có vị làm cảnh…
- Thân thức quả (thiện) đồng sanh lạc có xúc làm cảnh…

… sanh ra do đã làm việc thiện Dục giới chất chứa nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, lạc, nhứt tâm, ý quyền, lạc quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy; hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**353.**

***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

**354.**

***Thọ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của thân thức giới, cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ thân

xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ thân xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

**355.**

***Tưởng*** *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng thân thức giới. Khi nào như thế, đó mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

**356.**

***Tư*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng thân thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

**357.**

***Tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý là ý xứ, ý quyền, thức uẩn mà thuộc về thân thức giới có trong khi nào, đây gọi là tâm có trong khi ấy.

**358.**

***Lạc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ thân xúc, dụng nạp hứng chịu sự an vui sanh từ thân xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

**359.**

***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ vững vàng của tâm trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

**360.**

***Ý quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn mà thuộc về thân thức giới trong khi nào, đây gọi là ý quyền có trong khi ấy.

**361.**

***Lạc quyền*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào thân thích, thân sướng sanh từ xúc, thân thọ lạc, hưởng sướng và trạng thái hưởng cảnh vui sướng sanh từ thân xúc trong khi nào, đây gọi là lạc quyền có trong khi ấy.

**362.**

***Mạng quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

**363.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**364.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… thân thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi đó. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**365.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) cũng có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt ngũ thức quả thiện.*

**b) Ý giới quả thiện.**

**366.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Như là ý giới quả (thiện) đồng sanh xả, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có xúc làm cảnh. Hay là những cảnh nào mở mối phát sanh do nghiệp thiện Dục giới để làm tích trữ trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**367.**

***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

**368.**

***Thọ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào sở hữu tâm hưởng sự không vui không buồn khổ sanh từ sự xúc chạm của ý giới, cách hứng chịu sự không vui không khổ (buồn) của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy sự không vui không khổ (buồn) của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

**369.**

***Tưởng*** *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

**370.**

***Tư*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

**371.**

***Tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý giới, đó gọi là tâm có trong khi ấy.

**372.**

***Tầm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh. Như thế gọi là tầm có trong khi ấy.

**373.**

***Tứ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

**374.**

***Xả*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào sở hữu tâm hưởng phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, trạng thái hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc trong khi nào, đây gọi là xả có trong khi ấy.

**375.**

***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

**376.**

***Ý quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền hòa chung nhau với ý giới. Đây gọi là ý quyền có trong khi ấy.

**377.**

***Xả quyền*** *trong khi có ra sao*? Khi nào sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, trạng thái hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc có trong khi nào, đây gọi là xả quyền có trong khi ấy.

**378.**

***Mạng quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

**379.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**380.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… ý giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**381.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng như thế. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt ý giới quả thiện.*

**c) Ý thức giới quả thiện.**

Đồng sanh hỷ thọ.

**382.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Ý thức giới quả (thiện) đồng sanh hỷ thọ, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh; hay là những cảnh nào mở mối sanh ra do thiện Dục giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, ý quyền, (thọ) hỷ quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**383.**

***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

**384.**

***Thọ** trong khi có ra sao?* Sự làm trong tâm vui, sự làm trong tâm vui thích sanh từ nơi xúc hòa trộn với ý thức giới, sự hưởng (cảnh) vui thích sanh từ nơi ý xúc, thái độ hứng chịu (cảnh) vui thích sanh từ ý xúc, lúc nào như thế đây gọi là thọ có trong khi ấy.

**385.**

***Tưởng** trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế, đó mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

**386.**

***Tư** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

**387.**

***Tâm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn thuộc ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là tâm có trong khi ấy.

**388.**

***Tầm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh có trong khi nào, thì tầm có trong khi ấy.

**389.**

***Tứ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự giữ gìn cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

**390.**

***Pháp hỷ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả thân tâm, sự hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc và rất mừng. Như thế gọi là pháp hỷ có trong khi ấy.

**391.**

***Lạc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, dụng nạp hứng chịu an vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

**392.**

***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm có trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

**393.**

***Ý quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì ý quyền có trong khi ấy.

**394.**

***Hỷ (thọ)*** *quyền trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc, sự hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, hay dụng nạp hứng chịu sự an vui sanh từ ý xúc như thế trong khi ấy vẫn có hỷ (thọ) quyền.

**395.**

***Mạng quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền vẫn có trong khi ấy.

**396.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**397.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**398.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhứt tâm, mạng quyền, hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng như thế. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt ý thức giới quả thiện đồng sanh hỷ thọ.*

<u>Đồng sanh xả thọ.</u>

**399.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý thức giới quả (thiện) đồng sanh xả thọ, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh... Hay là những cảnh nào mở mối phát sanh do

thiện Dục giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**400.**

***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

**401.**

***Thọ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng cảnh phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý thức giới xúc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, trạng thái hứng chịu cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc trong khi nào, đây gọi là thọ có trong khi ấy.

**402.**

***Tưởng** trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

**403.**

***Tư** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

**404.**

***Tâm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn thuộc ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là tâm có trong khi ấy.

**405.**

***Tầm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh, có trong khi nào, đây gọi là tầm có trong khi ấy.

**406.**

***Tứ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự giữ gìn cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh cho tâm, khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

**407.**

***Xả** trong khi có ra sao?* Khi nào sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, trạng thái hứng chịu phi khổ phi lạc cũng sanh từ ý xúc trong khi nào, đây gọi là xả có trong khi ấy.

**408.**

***Nhứt tâm** trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

**409.**

***Ý quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn thuộc ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là ý quyền có trong khi ấy.

**410.**

***Xả quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, sự hứng chịu phi khổ phi lạc và dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xả quyền có trong khi ấy.

**411.**

***Mạng quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền vẫn có trong khi ấy.

**412.**

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**413.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**414.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng thế. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt ý thức giới quả thiện đồng sanh xả thọ.*

**d) Tám tâm đại quả.**

**415.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý thức giới quả (thiện) đồng sanh hỷ (thọ), tương ưng trí, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh nào mở mối phát sanh... đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh hỷ thọ, bất tương ưng trí... đồng sanh hỷ thọ, bất tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh xả thọ, tương ưng trí... đồng sanh xả thọ, tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh xả thọ, bất tương ưng trí... đồng sanh xả thọ, bất tương ưng trí hữu dẫn... sanh ra do thiện Dục giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**416.**

Căn vô ký tức là vô tham... Căn vô ký tức là vô sân... Căn vô ký tức là vô si...

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt tám tâm đại quả.*

**2) Quả Sắc giới.**

**417.**

- ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền bằng đề mục đất… thành tựu quả do thiện sắc giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

- ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến đắc sơ thiền bằng đề mục đất, không khổ, không lạc, do trừ lạc khổ, đặng thành tựu quả do thiện sắc giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt quả Sắc giới.*

**3) Quả Vô sắc giới.**

**418.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới do vượt khỏi những tưởng hữu sắc, diệt tưởng phẫn nhuế, không tác ý tưởng dị trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Không vô biên xứ trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến do lướt qua những tưởng còn hình thức, vắng lặng tưởng phẫn nhuế không tác ý tưởng dị, trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Không vô biên xứ... thành tựu quả do thiện Vô sắc giới đã tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**419.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới nhờ lướt khỏi những tưởng Không vô biên xứ trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến vượt qua tất cả Không vô biên xứ trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ thành tựu quả do thiện Vô sắc giới đã làm tích trữ nghiệp tạo

trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**420.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới do lướt khỏi tất cả thức vô biên trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến (theo đường lối hầu đến Vô sắc giới) do lướt qua khỏi tất cả Thức vô biên xứ, trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ... thành tựu quả do thiện Vô sắc giới đã tích trữ tạo nghiệp trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**421.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*
Bực tu tiến hành theo đường lối hầu đến Vô sắc giới do lướt qua tất cả Vô sở hữu xứ, trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến lướt qua tất cả tưởng Vô sở hữu xứ, trừ luôn lạc, chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ... thành tựu quả do thiện Vô sắc giới tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt tâm quả Vô sắc giới.*

**4) Quả siêu thế *(Lokuttaravipāka)*. *(Cách rộng có 20)***

### a) Quả của tâm đạo thứ nhất.

<u>Phần tịnh tiến hành.</u>

**422.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt (vô ngã tướng) mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**423.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng (vô thường tướng) mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**424.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội (khổ não tướng) mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**425.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì; thiện như đây chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì; thiện như đây chủng phi nội mà hành nan đắc trì, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**426.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp... hành dị đắc trì… mà hành dị đắc cấp… đắc nhị thiền… đắc tam thiền… đắc tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp; thiện như đây… chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp; thiện như đây… chủng phi nội mà hành dị đắc cấp, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt phần tịnh tiến hành.*

<u>Phần tịnh tiêu diệt.</u>

**427.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**428.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**429.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**430.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt, quả như đây... chủng tiêu diệt, thiện như đây chủng vô chứng, quả như đây... chủng vô chứng, thiện như đây chủng phi nội, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt phần tịnh tiêu diệt.*

<u>Tiêu diệt tiến hành.</u>

**431.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**432.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**433.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**434.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ… đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, thiện như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**435.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc cấp... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc trì... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp... chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, thiện như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt tiêu diệt tiến hành.*

Phần tịnh tiến hành (*suddhika appanihita*).

**436.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**437.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**438.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**439.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội, quả như đây... chủng phi nội, thiện như đây... chủng vô chứng, quả như đây... chủng phi nội, thiện như đây... chủng tiêu diệt, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt phần tịnh tiến hành.*

Phi nội tiến hành.

**440.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**441.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**442.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**443.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**444.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền

bằng chủng phi nội mà hành nan đắc cấp... chủng phi nội mà hành dị đắc trì... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp... chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt phi nội tiến hành.*

**445.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối siêu thế... tu niệm xứ siêu thế... tu chánh cần siêu thế... tu như ý túc siêu thế... tu thất giác chi siêu thế... tu đế siêu thế... tu chỉ siêu thế... tu pháp siêu thế... tu uẩn siêu thế... tu xứ siêu thế... tu giới siêu thế... tu thực siêu thế... tu xúc siêu thế... tu thọ siêu thế... tu tưởng siêu thế... tu tư siêu thế... tu tâm siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... chủng vô chứng... chủng phi nội mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt lối rộng hai mươi.*

**446.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**447.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**448.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*
Bậc tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bậc ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy…. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
Bậc tu tiến tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng… thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy…. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**449.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Bậc tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bậc ban sơ, chế chỉ tầm tứ, đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền…, đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng… trong khi nào, thiện như đây… chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng; quả như đây… mà hành nan đắc trì có dục trưởng; thiện như đây… chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng; quả như đây… mà hành nan đắc trì có dục trưởng; thiện như đây… chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng; quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**450.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Bậc tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bậc ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp có dục trưởng… hành dị đắc trì có dục trưởng… hành dị đắc cấp có dục trưởng… chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền mà hành dị đắc cấp có dục trưởng… trong khi nào, thiện như đây… chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; quả như đây… mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; thiện như đây… chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; quả như đây… mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; thiện như đây… chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**451.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bậc tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bậc ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bậc tu tiến tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng… thành tựu quả do thiền thiện siêu thế đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**452.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**453.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**454.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt có dục trưởng, quả như đây... chủng tiêu diệt có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng có dục trưởng, quả như đây... chủng tiêu diệt có dục trưởng, thiện như đây... chủng phi nội có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**455.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**456.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**457.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... chứng sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**458.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng, thiện như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**459.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc cấp có dục trưởng... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc trì có dục trưởng... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng... chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**460.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**461.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**462.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**463.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội có dục trưởng, quả như đây... chủng phi nội có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng có dục trưởng, quả như đây... chủng vô chứng có dục trưởng, thiện như đây... chủng tiêu diệt có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**464.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**465.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**466.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**467.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**468.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc cấp có dục trưởng... chủng phi nội mà hành dị đắc trì có dục trưởng... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng... chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây... chủng vô chứng

mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**469.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối siêu thế... tu niệm xứ siêu thế... tu chánh cần siêu thế... tu như ý túc siêu thế... tu quyền siêu thế... tu lực siêu thế.. tu giác chi siêu thế... tu đế siêu thế... tu chỉ siêu thế... tu pháp siêu thế... tu uẩn siêu thế... tu xứ siêu thế... tu giới siêu thế... tu thực siêu thế... tu xúc siêu thế... tu thọ siêu thế... tu tưởng siêu thế... tu tư siêu thế... tu tâm siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục…, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... chủng vô chứng... chủng phi nội có dục trưởng... có cần trưởng... có tâm trưởng... có thẩm trưởng thành tựu quả do thiền thiện siêu thế đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt quả của tâm đạo thứ nhứt.*

**b) Quả của tâm đạo thứ hai, ba và tư.**

**470.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, hầu chứng bực thứ hai đặng cho nhẹ nhàng tham ái và sân độc. Hầu chứng bực thứ ba đặng trừ tuyệt tham ái và sân độc… hầu chứng bậc thứ tư đặng trừ tuyệt sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật và vô minh không còn, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… tri dĩ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bậc tu tiến tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì… thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu hành đặng xong trong khi nào, thì xúc… tri cụ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy… hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy…. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**471.**

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy….
- ***Tri cụ tri quyền*** *trong khi có ra sao?* Tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tính, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, tuệ trừ tuyệt phiền não, trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, là chi

của đạo, liên quan trong đạo. Khi nào như thế, đây gọi là tri cụ tri quyền có trong khi ấy… hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt quả siêu thế.*

**5) Vô ký quả bất thiện.**

**472.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

- Nhãn thức quả (bất thiện) đồng sanh xả có sắc làm cảnh phát sanh…
- Nhĩ thức quả (bất thiện) đồng sanh xả có thinh làm cảnh phát sanh…
- Tỷ thức quả (bất thiện) đồng sanh xả có khí làm cảnh phát sanh…
- Thiệt thức quả (bất thiện) đồng sanh xả có vị làm cảnh phát sanh…
- Thân thức quả (bất thiện) đồng sanh khổ có xúc làm cảnh phát sanh do bất thiện đã… làm chất chứa nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, khổ, nhất tâm, ý quyền, khổ quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký….

**473.**

- ***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy….
- ***Thọ** trong khi có ra sao?* Sự không thích hợp với thân, sự khổ thân sanh từ xúc, hòa trộn nơi thân thức giới; sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc; thái độ hứng chịu cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc. Lúc nào như thế, đây gọi là thọ có trong khi ấy.
- ***Khổ** trong khi có ra sao?* Sự không thích hợp với thân, sự khổ thân sanh từ xúc hòa trộn nơi thân xúc; sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc; thái độ hứng chịu cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc. Lúc nào như thế, đây gọi là khổ có trong khi ấy.
- ***Khổ quyền** trong khi có ra sao?* Sự không thích hợp với thân, sự khổ thân sanh từ xúc, hòa trộn nơi thân xúc; sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc; thái độ hứng chịu cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc. Lúc nào như thế, đây gọi là khổ quyền có trong khi ấy... Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**474.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… thân thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**475.**

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng có. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**476.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành quả đồng sanh xả hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có xúc làm cảnh. Hay là những cảnh nào mở mối sanh ra do bất thiện đã làm tích trữ nghiệp tạo ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**477.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1, ý giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**478.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng có. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**479.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành quả đồng sanh xả hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh nào mở mối sanh ra do bất thiện đã làm chất chứa nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**480.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1... ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**481.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) cũng có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt vô ký quả bất thiện.*

**6) Dục giới tố *(kāmāvacarakiriyā).***

**482.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý giới thành tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả do nghiệp tạo, đồng sanh xả hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có xúc làm cảnh. Hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi

sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**483.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1, ý giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi đó. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**484.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, thọ, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) đều có trong khi đó. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**485.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành tố phi thiện phi bất thiện và phi nghiệp quả, đồng sanh hỷ (thọ), hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, (pháp) hỷ, lạc, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, hỷ (thọ) quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**486.**

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm, lúc nào như thế đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, pháp chỉ, định quyền, định lực và chánh định có trong khi nào, thì nhứt tâm có trong khi ấy.
- ***Cần quyền*** *trong khi có ra sao?* Sự siêng năng của tâm, cách cố gắng, trạng thái tinh tấn, sự sấn sướt, sự lướt tới, thái độ tiến đến, sự ráng thêm, cách chịu đựng, lối bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, duy trì phận sự, cũng gọi cần, cần quyền hay cần lực có trong khi nào, đây gọi là cần quyền có trong khi ấy.
- ***Định quyền*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm, cách đình trụ của tâm, sự vững vàng của tâm, tâm không tán loạn, không lao chao, không xao xuyến, sự vắng lặng, cũng gọi chỉ hay định quyền, định lực có trong khi nào, đây gọi là định quyền có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**487.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, xúc 1, ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**488.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, (pháp) hỷ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra

thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) đều có trong khi đó. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**489.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả *(lammavipāka)* đồng sanh xả hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**490.**

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, xúc 1, ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**491.**

***Hành uẩn*** *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) đều có trong khi đó. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**492.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành tố phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, đồng sanh hỷ tương ưng trí, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra... đồng sanh hỷ, tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh hỷ bất tương ưng trí… Câu sanh hỷ, bất tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh xả tương ưng trí... đồng sanh xả tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh xả bất tương ưng trí... đồng sanh xả bất tương ưng trí hữu dẫn sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**493.**

Căn vô ký tức là vô tham... Căn vô ký tức là vô sân... Căn vô ký tức là vô si... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt Dục giới tố.*

**7) Sắc giới tố *(rūpāvacarakiriyā)*.**

**494.**

***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Sắc giới tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, an vui tại thế, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất… trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**495.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Sắc giới tố, phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, an vui tại thế, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng đề mục đất… trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt Sắc giới tố.*

**8) Vô sắc giới tố *(arūpāvacarakiriyā).***

**496.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Vô sắc giới tố phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, chỉ an vui hiện thế do lướt khỏi những sắc tưởng nhờ sự vắng lặng nơi tưởng phẫn nhuế do không tác ý tưởng dị, trừ luôn lạc chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Không vô biên xứ không khổ không lạc, đã trừ lạc khổ... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**497.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Vô sắc giới tố phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, chỉ an vui hiện tại do vượt qua những tưởng Không vô biên xứ, trừ luôn lạc mới chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ phi khổ phi lạc do trừ lạc khổ... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**498.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Vô sắc giới tố, phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, chỉ an vui hiện thế do lướt qua những tưởng Thức vô biên xứ, trừ luôn lạc chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ, không khổ không lạc, do trừ lạc khổ... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**499.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Vô sắc giới tố, phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, chỉ an vui hiện thế do vượt qua những tưởng Vô sở hữu xứ, trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không khổ, không lạc, do trừ lạc khổ... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**500.**

Căn vô ký tức là vô tham... Căn vô ký tức là vô sân... Căn vô ký tức là vô si... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

*Dứt Vô sắc giới tố, dứt tập tâm sanh.*

**---**

## Phần C. THIÊN SẮC PHÁP *(Rūpakaṇdaṃ)*

**501.**

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Quả của pháp thiện và bất thiện trong cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, pháp thành tố, phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

**502.**

***Tất cả sắc pháp** là chi?* Như là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại sung, đó gọi là tất cả sắc pháp.

### I. ĐẦU ĐỀ *(Mātika)*

**1) Phần nhứt đề.**

**503.**

**Tất cả sắc pháp** cũng gọi là phi nhân, vô nhân, bất tương ưng nhân, hành động theo với duyên thành pháp hữu vi, thành sắc pháp, thành pháp hiệp thế, thành cảnh của lậu, thành cảnh của triền, thành cảnh của phược, thành cảnh của bộc, thành cảnh của phối, thành cảnh của cái, thành cảnh của khinh thị, thành cảnh của thủ, thành cảnh của phiền não, thành cảnh của pháp vô ký, thành không biết cảnh, thành phi sở hữu tâm, thành bất tương ưng tâm, thành phi dị thục quả, thành phi dị thục nhân, thành phi phiền toái mà cảnh phiền não, thành phi pháp hữu tầm hữu tứ, thành phi pháp vô tầm hữu tứ, thuộc pháp vô tầm vô tứ, thành phi pháp đồng sanh hỷ, thành phi pháp đồng sanh lạc, thành pháp phi đồng sanh xả, thành pháp phi sơ đạo tuyệt trừ, thành pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ, thành pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi nhân sanh tử, thành phi nhân đến Níp Bàn, thành phi hữu học, thành phi vô học, thành pháp hy thiểu, thành pháp Dục giới, thành pháp phi sắc giới, thành pháp phi Vô sắc giới, thành pháp hiệp thế, thành phi pháp siêu thế, thành pháp bất định, thành pháp phi bất định, thành pháp hiện tại bị lục thức biết, nó là vô thường, đã bị sự già bao vây. Sắc yếu hiệp phần một như thế này.

*Dứt phần nhứt đề.*

**2) Phần nhị đề.**

**504.**

**Sắc yếu hiệp** phần hai:

- Chơn sắc y sinh cũng có; chơn sắc phi y sinh cũng có.
- Chơn sắc thủ cũng có; chơn sắc phi thủ cũng có.
- Chơn sắc thủ cảnh thủ cũng có; chơn sắc phi thủ cảnh thủ cũng có.
- Chơn sắc bị thấy cũng có; chơn sắc không bị thấy cũng có.

- Chơn sắc đối chiếu cũng có; chơn sắc không đối chiếu cũng có.
- Chơn sắc quyền cũng có; chơn sắc phi quyền cũng có.
- Chơn sắc đại sung cũng có; chơn sắc phi đại sung cũng có.
- Chơn sắc biểu tri cũng có; chơn sắc phi biểu tri cũng có.
- Chơn sắc có tâm làm sở sanh cũng có; chơn sắc không có tâm làm sở sanh cũng có.
- Chơn sắc sanh chung với tâm cũng có; chơn sắc không sanh chung với tâm cũng có.
- Chơn sắc luân chuyển theo tâm cũng có; chơn sắc không luân chuyển theo tâm cũng có.
- Chơn sắc bên trong cũng có; chơn sắc bên ngoài cũng có.
- Chơn sắc thô cũng có; chơn sắc tế cũng có.
- Chơn sắc viễn cũng có; chơn sắc cận cũng có.

- Chơn sắc nương nhãn xúc sanh ra cũng có; chơn sắc không nương nhãn xúc sanh ra cũng có.
- Chơn sắc nương thọ sanh ra do nhãn xúc... (nương) tưởng... (nương) tư... (nương) nhãn thức cũng có; chơn sắc không phải nhãn thức nương sanh ra cũng có.
- Chơn sắc chỗ nương của nhĩ xúc sanh ra... của tỷ xúc... của thiệt xúc... của thân xúc cũng có; chơn sắc chẳng phải chỗ nương của thân xúc sanh ra cũng có.
- Chơn sắc mà thọ nương sanh từ thân xúc... tưởng... tư... thân thức cũng có; chơn sắc không phải chỗ nương của thân thức cũng có.

- Chơn sắc cảnh của nhãn xúc cũng có; chơn sắc phi cảnh của nhãn xúc cũng có.
- Chơn sắc cảnh của thọ sanh từ nhãn xúc... của tưởng... của tư... của nhãn thức cũng có; chơn sắc phi cảnh của nhãn thức cũng có.
- Chơn sắc cảnh của nhĩ xúc... của tỷ xúc... của thiệt xúc... của thân xúc cũng có; chơn sắc phi cảnh của thân xúc cũng có.
- Chơn sắc cảnh của thọ sanh từ thân xúc... của tưởng... của tư... của thân thức cũng có; chơn sắc phi cảnh của thân thức cũng có.

- Chơn sắc thành nhãn xứ cũng có; chơn sắc phi nhãn xứ cũng có.
- Chơn sắc thành nhĩ xứ cũng có; chơn sắc phi nhĩ xứ cũng có.
- Chơn sắc thành tỷ xứ... thiệt xứ... thân xứ cũng có; chơn sắc phi thành thân xứ cũng có.
- Chơn sắc thành sắc xứ cũng có; chơn sắc thành phi sắc xứ cũng có.
- Chơn sắc thành thinh xứ... khí xứ... vị xứ... xúc xứ cũng có; chơn sắc thành phi xúc xứ cũng có.

- Chơn sắc thành nhãn giới cũng có; chơn sắc phi nhãn giới cũng có.
- Chơn sắc thành nhĩ giới... thành tỷ giới... thành thiệt giới... thành thân giới cũng có; chơn sắc thành phi thân giới cũng có.
- Chơn sắc thành sắc giới cũng có; chơn sắc thành phi sắc giới cũng có.
- Chơn sắc thành thinh giới... khí giới... vị giới... xúc giới cũng có; chơn sắc thành phi xúc giới cũng có.

- Chơn sắc thành nhãn quyền cũng có; chơn sắc thành phi nhãn quyền cũng có.
- Chơn sắc thành nhĩ quyền... thành tỷ quyền... thành thiệt quyền... thành thân quyền cũng có; chơn sắc thành phi thân quyền cũng có.
- Chơn sắc thành nữ quyền cũng có; chơn sắc thành phi nữ quyền cũng có.
- Chơn sắc thành nam quyền cũng có; chơn sắc thành phi nam quyền cũng có.
- Chơn sắc thành mạng quyền cũng có; chơn sắc thành phi mạng quyền cũng có.

- Chơn sắc thành thân biểu tri cũng có; chơn sắc thành phi thân biểu tri cũng có.
- Chơn sắc thành khẩu biểu tri cũng có; chơn sắc thành phi khẩu biểu tri cũng có.
- Chơn sắc hư không[4] chất cũng có; chơn sắc phi hư không chất cũng có.
- Chơn sắc thủy chất cũng có; chơn sắc phi thủy chất cũng có.
- Chơn sắc thành sắc khinh cũng có; chơn sắc thành phi sắc khinh cũng có.
- Chơn sắc thành sắc thích dụng[5] cũng có; chơn sắc thành phi sắc thích dụng cũng có.
- Chơn sắc sanh *(upacaya)* cũng có; chơn sắc phi sắc sanh cũng có.
- Chơn sắc thành sắc thừa kế *(santati)* cũng có; chơn sắc thành phi sắc thừa kế *(santati)* cũng có.
- Chơn sắc thành sắc lão cũng có; chơn sắc thành phi sắc lão cũng có.
- Chơn sắc thành sắc vô thường *(aniccatā)* cũng có; chơn sắc thành phi sắc vô thường cũng có.
- Chơn sắc thành đoàn thực cũng có; chơn sắc thành phi đoàn thực cũng có.

Sắc yếu hiệp phần nhị như đây.

*Dứt phần nhị đề.*

**3) Phần tam đề.**

**505.**

***Tam yếu hiệp sắc***

- Sắc nội thành y sinh. Sắc ngoại thành y sinh cũng có, thành phi y sinh cũng có.
- Sắc nội thành thủ. Sắc ngoại thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
- Sắc nội thành thủ cảnh thủ. Sắc ngoại thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có.
- Sắc nội thành bất kiến. Sắc ngoại thành kiến cũng có, thành bất kiến cũng có.
- Sắc nội thành đối chiếu. Sắc ngoại thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
- Sắc nội thành quyền. Sắc ngoại thành quyền cũng có, thành phi quyền cũng có.
- Sắc nội thành phi đại sung. Sắc ngoại thành đại sung cũng có, thành phi đại sung cũng có.
- Sắc nội thành phi biểu tri. Sắc ngoại thành biểu tri cũng có, thành phi biểu tri cũng có.
- Sắc nội thành không nương tâm làm sở sanh. Sắc ngoại thành nương tâm làm sở sanh cũng có, thành không nương tâm làm sở sanh cũng có.
- Sắc nội thành phi đồng sanh tồn với tâm. Sắc ngoại thành đồng sanh tồn với tâm cũng có, thành phi đồng sanh tồn với tâm cũng có.
- Sắc nội thành phi tùng tâm thông lưu. Sắc ngoại thành tùng tâm thông lưu cũng có, thành phi tùng tâm thông lưu cũng có.
- Sắc nội thành thô. Sắc ngoại thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc nội thành cận. Sắc ngoại thành cận cũng có, thành viễn cũng có.
- Sắc ngoại không nương nhãn xúc sanh. Sắc nội nương nhãn xúc sanh cũng có, không nương nhãn xúc sanh cũng có.

---

[4] Sắc hư không còn gọi là sắc giao giới.
[5] Sắc thích dụng tức là sắc thích sự.

- Sắc ngoại không nương thọ sanh từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức. Sắc nội nương nhãn thức cũng có, không nương nhãn thức cũng có.
- Sắc ngoại không nương nhĩ xúc sanh... tỷ xúc... thiệt xúc... thân xúc. Sắc nội nương thân xúc sanh cũng có, không nương thân xúc sanh cũng có.
- Sắc ngoại không nương thọ sanh từ thân xúc... tưởng... tư... thân thức. Sắc nội nương thân thức sanh ra cũng có, không nương thân thức sanh ra cũng có.
- Sắc nội không thành cảnh của nhãn xúc. Sắc ngoại thành cảnh của nhãn xúc cũng có, không thành cảnh của nhãn xúc cũng có.
- Sắc nội không thành cảnh của thọ sanh từ nhãn xúc... của tưởng... của tư... của nhãn thức. Sắc ngoại thành cảnh của nhãn thức cũng có, không thành cảnh của nhãn thức cũng có.
- Sắc nội không thành cảnh của nhĩ xúc... tỷ xúc... thiệt xúc... thân xúc. Sắc ngoại thành cảnh của thân xúc cũng có, không thành cảnh của thân xúc cũng có.
- Sắc nội thành cảnh của thọ sanh từ thân xúc... của tưởng... của tư... của thân thức. Sắc ngoại thành cảnh của thân thức cũng có, không thành cảnh của thân thức cũng có.
- Sắc ngoại thành phi nhãn xứ. Sắc nội thành nhãn xứ cũng có, thành phi nhãn xứ cũng có.
- Sắc ngoại thành phi nhĩ xứ... thành phi tỷ xứ... thành phi thiệt xứ... thành phi thân xứ. Sắc nội thành thân xứ cũng có, thành phi thân xứ cũng có.
- Sắc nội không thành sắc xứ. Sắc ngoại thành sắc xứ cũng có, không thành sắc xứ cũng có.
- Sắc nội không thành thinh xứ... không thành khí xứ... không thành vị xứ... không thành xúc xứ. Sắc ngoại thành xúc xứ cũng có, không thành xúc xứ cũng có.
- Sắc ngoại không thành nhãn giới. Sắc nội thành nhãn giới cũng có, không thành nhãn giới cũng có.
- Sắc ngoại không thành nhĩ giới... không thành tỷ giới... không thành thiệt giới... không thành thân giới. Sắc nội thành thân giới cũng có, không thành thân giới cũng có.
- Sắc nội không thành sắc giới. Sắc ngoại thành sắc giới cũng có, không thành sắc giới cũng có.
- Sắc nội không thành thinh giới... không thành khí giới... không thành vị giới... không thành xúc giới. Sắc ngoại thành xúc giới cũng có, không thành xúc giới cũng có.
- Sắc ngoại không thành nhãn quyền. Sắc nội thành nhãn quyền cũng có, không thành nhãn quyền cũng có.
- Sắc ngoại không thành nhĩ quyền... không thành tỷ quyền... không thành thiệt quyền... không thành thân quyền. Sắc nội thành thân quyền cũng có, không thành thân quyền cũng có.
- Sắc nội không thành nữ quyền. Sắc ngoại thành nữ quyền cũng có, không thành nữ quyền cũng có.
- Sắc nội không thành nam quyền. Sắc ngoại thành nam quyền cũng có, không thành nam quyền cũng có.
- Sắc nội không thành mạng quyền. Sắc ngoại thành mạng quyền cũng có, không thành mạng quyền cũng có.
- Sắc nội không thành thân biểu tri. Sắc ngoại thành thân biểu tri cũng có, không thành thân biểu tri cũng có.
- Sắc nội không thành khẩu biểu tri. Sắc ngoại thành khẩu biểu tri cũng có, không thành khẩu biểu tri cũng có.

- Sắc nội không thành hư không giới. Sắc ngoại thành hư không giới cũng có, không thành hư không giới cũng có.
- Sắc nội không thành thủy chất. Sắc ngoại thành thủy chất cũng có, không thành thủy chất cũng có.
- Sắc nội không thành sắc khinh. Sắc ngoại thành sắc khinh cũng có, không thành sắc khinh cũng có.
- Sắc nội không thành sắc nhu. Sắc ngoại thành sắc nhu cũng có, không thành sắc nhu cũng có.
- Sắc nội không thành sắc thích dụng. Sắc ngoại thành sắc thích dụng cũng có, không thành sắc thích dụng cũng có.
- Sắc nội không thành sắc sanh. Sắc ngoại thành sắc sanh *(upacaya)* cũng có, không thành sắc sanh cũng có.
- Sắc nội không thành sắc thừa kế *(santati)*. Sắc ngoại thành sắc thừa kế cũng có, không thành sắc thừa kế cũng có.
- Sắc nội không thành sắc lão *(jaratā)*. Sắc ngoại thành sắc lão cũng có, không thành sắc lão cũng có.
- Sắc nội không thành sắc vô thường *(aniccatā)*. Sắc ngoại thành sắc vô thường cũng có, không thành sắc vô thường cũng có.
- Sắc nội không thành đoàn thực. Sắc ngoại thành đoàn thực cũng có, không thành đoàn thực cũng có.

Tam yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu

*Dứt phần tam đề.*

**4) Phần tứ đầu đề.**

**506.**

***Tứ yếu hiệp sắc***

- Sắc y sinh thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có. Sắc bất y sinh thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
- Sắc y sinh thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có. Sắc bất y sinh thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có.
- Sắc y sinh thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có. Sắc bất y sinh thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
- Sắc y sinh thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc bất y sinh thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc y sinh thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc bất y sinh thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc thủ thành hữu kiến cũng có, thành bất kiến cũng có. Sắc phi thủ thành hữu kiến cũng có, thành bất kiến cũng có.
- Sắc thủ thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có. Sắc phi thủ thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
- Sắc thủ thành tứ đại sung cũng có, không thành tứ đại sung cũng có. Sắc phi thủ thành tứ đại sung cũng có, không thành tứ đại sung cũng có.
- Sắc thủ thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc phi thủ thành thô cũng có, thành tế cũng có.

- Sắc thủ thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc phi thủ thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành hữu kiến cũng có, thành bất kiến cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành hữu kiến cũng có, thành bất kiến cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành hữu đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành hữu đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành đại sung cũng có, không thành đại sung cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành đại sung cũng có, không thành đại sung cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc xúc chạm đặng thành quyền cũng có, không thành quyền cũng có. Sắc xúc chạm không đặng thành quyền cũng có, không thành quyền cũng có.
- Sắc xúc chạm đặng thành đại sung cũng có, không thành đại sung cũng có. Sắc xúc chạm không đặng thành đại sung cũng có, không thành đại sung cũng có.
- Sắc quyền thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc phi quyền thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc quyền thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc phi quyền thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc tứ đại sung thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc phi đại sung thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc đại sung thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc phi đại sung thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc thấy đặng, sắc nghe đặng, sắc biết đặng, sắc tỏ ngộ đặng.

Tứ yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt phần tứ đầu đề.*

### 5) Phần ngũ đầu đề.

**507.**

***Ngũ yếu hiệp sắc***. Chất đất, chất nước, chất lửa, chất gió và sắc y sinh.

Ngũ yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt phần ngũ đầu đề.*

### 6) Phần lục đầu đề.

**508.**

***Lục yếu hiệp sắc.*** Sắc mà nhãn thức biết đặng, sắc mà nhĩ thức biết đặng, sắc mà tỷ thức biết đặng, sắc mà thiệt thức biết đặng, sắc mà thân thức biết đặng, sắc mà ý thức biết đặng. Lục yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt phần lục đầu đề.*

**7) Phần thất đầu đề.**

**509.**

***Thất yếu hiệp sắc.*** Sắc mà nhãn thức đáng biết, sắc mà nhĩ thức đáng biết, sắc mà tỷ thức đáng biết, sắc mà thiệt thức đáng biết, sắc mà thân thức đáng biết, sắc mà ý giới đáng biết, sắc mà ý thức giới đáng biết. Thất yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt phần thất đầu đề.*

**8) Phần bát đầu đề.**

**510.**

***Bát yếu hiệp sắc.*** Sắc mà nhãn thức phải biết, sắc mà nhĩ thức phải biết, sắc mà tỷ thức phải biết, sắc mà thiệt thức phải biết, sắc mà thân thức phải biết, đụng sướng cũng có, đụng khổ cũng có, sắc mà ý giới nên biết và sắc mà ý thức giới nên biết. Bát yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt phần bát đầu đề.*

**9) Phần cửu đầu đề (cửu yếu hiệp).**

**511.**

***Cửu yếu hiệp sắc.*** Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền và sắc phi quyền. Cửu yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt phần cửu đầu đề.*

**10) Phần thập đầu đề.**

**512.**

***Thập yếu hiệp sắc.*** Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, sắc phi quyền đụng chạm chẳng đặng cũng có, đụng chạm không đặng cũng có. Thập yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt phần thập đầu đề.*

**11) Phần thập nhứt đầu đề.**

**513.**

***Thập nhứt yếu hiệp sắc.*** Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và sắc bất kiến vô đối chiếu mà liên hệ trong pháp xứ. Thập nhất yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt phần thập nhứt đầu đề và dứt đầu đề.*

## II. THẬP NHỨT ĐỀ XIỂN MINH

### 1) Phần nhứt xiển minh.

**514.**

**Tất cả sắc pháp** đều là phi nhân, đều là vô nhân, đều là bất tương ưng nhân, đều là hữu duyên, đều là hữu vi, đều gọi là sắc, đều là hiệp thế, đều là cảnh lậu, đều là cảnh triền, đều là cảnh phược, đều là cảnh bộc, đều là cảnh phối, đều là cảnh cái, đều là cảnh khinh thị, đều là cảnh thủ, đều là cảnh phiền não, đều là pháp vô ký, đều là không biết cảnh, đều là phi sở hữu tâm, đều là bất tương ưng tâm, đều là phi dị thục quả, đều là phi dị thục nhân, đều là phi phiền toái mà cảnh phiền não, đều là phi pháp hữu tầm hữu tứ, đều là phi pháp vô tầm hữu tứ, đều là pháp vô tầm vô tứ, đều là phi đồng sanh pháp hỷ, đều là phi đồng sanh lạc, đều là phi đồng sanh xả, đều là phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ, đều là chẳng phải hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, đều là phi nhân sanh tử và phi nhân đến Níp Bàn, đều là phi hữu học và phi vô học, đều là pháp hy thiểu, đều là pháp Dục giới, đều là phi Sắc giới, đều là phi Vô sắc giới, đều là pháp liên quan luân hồi, đều là phi siêu thế, đều là bất định, đều là không đưa ra khỏi khổ, đều là vô thường, đều bị sự già bao vây, đều bị 6 thức hiện tại biết đặng. Sắc yếu hiệp phần nhứt chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt phần nhứt xiển minh.*

### 2) Phần nhị xiển minh.

**<u>Phân theo (sắc) y sinh.</u>**

**515.**

***Sắc y sinh** là chi?* Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thân biểu tri, khẩu biểu tri, hư không giới[6], sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng[7], sắc sanh[8] *(upacaya),* sắc thừa kế *(santati),* sắc lão *(jarata),* sắc vô thường *(aniccata)* và đoàn thực.

**516.**

- *Sắc mà gọi là **nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh[9] nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành không thấy mà đối chiếu đặng, chúng sanh đã thấy, đang thấy, sẽ thấy, nên thấy thứ sắc thấy đặng và đối chiếu (do thâu bằng thần kinh nhãn), thứ sắc thấy không đặng mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhãn, cũng gọi là nhãn xứ, cũng gọi là nhãn giới, cũng gọi là nhãn quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi con ngươi, cũng gọi con mắt, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi luống không, nhà trống. Những sắc này gọi là nhãn xứ.

---

[6] Hư không giới còn gọi là sắc giao giới.
[7] Sắc thích dụng còn gọi là sắc thích sự.
[8] Sắc sanh còn gọi là sắc tích trữ.
[9] Sắc thần kinh còn gọi là sắc thanh triệt.

- *Sắc mà gọi là **nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể mà thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Nhập với sắc hữu kiến và đối chiếu đặng, đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc nên đối chiếu, thứ nhãn nào mà thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhãn, cũng gọi là nhãn xứ, cũng gọi là nhãn giới, cũng gọi là nhãn quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi con ngươi, cũng gọi là trống không, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà trống, luống không. Những sắc này gọi là nhãn xứ.

- *Sắc mà gọi là **nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là thức không thấy mà đối chiếu đặng. Nhãn nào là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc nên đối chiếu, nhập với sắc hữu kiến và đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhãn, cũng gọi là nhãn xứ, cũng gọi là nhãn giới, cũng gọi là nhãn quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi nhà trống, cũng gọi là con mắt, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà trống luống không. Những sắc này gọi là nhãn xứ.

- *Sắc mà gọi là **nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là thứ không thấy mà đối chiếu đặng, do nương nhãn nào mà nhãn xúc mở mối, sắc hoặc đã sanh ra rồi, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc nên sanh... .; do nhờ nương nhãn nào mà thọ sanh ra từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức khai đoan cho sắc hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc nên sanh...; do nương nhãn nào thì nhãn xúc nhờ sắc làm cảnh hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc nên sanh...; do nương nhãn nào, thọ mà sanh từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức có sắc làm cảnh, hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc nên sanh. Đây cũng gọi là nhãn, cũng gọi là nhãn xứ, cũng gọi là nhãn giới, cũng gọi là nhãn quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi là trống, cũng gọi con mắt, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà trống luống không. Những sắc này gọi là nhãn xứ.

**517.**

- *Sắc mà gọi là **nhĩ xứ** đó ra sao?* Nhĩ nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên quan thân thể, là đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng (mà chúng sanh) hoặc đã nghe, hoặc đang nghe, hoặc sẽ nghe, hoặc đang nghe những tiếng là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhĩ nào là thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhĩ, cũng gọi là nhĩ nhập, cũng gọi là nhĩ xứ, cũng gọi là nhĩ giới, cũng gọi là nhĩ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhĩ xứ.

- *Sắc mà gọi là **nhĩ xứ** đó ra sao?* Nhĩ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành đồ bất kiến hữu đối chiếu, nhập với thinh là thứ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu. Thuộc nhĩ nào là đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhĩ, cũng gọi là nhĩ xứ, cũng gọi là nhĩ giới, cũng gọi là nhĩ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhĩ xứ.

- *Sắc mà gọi là **nhĩ xứ** đó ra sao?* Nhĩ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhập với thinh là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với tiếng không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhĩ, cũng gọi là nhĩ xứ, cũng gọi là nhĩ giới, cũng gọi là nhĩ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi là nhà không. Những sắc này gọi là nhĩ xứ.

- *Sắc mà gọi là **nhĩ xứ** đó ra sao?* Nhĩ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, do nương nhĩ nào thì nhĩ xúc mở mối tiếng đã sanh ra, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương nhĩ nào mà thọ sanh từ nhĩ xúc... tưởng... tư... nhĩ thức mở mối tiếng đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương nhĩ nào, nhĩ xúc mà có thinh làm cảnh đã sanh ra, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương nhĩ nào thì thọ sanh từ nhĩ xúc... tưởng... tư... nhĩ thức có thinh làm cảnh đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là nhĩ, cũng gọi là nhĩ xứ, cũng gọi là nhĩ giới, cũng gọi là nhĩ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhĩ xứ.

**518.**

- *Sắc mà gọi là **tỷ xứ** đó ra sao?* Tỷ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, (thế vậy chúng sanh) đã ngửi, đang ngửi, sẽ ngửi, đáng ngửi, nhập với khí là thứ không thấy mà đối chiếu đặng đối với tỷ nào thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là tỷ, cũng gọi là tỷ xứ, cũng gọi là tỷ giới, cũng gọi là tỷ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là tỷ xứ.

- *Sắc mà gọi là **tỷ xứ** đó ra sao?* Tỷ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, nhập với khí là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi tỷ nào thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là tỷ, cũng gọi là tỷ xứ, cũng gọi là tỷ giới, cũng gọi là tỷ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là tỷ xứ.

- *Sắc mà gọi là **tỷ xứ** đó ra sao?* Tỷ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, nhập với khí là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với khí mà không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là tỷ, cũng gọi là tỷ xứ, cũng gọi là tỷ giới, cũng gọi là tỷ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là tỷ xứ.

- *Sắc mà gọi là **tỷ xứ** đó ra sao?* Tỷ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, bởi nương tỷ nào thì tỷ xúc mở mối khí đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương tỷ nào thì thọ sanh từ tỷ xúc... tưởng... tư... tỷ thức mở mối khí đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương tỷ nào thì tỷ xúc có khí làm cảnh, hoặc đã sanh, hoặc đang

sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương tỷ nào thì thọ sanh từ tỷ xúc... tưởng... tư... tỷ thức mà có khí làm cảnh đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là tỷ, cũng gọi là tỷ xứ, cũng gọi là tỷ giới, cũng gọi là tỷ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là tỷ xứ.

**519.**

- *Sắc mà gọi là **thiệt xứ** đó ra sao?* Thiệt nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, (thế vậy) chúng sanh đã nếm, hoặc đang nếm, hoặc sẽ nếm, hoặc đáng nếm bằng vị mà không thấy nhưng đối chiếu đặng với thiệt nào là đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, theo đây cũng gọi là thiệt, cũng gọi là thiệt xứ, cũng gọi là thiệt giới, cũng gọi là thiệt quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là thiệt xứ.
- *Sắc mà gọi là **thiệt xứ** đó ra sao?* Thiệt nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, nhập với vị là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi thiệt nào là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thiệt, cũng gọi là thiệt xứ, cũng gọi là thiệt giới, cũng gọi là thiệt quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là thiệt xứ.
- *Sắc mà gọi là **thiệt xứ** đó ra sao?* Thiệt nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, nhập với vị là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu, chỗ vị mà thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thiệt, cũng gọi là thiệt xứ, cũng gọi là thiệt giới, cũng gọi là thiệt quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là thiệt xứ.
- *Sắc mà gọi là **thiệt xứ** đó ra sao?* Thiệt nào là thần kinh nương sắc tứ đại minh liên hệ trong thân thể, thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, do nương lưỡi nào thì thiệt xúc mở mối vị đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh... do nương thiệt nào mà thọ sanh từ thiệt xúc... tưởng... tư... thiệt thức mở mối vị đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương thiệt nào mà thiệt xúc có vị làm cảnh đã phát sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh; do nương thiệt nào mà thọ phát sanh từ thiệt xúc... tưởng... tư... Thiệt thức mà có vị làm cảnh hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là thiệt, cũng gọi là thiệt xứ, cũng gọi là thiệt giới, cũng gọi là thiệt quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là thiệt xứ.

**520.**

- *Sắc mà gọi là **thân xứ** đó ra sao?* Thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung liên hệ trong thân thể, thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Thế vậy (chúng sanh) hoặc đã đụng chạm, hoặc đang đụng chạm, hoặc sẽ đụng chạm, hoặc đáng đụng chạm với xúc là đồ không thấy nhưng đối chiếu nơi thân nào là đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thân, cũng gọi là thân xứ, cũng gọi là thân giới, cũng gọi là thân quyền,

cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi là thử ngạn, cũng gọi là nhà không. Những sắc này gọi là thân xứ.

- *Sắc mà gọi là* ***thân xứ*** *đó ra sao?* Thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung liên hệ trong thân thể, là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhập với xúc là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã xúc chạm, hoặc đang xúc chạm, hoặc sẽ xúc chạm, hoặc đáng xúc chạm nơi thân nào đối với thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thân, cũng gọi là thân xứ, cũng gọi là thân giới, cũng gọi là thân quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi là thử ngạn, cũng gọi là nhà không. Những sắc này gọi là thân xứ.

- *Sắc mà gọi là* ***thân xứ*** *đó ra sao?* Thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung liên hệ trong thân thể, là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhập với thân là thứ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã ép bức, hoặc đang ép bức, hoặc sẽ ép bức, hoặc đáng ép bức nơi xúc là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thân, cũng gọi là thân xứ, cũng gọi là thân giới, cũng gọi là thân quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi là thử ngạn, cũng gọi là nhà không. Những sắc này gọi là thân xứ.

- *Sắc mà gọi là* ***thân xứ*** *đó ra sao?* Thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung liên hệ trong thân thể là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, do nương với thân nào thì thân xúc mở mối cho xúc hoặc đã phát sanh, hoặc đang phát sanh, hoặc sẽ phát sanh, hoặc đáng phát sanh; do nhập với thân nào mà thọ phát sanh từ thân xúc… tưởng… tư… thân thức mở mối cho xúc hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…; do nương thân nào mà thân xúc có sự mở mối cho cảnh xúc hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh; do nương thân nào mà thọ sanh từ thân xúc… tưởng… tư… thân thức có cảnh xúc hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là thân, cũng gọi là thân xứ, cũng gọi là thân giới, cũng gọi là thân quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi là nhà trống. Những sắc này gọi là thân xứ.

**521.**

- *Sắc mà gọi là* ***sắc xứ*** *đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và đối chiếu được tức là màu xanh lam, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu đen, màu chân chim phụng, màu vàng đen, màu xanh, màu lá cây, màu trái xoài, dài, vắn, viễn, to, tròn, vuông, lục giác, bát giác, thập lục giác, hõm, lồi, bóng, nắng, ánh sáng, tối, mây, sương, khói, bụi, ánh trăng, trời chói, ánh sao, sao rọi, kiếng rọi, ngọc chiếu, ốc chiếu, ánh trân châu, ánh ngọc mắt mèo, ánh vàng, ánh bạc, hoặc dù cho sắc nào khác thành màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và đối chiếu đặng. Như thế, chúng sanh đã thấy, hoặc đang thấy, hoặc sẽ thấy, hoặc đáng thấy bằng sắc nào mà thứ thấy đặng và đối chiếu đặng với nhãn là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là sắc, cũng gọi là sắc xứ, cũng gọi là sắc giới. Những sắc này đều gọi là sắc xứ.

- *Sắc mà gọi là* ***sắc xứ*** *đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và đối chiếu được tức là màu xanh lam, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu đen, màu chân chim phụng, màu vàng đen, màu xanh, màu lá cây, màu trái xoài, dài, vắn, viễn, to, tròn, dầy, vuông, lục giác, bát giác, thập lục giác, hõm, lồi, bóng, nắng, ánh sáng, tối, mây, sương, khói, bụi, ánh trăng, trời chói, ánh sao, sao rọi, kiếng rọi, ngọc chiếu, ốc chiếu, ánh trân châu, ánh ngọc mắt mèo, ánh vàng, ánh bạc; hoặc dù sắc nào khác thành

màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và vẫn đối chiếu đặng. Nhãn là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Thế vậy, chúng sanh hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi sắc nào mà thứ thấy đặng và đối chiếu đặng. Đây gọi là sắc, cũng gọi là sắc xứ, cũng gọi là sắc giới. Những sắc này đều gọi là sắc xứ.

- *Sắc mà gọi là **sắc xứ** đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và đối chiếu được, tức là màu xanh lam, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu đen, màu chân chim phụng, màu vàng đen, màu xanh, màu lá cây, màu trái xoài, dài, vắn, viễn, to, tròn, dầy, vuông, lục giác, bát giác, thập lục giác, hõm, lồi, bóng, nắng, ánh sáng, tối, mây, sương, khói, bụi, ánh trăng, trời chói, ánh sao, sao rọi, kiếng rọi, ngọc chiếu, ốc chiếu, ánh trân châu, ánh ngọc mắt mèo, ánh vàng, ánh bạc; hoặc dù sắc nào khác thành màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và vẫn đối chiếu được, do sắc nào mở mối mà nhãn xúc nương nhãn hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do sắc nào mở mối, thời thọ sanh từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức nương nhãn hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; nhãn xúc có sắc nào làm cảnh mà nương nhãn hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh... thọ mà sanh từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức mà có sắc nào nương nhãn hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là sắc, cũng gọi là sắc xứ, cũng gọi là sắc giới. Những sắc này đều gọi là sắc xứ.

**522.**

- *Sắc mà gọi là **thinh xứ** đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại sung thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là tiếng trống, tiếng vỗ bồng, tiếng ốc thổi, tiếng phi nam nữ, tiếng ca hát, tiếng nhạc, tiếng đàn, tiếng vỗ tay, tiếng thú kêu, tiếng âm dương chạm, tiếng nước, tiếng nhân loại, tiếng phi nhân. Hay là những tiếng nào khác nương sắc tứ đại sung thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng… Thế vậy, chúng sanh hoặc đã nghe, hoặc đang nghe, hoặc sẽ nghe, hoặc đáng nghe những tiếng nào là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, đối với nhĩ thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thinh, cũng gọi là thinh xứ, cũng gọi là thinh giới. Những sắc này đều gọi là thinh xứ.

- *Sắc mà gọi là **thinh xứ** đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại sung thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là tiếng trống, tiếng vỗ bồng, tiếng ốc thổi, tiếng phi nam nữ, tiếng ca hát, tiếng nhạc, tiếng đàn, tiếng vỗ tay, tiếng thú kêu, tiếng âm dương chạm, tiếng nước, tiếng nhân loại, tiếng phi nhân. Hay là những tiếng nào khác nương sắc tứ đại sung thành thứ thấy không đặng và vẫn đối chiếu đặng… nhập với nhĩ là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi sắc nào là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thinh, cũng gọi là thinh xứ, cũng gọi là thinh giới. Những sắc này đều gọi là thinh xứ.

- *Sắc mà gọi là **thinh xứ** đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là tiếng trống, tiếng vỗ bồng, tiếng ốc thổi, tiếng phi nam nữ, tiếng ca hát, tiếng nhạc, tiếng đàn, tiếng vỗ tay, tiếng thú kêu, tiếng âm dương chạm, tiếng nước, tiếng nhân loại, tiếng phi nhân. Hay là những tiếng nào khác nương sắc tứ đại sung thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng… nhập với thinh là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi nhĩ mà thành thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây

cũng gọi là thinh, cũng gọi là thinh xứ, cũng gọi là thinh nhập (thinh xứ). Những sắc này đều gọi là thinh xứ.

- *Sắc mà gọi là* ***thinh xứ*** *đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là tiếng trống, tiếng vỗ bồng, tiếng ốc thổi, tiếng phi nam nữ, tiếng ca hát, tiếng nhạc, tiếng đàn, tiếng vỗ tay, tiếng thú kêu, tiếng âm dương chạm, tiếng nước, tiếng nhân loại, tiếng phi nhân. Hay là những tiếng nào khác nương sắc tứ đại thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng… do thinh nào mở mối nhĩ xúc nương nhĩ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do thinh nào mở mối mà thọ sanh từ nhĩ xúc... tưởng... tư... nhĩ thức nương nhĩ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; nhĩ xúc mà có thinh nào làm cảnh nương nhĩ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; thọ nương từ nhĩ xúc... tưởng... tư... nhĩ thức có tiếng nào làm cảnh nương nhĩ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là thinh, cũng gọi là thinh xứ, cũng gọi là thinh giới. Những sắc này đều gọi là thinh xứ.

**523.**

- *Sắc mà gọi là* ***khí xứ*** *đó ra sao?* Khí nào mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, tức là hơi rễ cây, hơi lõi cây, hơi vỏ cây, hơi lá cây, hơi bông cây, hơi trái cây, hơi thúi, hơi sình, hơi thơm, hơi hôi. Hoặc là những hơi nào khác mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy đặng nhưng vẫn đối chiếu. Thế vậy chúng sanh hoặc đã ngửi, hoặc đang ngửi, hoặc sẽ ngửi, hoặc đáng ngửi, hơi nào mà thành thứ không thấy đặng nhưng đối chiếu đặng, đối với tỷ mà thuộc về thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là khí, hoặc gọi khí xứ, hoặc gọi khí giới. Những sắc này đều gọi là khí xứ.

- *Sắc mà gọi là* ***khí xứ*** *đó ra sao?* Khí nào mà nương sắc đại sung thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, tức là hơi rễ cây, hơi lõi cây, hơi vỏ cây, hơi lá cây, hơi bông cây, hơi trái cây, hơi thúi, hơi sình, hơi thơm, hơi hôi. Hoặc là những hơi nào khác mà nương sắc tứ đại thành đồ không thấy đặng nhưng vẫn đối chiếu đặng. Nhập với tỷ là thứ đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu do khí nào là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là khí, cũng gọi khí xứ, cũng gọi khí giới. Những sắc này đều gọi là khí xứ.

- *Sắc mà gọi là* ***khí xứ*** *đó ra sao?* Khí nào mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là hơi rễ cây, hơi lõi cây, hơi vỏ cây, hơi lá cây, hơi bông cây, hơi trái cây, hơi thúi, hơi sình, hơi thơm, hơi hôi hoặc những hơi nào khác mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy đặng nhưng vẫn đối chiếu đặng. Nhập với khí là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi tỷ mà thành thứ không thấy đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là khí, cũng gọi khí xứ, cũng gọi khí giới. Những sắc này đều gọi là khí xứ.

- *Sắc mà gọi là* ***khí xứ*** *đó ra sao?* Khí nào mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, tức là hơi rễ cây, hơi lõi cây, hơi vỏ cây, hơi lá cây, hơi bông cây, hơi trái cây, hơi thúi, hơi sình, hơi thơm, hơi hôi, hoặc những hơi nào khác mà nương sắc tứ đại thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, do khí nào mở mối cho tỷ xúc nương tỷ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do khí nào mở mối thì thọ sanh từ tỷ xúc... tưởng... tư... tỷ thức nương tỷ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; tỷ xúc có khí nào làm cảnh nương tỷ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; thọ mà sanh từ tỷ xúc... tưởng... tư... tỷ thức

có khí làm cảnh nương tỷ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là khí, cũng gọi khí xứ, cũng gọi khí giới. Những sắc này đều gọi là khí xứ.

**524.**

- *Sắc mà gọi là **vị xứ** đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là vị rễ cây, vị thân cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị cay, vị mặn, vị bùi, vị nhẫn, vị chát, vị ngon, vị dở, hoặc vị nào khác nương sắc tứ đại sung mà thành thứ đồ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhập với thiệt thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi vị nào mà thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là vị, cũng gọi vị xứ, cũng gọi vị giới. Những sắc này đều gọi là vị xứ.
- *Sắc mà gọi là **vị xứ** đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại sung thành thứ đồ không thấy được nhưng đối chiếu đặng như là vị rễ cây, vị thân cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị cay, vị mặn, vị bùi, vị nhẫn, vị chát, vị ngon, vị dở, hoặc vị nào khác nương sắc tứ đại sung mà thành thứ đồ không thấy mà vẫn đối chiếu… nhập với thiệt là đồ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi vị nào mà thành thứ đồ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là vị, cũng gọi vị xứ, cũng gọi vị giới. Những sắc này đều gọi là vị xứ.
- *Sắc mà gọi là **vị xứ** đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại sung thành thứ đồ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng như là vị rễ cây, vị thân cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị cay, vị mặn, vị bùi, vị nhẫn, vị chát, vị ngon, vị dở, hoặc vị nào khác nương sắc tứ đại sung mà thành thứ đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Nhập với vị nào mà thành món thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi thiệt mà thành thứ đồ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là vị, cũng gọi vị xứ, cũng gọi vị giới. Những sắc này đều gọi là vị xứ.
- *Sắc mà gọi là **vị xứ** đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại sung thành đồ thấy không được mà đối chiếu đặng như là vị rễ cây, vị thân cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị cay, vị mặn, vị bùi, vị nhẩn, vị chát, vị ngon, vị dở. Hoặc vị nào khác nương sắc tứ đại sung mà thành thứ đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, do sắc nào mở mối thiệt xúc nương lưỡi đã sanh ra, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…; do vị nào mở mối thì thọ sanh từ thiệt xúc… tưởng… tư… thiệt thức nương thiệt đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…; thiệt xúc có vị nào làm cảnh nương thiệt nào hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…; thọ mà sanh từ thiệt xúc… tưởng… tư… thiệt thức có vị nào làm cảnh nương thiệt hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là vị, cũng gọi là vị xứ. Những sắc này đều gọi là vị xứ.

**525.**

*Sắc mà gọi là **nữ quyền** đó ra sao?* Những cách nào thuộc về phần nữ như là nữ căn, nữ tướng, thân phần nữ, thái độ nữ, nết hạnh nữ, hành động theo cách người nữ. Như thế đây gọi là sắc nữ quyền.

**526.**

*Sắc mà gọi là* ***nam quyền*** *đó ra sao?* Những cách nào thuộc về phần nam như là nam căn, nam tướng, thân phần nam, thái độ nam, nết hạnh nam, hành động theo cách người nam. Như thế đây gọi là sắc nam quyền.

**527.**

*Sắc mà gọi là* ***mạng quyền*** *đó ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng của sắc pháp, gọi sắc mạng quyền tức là cách sống còn của sắc pháp. Những sắc này đều gọi là mạng quyền.

**528.**

*Sắc mà gọi là* ***thân biểu tri*** *đó ra sao?* Sự lay động, cách lay động, hành vi lay động, thái độ lay động, sự trình bày cho biết ý nghĩa, hành động trình bày cho biết ý nghĩa nơi thân của người mà có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký sai khiến tới lui, ngó liếc qua lại, co ngay như thế nào. Những sắc này đều gọi là thân biểu tri.

**529.**

*Sắc mà gọi là* ***khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Cách nói, cách phát ra lời, cách nói chuyện, cách tường thuật, cách tuyên bố, cách quảng cáo, ngôn ngữ, lời phân biệt của những người có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký. Đây gọi là ngữ ngôn, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, trạng thái trình bày cho biết ý nghĩa bằng ngôn ngữ như thế nào. Những sắc này đều gọi là khẩu biểu tri.

**530.**

*Sắc mà gọi là* ***hư không giới*** *(giao giới) đó ra sao?* Trống không tục gọi là hư không, cách luống không, sự luống không, kẽ hở, lỗ trống, tục gọi là không ngơ, thường gọi là rỗng không, thuộc về y sinh nương sắc tứ đại sung, nhưng đụng chạm không đặng. Những sắc này đều gọi là hư không giới.

**531.**

*Sắc mà gọi là* ***sắc khinh*** *(nhẹ) đó ra sao?* Sự nhẹ, sự không nặng, sự lẹ làng, sự không chần chờ chậm chạp dù nơi sắc nào. Như thế đây gọi là sắc khinh.

**532.**

*Sắc mà gọi là* ***sắc nhu*** *(mềm) đó ra sao?* Trạng thái mềm dịu, sự mềm dịu, không sần sượng, không cứng cỏi dù nơi sắc nào, đều gọi là sắc nhu.

**533.**

*Sắc mà gọi là* ***sắc thích dụng*** *(thích sự) đó ra sao?* Cách vừa với việc làm, sự vừa theo việc làm, trạng thái vừa với việc làm dù nơi sắc nào đều gọi là sắc thích dụng.

**534.**

*Sắc mà gọi là* ***sắc sanh*** *đó ra sao?* Những cách nào chất chứa xứ, sự sanh ra của sắc đó, sắc như thế đây gọi là sắc sanh *(upacaya).*

**535.**

*Sắc mà gọi là **sắc thừa kế** đó ra sao?* Sự sanh ra của sắc nào thành liên tiếp (thừa kế) của sắc pháp như thế đó, những sắc này gọi là sắc thừa kế *(santati).*

**536.**

*Sắc mà gọi là **sắc lão** đó ra sao?* Sự già, sự cũ, rụng răng, tóc bạc, bớt thọ, da dùn, cách chín mùi của sắc quyền có trong những sắc nào như thế, đây gọi là sắc lão *(jaratā).*

**537.**

*Sắc mà gọi là **sắc vô thường** đó ra sao?* Sự mất, cách hoại, sự rã, sự tan, sự không bền, sự vô thường của sắc nào, những sắc như thế gọi là sắc vô thường *(aniccata).*

**538.**

*Sắc mà gọi là **đoàn thực** đó ra sao?* Cơm, bánh tươi, bánh khô, cá, thịt, sữa tươi, sữa chế, bơ trong, bơ cục, mỡ, dầu, mật, nước mía, hay là những sắc nào khác vẫn có mà thành đồ để vào miệng nhai nuốt cho no bụng của mỗi chúng sanh và nhân loại hay những chất chi bổ dưỡng cho tất cả chúng sanh. Những sắc này đều gọi là đoàn thực.

Những sắc này gọi là sắc y sinh *(upādā rūpa).*

*Dứt phần y sinh.*

*Dứt tập sắc pháp sơ phần 8.000 chữ.*

**<u>Phân theo (sắc) bất y sinh.</u>**

**539.**

*Sắc **bất y sinh** đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới.

**540.**

- *Sắc mà gọi là **xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới, hỏa giới, phong giới, sự cứng, sự mềm, thứ to, thứ nhuyễn, sự nặng, sự nhẹ, đụng vào thích sướng hoặc không thích. Nhập với thân là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với thứ xúc nào mà thành thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.
- *Sắc mà gọi là **xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới, hỏa giới, phong giới, thứ cứng, thứ mềm, thứ to, thứ nhuyễn, cách nặng, cách nhẹ, đụng vào thích sướng hoặc không thích sướng. Nhập với thân là thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với thứ xúc mà thành thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.
- *Sắc mà gọi là **xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới, hỏa giới, phong giới, thứ cứng, thứ mềm, thứ to, thứ nhuyễn, cách nặng, cách nhẹ, đụng vào thích sướng hoặc không thích sướng. Xúc nào mà thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với thân mà thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.

- *Sắc mà gọi là **xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới, hỏa giới, phong giới, các thứ cứng, mềm, to, nhuyễn, nặng, nhẹ, đụng vào thích sướng hoặc không thích sướng do xúc nào mở mối thân xúc nương thân hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh… do xúc nào mở mối cho thọ sanh từ thân xúc… tưởng… tư… thân thức nương với thân hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh… thân xúc có xúc nào làm cảnh nương thân hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh… thọ sanh từ thân xúc… tưởng… tư… thân thức có xúc nào làm cảnh nương thân hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…. Đây gọi là xúc, hoặc xúc xứ, hoặc xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.

**541.**

*Sắc mà gọi là **thủy giới** đó ra sao?* Sự ướt át, thứ vẫn tươm, sự dẻo dai, cơ quan dính, sắc nào như thế, những sắc ấy đều gọi là thủy giới.

Những sắc vừa kể trên đều gọi là sắc bất y sinh.

**3) Nhị đề xiển minh.**

**542.**

- ***Sắc thành thủ** đó ra sao?* Như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền; hoặc những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh *(upacaya)*, sắc thừa kế *(santati)*, và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc thành thủ.
- ***Sắc thành phi thủ** đó ra sao?* Như là thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão *(jaratā),* sắc vô thường. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế, đoàn thực mà không do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ.

**543.**

- ***Sắc thủ và cảnh thủ** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay những sắc nào khác đồng có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế *(santati)* và đoàn thực mà do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc thủ và cảnh thủ.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ** đó ra sao?* Như là thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão *(jaratā),* sắc vô thường *(aniccatā);* hoặc những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế, đoàn thực mà không do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ.

**544.**

- ***Sắc hữu kiến** đó ra sao?* Tức là sắc xứ, những sắc này gọi là sắc hữu kiến.
- ***Sắc bất kiến** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc bất kiến.

**545.**

- ***Sắc hữu đối chiếu*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ. Những sắc này đều gọi là sắc hữu đối chiếu *(sappaṭigha).*
- ***Sắc vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc vô đối chiếu *(appaṭigha).*

**546.**

- ***Sắc quyền*** *đó ra sao?* Như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Những sắc này đều gọi là sắc quyền.
- ***Sắc phi quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc phi quyền.

**547.**

- ***Sắc đại sung*** *đó ra sao?* Tức là xúc xứ và thủy chất. Những sắc này đều gọi là sắc tứ đại sung.
- ***Sắc phi đại sung*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc phi đại sung.

**548.**

- ***Sắc biểu tri*** *đó ra sao?* Như là thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc biểu tri.
- ***Sắc phi biểu tri*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi biểu tri.

**549.**

- ***Sắc có tâm làm sở sanh*** *đó ra sao?* Như là thân biểu tri và khẩu biểu tri, hoặc những sắc nào khác đồng có sanh từ nơi tâm có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc sanh, sắc thừa kế *(santati)* và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc có tâm làm sở sanh.
- ***Sắc phi tâm làm sở sanh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, sắc lão, sắc vô thường, hoặc những sắc nào khác đồng có mà không do tâm tạo, không do tâm làm nhân, không do tâm làm sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi tâm làm sở sanh.

**550.**

- ***Sắc đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Như là thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc đồng sanh tồn với tâm.
- ***Sắc không đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc không đồng sanh tồn với tâm.

**551.**

- ***Sắc tùng tâm thông lưu*** *đó ra sao?* Như là thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc tùng tâm thông lưu.

- ***Sắc phi tùng tâm thông lưu** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi tùng tâm thông lưu.

**552.**

- ***Sắc nội** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội.
- ***Sắc ngoại** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại.

**553.**

- ***Sắc thô** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc thô.
- ***Sắc tế** đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc tế.

**554.**

- ***Sắc viễn** đó ra sao?* Như là nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc viễn.
- ***Sắc cận** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc cận.

**555.**

- ***Sắc vật mà nhãn xúc nương** đó ra sao?* Tức là nhãn xứ. Những sắc này gọi là sắc vật mà nhãn xúc nương.
- ***Sắc chẳng phải sắc vật mà nhãn xúc nương** đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc chẳng phải sắc vật mà nhãn xúc nương.

**556.**

- ***Sắc thành vật mà thọ nương… nhãn xúc nương… tưởng nương… tư nương… nhãn thức nương** đó ra sao?* Tức là nhãn xứ. Những sắc này gọi là sắc vật mà nhãn thức nương.
- ***Sắc chẳng phải vật mà nhãn thức nương** đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc chẳng phải sắc vật mà nhãn thức nương.

**557.**

- ***Sắc thành vật mà nhĩ xúc nương… tỷ xúc nương… thiệt xúc nương… thân xúc nương**… đó ra sao?* Tức là thân xứ. Những sắc này gọi là sắc thành vật mà thân xúc nương.
- ***Sắc chẳng phải sắc vật mà thân xúc nương** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc chẳng phải sắc thành vật mà thân xúc nương.

**558.**

- ***Sắc thành vật mà thọ sanh từ thân xúc nương… tưởng nương… tư nương… thân thức nương**… đó ra sao?* Thân xứ. Sắc này gọi là sắc thành vật mà thân thức nương.
- ***Sắc chẳng phải sắc vật mà thân thức nương** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc chẳng phải sắc vật mà thân thức nương.

**559.**

- ***Sắc thành cảnh của nhãn xúc** đó ra sao?* Tức là sắc xứ. Sắc này gọi là sắc thành cảnh của nhãn xúc.

- ***Sắc phi cảnh của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi cảnh của nhãn xúc.

**560.**

- ***Sắc thành cảnh của thọ sanh từ nhãn xúc**… **của tưởng**… **của tư**… **của nhãn thức** đó ra sao?* Sắc là sắc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành cảnh của nhãn thức.

- ***Sắc phi cảnh của nhãn thức*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi cảnh của nhãn thức.

**561.**

- ***Sắc thành cảnh của nhĩ xúc**… **của tỷ xúc**… **của thiệt xúc**… **của thân xúc** đó ra sao?* Như là xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành cảnh của thân xúc.

- ***Sắc phi cảnh của thân xúc*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi cảnh của thân xúc.

**562.**

- ***Sắc thành cảnh của thọ sanh từ thân xúc**… của tưởng… **của tư**… **của thân thức** đó ra sao?* Tức là xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành cảnh của thân thức.

- ***Sắc phi cảnh của thân thức*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi cảnh của thân thức.

**563.**

- ***Sắc thành nhãn xứ*** *đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… đây cũng gọi là nhãn… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc thành nhãn xứ.

- ***Sắc phi nhãn xứ*** *đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nhãn xứ.

**564.**

- ***Sắc thành nhĩ xứ**… **thành tỷ xứ**… **thành thiệt xứ**… **thành thân xứ** đó ra sao?* Thân nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… đây cũng gọi là thân… cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc thành thân xứ.

- ***Sắc phi thân xứ*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thân xứ.

**565.**

- ***Sắc thành sắc xứ*** *đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung… đây cũng gọi là sắc, cũng gọi sắc xứ, cũng gọi sắc giới. Những sắc này gọi là sắc thành sắc xứ.

- ***Sắc phi sắc xứ*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc xứ.

**566.**

- ***Sắc thành thinh xứ**… **thành khí xứ**… **thành vị xứ**… **thành xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới… đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này gọi là sắc thành xúc xứ.

- ***Sắc phi xúc xứ*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi xúc xứ.

**567.**

- ***Sắc thành nhãn giới*** *đó ra sao?* Tức là nhãn xứ. Những sắc này gọi là sắc thành nhãn giới.
- ***Sắc phi nhãn giới*** *đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nhãn giới.

**568.**

- ***Sắc thành nhĩ giới**... **thành tỷ giới**... **thành thiệt giới**... **thành thân giới*** *đó ra sao?* Tức là thân xứ. Những sắc này gọi là sắc thành thân giới.
- ***Sắc phi thân giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thân giới.

**569.**

- ***Sắc thành sắc giới*** *đó ra sao?* Tức là sắc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành sắc giới.
- ***Sắc phi sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc giới.

**570.**

- ***Sắc thành thinh giới**... **thành khí giới**... **thành vị giới**... **thành xúc giới*** *đó ra sao?* Tức là xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành xúc giới.
- ***Sắc phi xúc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi xúc giới.

**571.**

- ***Sắc thành nhãn quyền*** *đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, đây hoặc gọi là nhãn… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nhãn quyền.
- ***Sắc phi nhãn quyền*** *đó ra sao?* Như là nhĩ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nhãn quyền.

**572.**

- ***Sắc thành nhĩ quyền**... **thành tỷ quyền**... **thành thiệt quyền**... **thành thân quyền*** *đó ra sao?* Thân nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung. Đây cũng gọi là thân… hoặc gọi nhà không... Những sắc này gọi là sắc thành thân quyền.
- ***Sắc phi thân quyền*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thân quyền.

**573.**

- ***Sắc thành nữ quyền*** *đó ra sao?* Những sắc nào thuộc về phần nữ như là nữ căn, nữ tướng, chơn tướng nữ, thái độ nữ, nết na nữ, thân phần nữ, những nguyên nhân hiện bày như thế, những sắc này gọi là sắc thành nữ quyền.

- ***Sắc phi nữ quyền*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nữ quyền.

**574.**

- ***Sắc thành nam quyền*** *đó ra sao?* Những cách nào thuộc về phần nam như là nam căn, nam tướng, chơn tướng nam, thái độ nam, nết hạnh nam, thân phần nam, phát hiện như thế do nguyên nhân nào. Những sắc này đây gọi là sắc thành nam quyền.
- ***Sắc phi nam quyền*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nam quyền.

**575.**

- ***Sắc mạng quyền*** *đó ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng của sắc pháp, gọi sắc mạng quyền tức là cách sống còn của sắc pháp. Những sắc này gọi là sắc mạng quyền.
- ***Sắc phi mạng quyền*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi mạng quyền.

**576.**

- ***Sắc thành thân biểu tri*** *đó ra sao?* Sự lay động, cách lay động, hành vi lay động, thái độ lay động, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, hành động trình bày cho biết ý nghĩa nơi thân của người mà có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký sai khiến tới lui, ngó liếc qua lại, co ngay như thế nào. Những sắc này đều gọi là sắc thân biểu tri.
- ***Sắc phi thân biểu tri*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thân biểu tri.

**577.**

- ***Sắc thành khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Cách nói, cách phát ra lời, cách nói chuyện, cách tường thuật, cách tuyên bố, cách quảng cáo, ngôn ngữ, lời phân biệt của những người có tâm thiện hoặc tâm bất thiện hay là tâm vô ký. Đây gọi là ngữ ngôn, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, trạng thái trình bày cho biết ý nghĩa bằng ngữ ngôn như thế nào, những sắc này đều gọi là sắc khẩu biểu tri.
- ***Sắc phi khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi khẩu biểu tri.

**578.**

- ***Sắc thành hư không giới*** *đó ra sao?* Trống không tục gọi là hư không, cách luống không, sự trống không, kẽ hở, lỗ trống, tục định là không ngơ, thường gọi là rỗng không thuộc về y sinh nương sắc tứ đại sung, nhưng đụng chạm không đặng. Những sắc này đều gọi là sắc hư không giới.
- ***Sắc phi hư không giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi hư không giới.

**579.**

- ***Sắc thành thủy giới*** *đó ra sao?* Sự ướt át, cách ướt át, sự dẻo, chơn tướng dẻo, cơ quan dính của sắc. Những sắc này gọi là sắc thành thủy giới.
- ***Sắc phi thủy giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thủy giới.

**580.**

- ***Sắc nhẹ*** *đó ra sao?* Sự nhẹ, cách mau, không chậm chạp, không nặng nề của sắc nào như thế, đây gọi là sắc nhẹ.
- ***Sắc phi sắc nhẹ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc nhẹ.

**581.**

- ***Sắc thành sắc mềm*** *đó ra sao?* Sự mềm mại, cách mềm mại, không cứng, không sượng của sắc nào, đây gọi là sắc thành sắc mềm.
- ***Sắc phi sắc mềm*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc mềm.

**582.**

- ***Sắc thành sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Cách vừa với việc làm, sự vừa theo việc làm, trạng thái vừa với việc làm dù nơi sắc nào đều gọi là sắc thành sắc thích dụng.
- ***Sắc phi sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc thích dụng.

**583.**

- ***Sắc thành sắc sanh*** *đó ra sao?* Sự tích tựu của những xứ, sự sanh ra của sắc, dù thế nào những sắc này gọi là sắc sanh *(upacaya).*
- ***Sắc phi sắc sanh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc sanh.

**584.**

- ***Sắc thành sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Sự thừa kế (tiến lên) của sắc, sự tiếp liền của sắc, dù thế nào những sắc này đều gọi là sắc thành sắc thừa kế *(santati).*
- ***Sắc phi sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc thừa kế.

**585.**

- ***Sắc thành sắc lão*** *đó ra sao?* Sự già, cách cũ, thay đổi như là tóc bạc, răng lung lay, giảm thọ, sự chín mùi của quyền và của sắc pháp như thế nào những sắc này gọi là sắc lão *(jaratā).*
- ***Sắc phi sắc dị*** *(sắc lão) đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc lão.

**586.**

- ***Sắc thành sắc vô thường*** *đó ra sao?* Sự mất đi, hao đi, hư hoại, không bền, sự không trường tồn của sắc pháp, dù thế nào những sắc này đều gọi là sắc vô thường *(aniccata).*

- ***Sắc phi sắc vô thường*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc vô thường.

**587.**

- ***Sắc thành đoàn thực*** *đó ra sao?* Cơm, bánh tươi, bánh khô, cá, thịt, sữa tươi, sữa chua, bơ lỏng, bơ đặc, mỡ, dầu, mật, nước mía. Hay là những sắc nào khác đồng có thành đồ để trong miệng nhai nuốt no bụng của mỗi chúng sanh tức là những chất bổ nào nuôi sống nhân loại và vạn vật. Những sắc này gọi là sắc thành đoàn thực.
- ***Sắc phi đoàn thực*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… sắc vô thường. Những sắc này gọi là sắc phi đoàn thực.

Nhị yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu đây.

*Dứt nhị đề xiển minh.*

**4) Tam đề xiển minh.**

**588.**

- ***Sắc nội thành y sinh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành y sinh.
- ***Sắc ngoại thành y sinh*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành y sinh.
- ***Sắc ngoại phi y sinh*** *đó ra sao?* Xúc xứ… thủy giới. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại phi y sinh.

**589.**

- ***Sắc nội thành thủ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành thủ.
- ***Sắc ngoại thành thủ*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Hay là những sắc nào khác đồng có tức là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành thủ.
- ***Sắc ngoại thành phi thủ*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường. Hay là những sắc nào khác đồng có tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành phi thủ.

**590.**

- ***Sắc nội thành thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành thủ cảnh thủ.
- ***Sắc ngoại thành thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay là những sắc nào khác đồng có tức là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế, sắc vật thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành thủ cảnh thủ.

- ***Sắc ngoại phi thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường. Hay là những sắc nào khác đồng có tức là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thủ cảnh thủ.

**591.**

- ***Sắc nội thành bất kiến*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành bất kiến.
- ***Sắc ngoại thành bất kiến*** *đó ra sao?* Chỉ có sắc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành bất kiến *(Sanidassana).*
- ***Sắc ngoại mà hữu kiến*** *đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại mà hữu kiến.

**592.**

- ***Sắc nội thành đối chiếu*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành đối chiếu *(Sappatigha).*
- ***Sắc ngoại thành đối chiếu*** *đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành đối chiếu.
- ***Sắc ngoại vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại vô đối chiếu *(Appatigha).*

**593.**

- ***Sắc nội thành quyền*** *đó ra sao?* Nhãn quyền… thân quyền. Những sắc này gọi là sắc nội thành quyền *(Indrīya).*
- ***Sắc ngoại thành quyền*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành quyền.
- ***Sắc ngoại phi quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi quyền.

**594.**

- ***Sắc nội phi đại sung*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi đại sung *(Mahābhūta).*
- ***Sắc ngoại thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành đại sung.
- ***Sắc ngoại phi đại sung*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi đại sung.

**595.**

- ***Sắc nội phi biểu tri*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi biểu tri.
- ***Sắc ngoại thành biểu tri*** *đó ra sao?* Thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành biểu tri *(viññatti).*

- ***Sắc ngoại phi biểu tri*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi biểu tri.

**596.**

- ***Sắc nội không có tâm làm sở sanh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội không có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna).*
- ***Sắc ngoại có tâm làm sở sanh*** *đó ra sao*? Thân biểu tri, khẩu biểu tri, hay là những sắc nào khác có tâm làm nhân sanh và sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sự nhẹ của sắc, sự mềm của sắc, sự thích dụng của sắc, cách sanh của sắc, cách thừa kế của sắc và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna).*
- ***Sắc ngoại không có tâm làm sở sanh*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, sự già của sắc, cách vô thường của sắc. Hay là sắc nào khác mà không có tâm làm nhân sanh hay sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sự nhẹ của sắc, sự mềm của sắc, sự thích dụng của sắc, cách sanh của sắc, sự thừa kế của sắc và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không có tâm làm sở sanh.

**597.**

- ***Sắc nội không đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội không đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhū).*
- ***Sắc ngoại đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc ngoại đồng sanh tồn với tâm.
- ***Sắc ngoại không đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không đồng sanh tồn với tâm.

**598.**

- ***Sắc nội phi tùng thông lưu với tâm*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi tùng thông lưu với tâm.
- ***Sắc ngoại tùng thông lưu với tâm*** *đó ra sao?* Thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc ngoại tùng thông lưu với tâm.
- ***Sắc ngoại không tùng thông lưu với tâm*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không tùng thông lưu với tâm *(cittānuparivatti)*.

**599.**

- ***Sắc nội thô*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thô.
- ***Sắc ngoại thô*** *đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại thô.
- ***Sắc ngoại tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại tế *(sukhama).*

**600.**

- ***Sắc nội thành cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội cận.
- ***Sắc ngoại mà viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại viễn *(bāhira dūre).*

- ***Sắc ngoại cận*** *đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại cận *(bāhira santike).*

**601.**

- ***Sắc ngoại phi vật nương của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi vật nương của nhãn xúc.
- ***Sắc nội thành vật nương của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Nhãn xứ. Sắc này gọi là sắc nội thành vật nương của nhãn xúc.
- ***Sắc nội không thành vật nương của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội không thành vật nương của nhãn xúc.

**602.**

- ***Sắc ngoại không thành vật nương của thọ sanh từ nhãn xúc… của tưởng… của tư… của nhãn thức*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không thành vật nương của nhãn thức.
- ***Sắc nội thành vật nương của nhãn thức*** *đó ra sao?* Nhãn xứ. Sắc này gọi là sắc nội thành vật nương của nhãn thức.
- ***Sắc nội phi vật nương của nhãn thức*** *đó ra sao?* Nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi vật nương của nhãn thức.

**603.**

- ***Sắc ngoại không thành vật nương của nhĩ xúc… của tỷ xúc… của thiệt xúc… của thân xúc*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không thành vật nương của thân xúc.
- ***Sắc nội thành vật nương của thân xúc*** *đó ra sao?* Thân xứ. Sắc này gọi là sắc nội thành vật nương của thân xúc.
- ***Sắc nội phi vật nương của thân xúc*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi vật nương của thân xúc.

**604.**

- ***Sắc ngoại phi vật nương của thọ sanh từ thân xúc… của tưởng… của tư… của thân thức*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi vật nương của thân thức.
- ***Sắc nội thành vật nương của thân thức*** *đó ra sao?* Thân xứ. Sắc này gọi là sắc nội thành vật nương của thân thức.
- ***Sắc nội không thành vật nương của thân thức*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội không thành vật nương của thân thức.

**605.**

- ***Sắc nội phi cảnh của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi cảnh của nhãn xúc.
- ***Sắc ngoại thành cảnh của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Sắc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành cảnh của nhãn xúc.

- ***Sắc ngoại phi cảnh của nhãn xúc** đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi cảnh của nhãn xúc.

**606.**

- ***Sắc nội phi cảnh của thọ sanh từ nhãn xúc… của tưởng… của tư… của nhãn thức** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi cảnh của nhãn thức.
- ***Sắc ngoại thành cảnh của nhãn thức** đó ra sao?* Sắc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành cảnh của nhãn thức.
- ***Sắc ngoại phi cảnh của nhãn thức** đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi cảnh của nhãn thức.

**607.**

- ***Sắc nội phi cảnh của nhĩ xúc… của tỷ xúc… của thiệt xúc… của thân xúc** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi cảnh của thân xúc.
- ***Sắc ngoại thành cảnh của thân xúc** đó ra sao?* Xúc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành cảnh của thân xúc.
- ***Sắc ngoại phi cảnh của thân xúc** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi cảnh của thân xúc.

**608.**

- ***Sắc nội phi cảnh của thọ sanh từ thân xúc… của tưởng… của tư… của thân thức** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi cảnh của thân thức.
- ***Sắc ngoại thành cảnh của thân thức** đó ra sao?* Xúc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành cảnh của thân thức.
- ***Sắc ngoại phi cảnh của thân thức** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi cảnh của thân thức.

**609.**

- ***Sắc ngoại phi nhãn xứ** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nhãn xứ.
- ***Sắc nội thành nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn nào là thanh triệt nương sắc tứ đại sung. Đây gọi là nhãn… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nội thành nhãn xứ.
- ***Sắc nội phi nhãn xứ** đó ra sao?* Nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nhãn xứ.

**610.**

- ***Sắc ngoại phi nhĩ xứ… phi tỷ xứ… phi thiệt xứ… phi thân xứ** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thân xứ.
- ***Sắc nội thành thân xứ** đó ra sao?* Thân nào là thanh triệt nương sắc tứ đại sung. Đây cũng gọi là thân… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nội thành thân xứ.
- ***Sắc nội phi thân xứ** đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thân xứ.

**611.**

- ***Sắc nội phi sắc xứ** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc xứ.
- ***Sắc ngoại thành sắc xứ** đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung… Đây cũng gọi là sắc, cũng gọi sắc xứ, cũng gọi sắc giới. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành sắc xứ.
- ***Sắc ngoại phi sắc xứ** đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc xứ.

**612.**

- ***Sắc nội phi thinh xứ**… **phi khí xứ**… **phi vị xứ**… **phi xúc xứ** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi xúc xứ.
- ***Sắc ngoại thành xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới… Đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành xúc xứ.
- ***Sắc ngoại phi xúc xứ** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi xúc xứ.

**613.**

- ***Sắc ngoại phi nhãn giới** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nhãn giới.
- ***Sắc nội thành nhãn giới** đó ra sao?* Nhãn xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành nhãn giới.
- ***Sắc nội phi nhãn giới** đó ra sao?* Nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nhãn giới.

**614.**

- ***Sắc ngoại phi nhĩ giới**… **phi tỷ giới**… **phi thiệt giới**… **phi thân giới** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thân giới.
- ***Sắc nội thành thân giới** đó ra sao?* Thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành thân giới.
- ***Sắc nội phi thân giới** đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thân giới.

**615.**

- ***Sắc nội phi sắc giới** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc giới.
- ***Sắc ngoại thành Sắc giới** đó ra sao?* Sắc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành Sắc giới.
- ***Sắc ngoại phi sắc giới** đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc giới.

**616.**

- ***Sắc nội phi thinh giới**... **phi khí giới**... **phi vị giới**... **phi xúc giới** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi xúc giới.
- ***Sắc ngoại thành xúc giới** đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành xúc giới.
- ***Sắc ngoại phi xúc giới** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi xúc giới.

**617.**

- ***Sắc ngoại phi nhãn quyền** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nhãn quyền.
- ***Sắc nội thành nhãn quyền** đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… Đây cũng gọi là nhãn… cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nội thành nhãn quyền.
- ***Sắc nội phi nhãn quyền** đó ra sao?* Nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nhãn quyền.

**618.**

- ***Sắc ngoại phi nhĩ quyền**... **phi tỷ quyền**... **phi thiệt quyền**... **phi thân quyền** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thân quyền.
- ***Sắc nội thành thân quyền** đó ra sao?* Thân nào là thanh triệt nương sắc tứ đại sung… Đây cũng gọi là thân… cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nội thành thân quyền.
- ***Sắc nội phi thân quyền** đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thân quyền.

**619.**

- ***Sắc nội phi nữ quyền** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nữ quyền.
- ***Sắc ngoại thành nữ quyền** đó ra sao?* Nguyên nhân nào phát sanh bộ phận nữ, tư cách nữ, thái độ nữ, thân phần nữ, tướng trạng nữ, nữ căn, sắc làm nhân phát hiện như thế. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành nữ quyền.
- ***Sắc ngoại phi nữ quyền** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nữ quyền.

**620.**

- ***Sắc nội phi nam quyền** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nam quyền.
- ***Sắc ngoại thành nam quyền** đó ra sao?* Nhân nào phát bày bộ phận nam, tư cách nam, thái độ nam, thân phần nam, tướng trạng nam, nam căn, sắc làm nhân phát hiện như thế. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành nam quyền.
- ***Sắc ngoại phi nam quyền** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nam quyền.

**621.**

- ***Sắc nội phi mạng quyền*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi mạng quyền.
- ***Sắc ngoại thành mạng quyền*** *đó ra sao?* Sự sống còn, đang còn, sự hiện hữu, cách hiện tồn, đang liên tiếp, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng của sắc pháp, cũng gọi mạng sống đang bảo tồn cho những sắc nghiệp. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành mạng quyền.
- ***Sắc ngoại phi mạng quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi mạng quyền.

**622.**

- ***Sắc nội phi thân biểu tri*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thân biểu tri.
- ***Sắc ngoại thành thân biểu tri*** *đó ra sao?* Sự lay động, cách lay động, hành vi lay động, thái độ lay động, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, hành động trình bày cho biết ý nghĩa nơi thân người mà có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký sai khiến tới, lui, ngó, liếc qua lại, co, ngay ra sao. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành thân biểu tri.
- ***Sắc ngoại phi thân biểu tri*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thân biểu tri.

**623.**

- ***Sắc nội phi khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi khẩu biểu tri.
- ***Sắc ngoại thành khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Cách nói, sự nói, lời nói, cách tường thuật, cách tuyên bố, cách quảng cáo, ngôn ngữ, lời phân biệt của những người có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký. Đây cũng gọi là ngôn ngữ, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, trạng thái trình bày cho biết ý nghĩa bằng ngôn ngữ, dù thế nào những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành khẩu biểu tri *(vocī viññatti).*
- ***Sắc ngoại phi khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi khẩu biểu tri.

**624.**

- ***Sắc nội phi hư không giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi hư không giới.
- ***Sắc nội thành hư không giới*** *đó ra sao?* Trống không tục gọi là hư không, cách luống không, sự luống không, kẽ hở, lỗ trống, tục định là không ngơ, thường gọi là rỗng không thuộc về y sinh nương sắc tứ đại sung, nhưng không đụng chạm chi. Những sắc này gọi là sắc nội thành hư không giới *(ākasadhātu).*
- ***Sắc ngoại phi hư không giới*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi hư không giới.

**625.**

- ***Sắc nội phi thủy giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thủy giới.
- ***Sắc ngoại thành thủy giới*** *đó ra sao?* Sự ướt át, cách ướt át, sự dẻo, cách dẻo, cơ quan vẫn thu hút. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành thủy giới.
- ***Sắc ngoại phi thủy giới*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thủy giới.

**626.**

- ***Sắc nội phi sắc khinh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc khinh.
- ***Sắc ngoại thành sắc khinh*** *đó ra sao?* Cách nhẹ, sự mau, không chậm chạp, không nặng nề nơi sắc nào như thế, đây gọi là sắc ngoại thành sắc khinh *(rūpa lahutā).*
- ***Sắc ngoại phi sắc khinh*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc khinh.

**627.**

- ***Sắc nội phi sắc nhu*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc nhu.
- ***Sắc ngoại thành sắc nhu*** *đó ra sao?* Cách mềm, sự mềm, không cứng, không sần sượng dù nơi sắc nào, những sắc như thế này đều gọi là sắc ngoại thành sắc nhu.
- ***Sắc ngoại phi sắc nhu*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc nhu.

**628.**

- ***Sắc nội phi sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc thích dụng.
- ***Sắc ngoại thành sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Sắc vừa với công việc làm, sự thích hợp với cách làm, trạng thái thích hợp với việc làm của sắc thế nào, những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành sắc thích dụng *(rūpakammaññatā).*
- ***Sắc ngoại phi sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc thích dụng.

**629.**

- ***Sắc nội phi sắc sanh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc sanh.
- ***Sắc ngoại thành sắc sanh*** *đó ra sao?* Sự tích tụ của những xứ, cách sanh của sắc như thế nào. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành sắc sanh *(upacaya).*
- ***Sắc ngoại phi sắc sanh*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc sanh.

**630.**

- ***Sắc nội phi sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc thừa kế.

- ***Sắc ngoại thành sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Cách sắc vừa sanh liên tiếp (thừa kế) của sắc như thế nào. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành sắc thừa kế *(rūpasantati).*
- ***Sắc ngoại phi sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc thừa kế.

**631.**

- ***Sắc nội phi sắc lão*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc lão.
- ***Sắc ngoại thành sắc lão*** *đó ra sao?* Cách cũ, sự già, răng lay, tóc bạc, giảm thọ, da dùn, sự chín mùi của quyền nơi sắc nào, những sắc này gọi là sắc ngoại thành sắc lão *(rūpa jaratā).*
- ***Sắc ngoại phi sắc lão*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc lão.

**632.**

- ***Sắc nội phi sắc vô thường*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc vô thường *(aniccatā).*
- ***Sắc ngoại thành sắc vô thường*** *đó ra sao?* Sự hư, cách mất, cách rã, trạng thái biến đổi, thái độ tiêu tan, không còn tồn tại của sắc nào. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành sắc vô thường *(rūpa aniccatā).*
- ***Sắc ngoại phi sắc vô thường*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại phi sắc vô thường.

**633.**

- ***Sắc nội phi đoàn thực*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này đều gọi là sắc nội phi đoàn thực.
- ***Sắc ngoại thành đoàn thực*** *đó ra sao?* Cơm, bánh tươi, bánh khô, cá, thịt, sữa tươi, sữa chua, bơ trong, bơ cục, mỡ, dầu, mật ong, nước mía; hay là những sắc nào khác chung có đặng để vào miệng nhai, nuốt cho no bụng mỗi chúng sanh, hoặc từ người dân dã, dù chất bổ như thế nào mà để nuôi mạng sống cho tất cả chúng sanh. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành đoàn thực *(kabaḷiṅkārāhāra).*
- ***Sắc ngoại phi đoàn thực*** *đó ra sao?* Sắc xứ… sắc vô thường. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại phi đoàn thực.

*Tam yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.*

*Dứt tam đề xiển minh.*

**5) Tứ đề xiển minh.**

**634.**

- ***Sắc y sinh thành (sắc) thủ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Hay là những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới,

sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc y sinh thành (sắc) thủ.

- ***Sắc y sinh phi sắc thủ*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường. Hay là những sắc nào khác chung có tức là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc y sinh phi sắc thủ.
- ***Sắc bất y sinh thành sắc thủ*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh thành sắc thủ.
- ***Sắc bất y sinh phi sắc thủ*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh phi sắc thủ.

**635.**

- ***Sắc y sinh thành thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Hay là những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc y sinh thành thủ cảnh thủ.
- ***Sắc y sinh phi thủ mà cảnh thủ*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hoặc sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc y sinh phi thủ mà cảnh thủ.
- ***Sắc bất y sinh thành thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh thành thủ cảnh thủ.
- ***Sắc bất y sinh phi thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh phi thủ cảnh thủ.

**636.**

- ***Sắc y sinh thành đối chiếu*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc y sinh thành đối chiếu *(sappaṭigha).*
- ***Sắc y sinh vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc y sinh vô đối chiếu.
- ***Sắc bất y sinh mà đối chiếu*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Sắc này gọi là sắc bất y sinh mà đối chiếu.
- ***Sắc bất y sinh vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Thủy giới. Sắc này gọi là sắc bất y sinh vô đối chiếu.

**637.**

- ***Sắc y sinh thô*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc y sinh thô.
- ***Sắc y sinh tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc y sinh tế *(rūpa upādā sukhuma).*
- ***Sắc bất y sinh thô*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh thô.
- ***Sắc bất y sinh tế*** *đó ra sao?* Thủy giới. Sắc này gọi là sắc bất y sinh tế.

**638.**

- ***Sắc y sinh viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc y sinh viễn *(rūpa upādā dūre).*
- ***Sắc y sinh cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc y sinh cận *(rūpa upādā santike).*
- ***Sắc bất y sinh viễn*** *đó ra sao?* Thủy giới. Sắc này gọi là sắc bất y sinh viễn.
- ***Sắc bất y sinh cận*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh cận.

**639.**

- ***Sắc thủ hữu kiến*** *đó ra sao?* Sắc xứ do nghiệp tạo. Sắc này gọi là sắc thủ hữu kiến *(rūpa upādinna sanidassana).*
- ***Sắc thủ bất kiến*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Hay là những sắc nào khác chung có như là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ bất kiến *(rūpa upādinna anidassana).*
- ***Sắc phi thủ hữu kiến*** *đó ra sao?* Sắc xứ mà phi nghiệp tạo. Sắc này gọi là sắc phi thủ hữu kiến.
- ***Sắc phi thủ và bất kiến*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường; hay những sắc nào khác chung có như là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ và bất kiến.

**640.**

- ***Sắc thủ hữu đối chiếu*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Hay là những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ hữu đối chiếu *(rūpa upādinna sappaṭigha).*
- ***Sắc thủ vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay là những sắc nào khác đồng có như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ vô đối chiếu.
- ***Sắc phi thủ hữu đối chiếu*** *đó ra sao?* Thinh xứ, hay những sắc nào khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ hữu đối chiếu.
- ***Sắc phi thủ vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay là cũng có những sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ vô đối chiếu.

**641.**

- ***Sắc thủ thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc thủ thành đại sung *(rūpa upādinna mahābhūta).*

- ***Sắc thủ phi đại sung*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có những sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc thủ phi đại sung.
- ***Sắc phi thủ thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới đều phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ thành đại sung.
- ***Sắc phi thủ và phi đại sung*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ và phi đại sung.

**642.**

- ***Sắc thủ thô*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ thô.
- ***Sắc thủ tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ tế.
- ***Sắc phi thủ thô*** *đó ra sao?* Thinh xứ, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ thô.
- ***Sắc phi thủ tế*** *đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ tế.

**643.**

- ***Sắc thủ viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ viễn.
- ***Sắc thủ cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, hay cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc cận *(rūpa anupādinna dūre).*
- ***Sắc phi thủ cận*** *đó ra sao?* Thinh xứ, hay là những sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cận *(rūpa anupādinna santike).*

**644.**

- ***Sắc thủ cảnh thủ và thấy đặng*** *đó ra sao?* Sắc xứ do nghiệp tạo. Sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ và thấy đặng.
- ***Sắc thủ cảnh thủ mà bất kiến*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay là những sắc chi khác tức là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ mà bất kiến.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ mà hữu kiến*** *đó ra sao?* Sắc xứ mà phi nghiệp tạo. Sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ mà hữu kiến.

- ***Sắc phi thủ cảnh thủ và bất kiến** đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay cũng có sắc chi khác như là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ cảnh thủ và bất kiến.

**645.**

- ***Sắc thủ cảnh thủ hữu đối chiếu** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, hay cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ hữu đối chiếu.
- ***Sắc thủ cảnh thủ vô đối chiếu** đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ vô đối chiếu.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ hữu đối chiếu** đó ra sao?* Thinh xứ, hay cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ hữu đối chiếu.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ vô đối chiếu** đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ vô đối chiếu.

**646.**

- ***Sắc thủ cảnh thủ thành đại sung** đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ thành đại sung.
- ***Sắc thủ cảnh thủ phi đại sung** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ phi đại sung.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ thành đại sung** đó ra sao?* Xúc xứ và thủy chất mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ thành đại sung.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ phi đại sung** đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, hay cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc tiến và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ phi đại sung.

**647.**

- ***Sắc thủ cảnh thủ thô** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, cũng có sắc chi khác nữa như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ thô.
- ***Sắc thủ cảnh thủ tế** đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ tế.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ thô** đó ra sao?* Thinh xứ, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ thô.

- ***Sắc phi thủ cảnh thủ tế*** *đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ tế.

**648.**

- ***Sắc thủ cảnh thủ viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ viễn.
- ***Sắc thủ cảnh thủ cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ cận.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ viễn*** *đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ viễn.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ cận*** *đó ra sao?* Thinh xứ, cũng có sắc chi khác nữa như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ cận.

**649.**

- ***Sắc hữu đối chiếu thành quyền*** *đó ra sao?* Nhãn quyền… thân quyền. Những sắc này gọi là sắc hữu đối chiếu thành quyền.
- ***Sắc hữu đối chiếu phi quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ... xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc hữu đối chiếu phi quyền.
- ***Sắc vô đối chiếu thành quyền*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Những sắc này gọi là sắc vô đối chiếu thành quyền.
- ***Sắc vô đối chiếu và phi quyền*** *đó ra sao?* Thân biểu tri… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc vô đối chiếu và phi quyền.

**650.**

- ***Sắc hữu đối chiếu thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc hữu đối chiếu thành đại sung *(mahābhūta).*
- ***Sắc hữu đối chiếu phi đại sung*** *đó ra sao?* Nhãn xứ... Vị xứ. Những sắc này gọi là sắc hữu đối chiếu phi đại sung.
- ***Sắc vô đối chiếu thành đại sung*** *đó ra sao?* Thủy chất. Sắc này gọi là sắc vô đối chiếu thành đại sung.
- ***Sắc vô đối chiếu và phi đại sung*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc vô đối chiếu và phi đại sung.

**651.**

- ***Sắc quyền thô*** *đó ra sao?* Nhãn quyền… thân quyền. Những sắc này gọi là sắc quyền thô.
- ***Sắc quyền tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Những sắc này gọi là sắc quyền tế.

- ***Sắc phi quyền thô** đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc phi quyền thô.
- ***Sắc phi quyền tế** đó ra sao?* Thân biểu tri và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi quyền tế.

**652.**

- ***Sắc quyền viễn** đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền và mạng quyền. Những sắc này gọi là sắc quyền viễn.
- ***Sắc quyền cận** đó ra sao?* Nhãn quyền… thân quyền. Những sắc này gọi là sắc quyền cận.
- ***Sắc phi quyền viễn** đó ra sao?* Thân biểu tri… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi quyền viễn.
- ***Sắc phi quyền cận** đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc phi quyền cận.

**653.**

- ***Sắc đại sung thô** đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc đại sung thô.
- ***Sắc đại sung tế** đó ra sao?* Thủy chất. Sắc này gọi là sắc đại sung tế.
- ***Sắc phi đại sung thô** đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc phi đại sung thô.
- ***Sắc phi đại sung tế** đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi đại sung tế.

**654.**

- ***Sắc đại sung viễn** đó ra sao?* Thủy chất. Sắc này gọi là sắc đại sung viễn.
- ***Sắc đại sung cận** đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc đại sung cận.
- ***Sắc phi đại sung viễn** đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi đại sung viễn.
- ***Sắc phi đại sung cận** đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc phi đại sung cận.

**655.**

Sắc thấy đặng tức là sắc xứ. Sắc nghe đặng tức là thinh xứ. Sắc biết đặng tức là khí xứ, vị xứ và xúc xứ. Sắc biết rõ đặng bằng tâm tức là tất cả sắc pháp.

Tứ yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt tứ đề xiển minh.*

**6) Ngũ đề xiển minh.**

**656.**

- ***Sắc gọi là địa chất*** *đó ra sao?* Sắc nào mà cứng sượng, sự cứng, cách cứng, vật cứng, trạng thái cứng, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thành thủ, hoặc thành phi thủ. Những sắc này gọi là địa chất *(pathavīdhātu).*
- ***Sắc gọi là thủy chất*** *đó ra sao?* Sắc nào có chơn tướng chảy ra, quến lại, hay sự nhỉ, ướt, tươm của sắc hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thành thủ, hoặc thành phi thủ, dù thế nào những sắc này đều gọi là thủy chất *(āpodhātu).*
- ***Sắc mà gọi là hỏa chất*** *đó ra sao?* Sự nóng, cách nóng, sự ấm, cách ấm, sự nực, cách nực, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thành thủ, hoặc thành phi thủ, dù thế nào những sắc này đều gọi là hỏa chất *(tejodhātu).*
- ***Sắc mà gọi là phong chất*** *đó ra sao?* Gió nào của sắc lay động qua lại, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thành thủ, hoặc thành phi thủ, dù thế nào những sắc này đều gọi là phong chất *(vāyodhātu).*
- ***Sắc mà gọi là y sinh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc y sinh *(rūpa upādā).*

Ngũ yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt ngũ đề xiển minh.*

**7) Lục đề xiển minh.**

**657.**

Sắc mà nhãn thức có thể biết tức là sắc xứ. Sắc mà nhĩ thức có thể biết tức là thinh xứ. Sắc mà tỷ thức có thể biết tức là khí xứ. Sắc mà thiệt thức có thể biết tức là vị xứ. Sắc mà thân thức có thể biết tức là xúc xứ. Sắc mà ý thức có thể biết tức là tất cả sắc pháp.

Lục yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt lục đề xiển minh.*

**8) Thất đề xiển minh.**

**658.**

Sắc mà nhãn thức nên biết tức là sắc xứ. Sắc mà nhĩ thức nên biết tức là thinh xứ. Sắc mà tỷ thức nên biết tức là khí xứ. Sắc mà thiệt thức nên biết tức là vị xứ. Sắc mà thân thức nên biết tức là xúc xứ. Sắc mà ý giới nên biết tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ. Sắc mà ý thức giới nên biết tức là tất cả sắc pháp.

Thất yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt thất đề xiển minh.*

**9) Bát đề xiển minh.**

**659.**

Sắc mà nhãn thức đáng biết tức là sắc xứ. Sắc mà nhĩ thức đáng biết tức là thinh xứ. Sắc mà tỷ thức đáng biết tức là khí xứ. Sắc mà thiệt thức đáng biết tức là vị xứ. Sắc mà thân thức đáng biết bằng cách đụng sướng tức là xúc thích hợp (tâm), có thể biết bằng cách đụng khổ tức là xúc không thích hợp (tâm). Sắc mà ý giới có thể biết tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ. Sắc mà ý thức giới có thể biết tức là tất cả sắc pháp.

Bát yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt bát đề xiển minh.*

**10) Cửu đề xiển minh.**

**660.**

- ***Sắc mà gọi là nhãn quyền** đó ra sao?* Sắc nào là thanh triệt nương sắc tứ đại sung… đây hoặc gọi là nhãn… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhãn quyền.
- ***Sắc mà gọi là nhĩ quyền**… **gọi là tỷ quyền**… **gọi là thiệt quyền**… **gọi là thân quyền**… **gọi là nữ quyền**… **gọi là nam quyền**… **gọi là mạng quyền** đó ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng, cai quản đặng sống còn của sắc pháp, dù như thế nào những sắc này đều gọi là sắc mạng quyền.
- ***Sắc phi mạng quyền** đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi mạng quyền.

Cửu yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt cửu đề xiển minh.*

**11) Thập đề xiển minh.**

**661.**

- ***Sắc mà gọi là nhãn quyền** đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… đây cũng gọi là nhãn… cũng gọi là nhà không. Những sắc này đều gọi là nhãn quyền.
- ***Sắc mà gọi là nhĩ quyền**… **gọi là tỷ quyền**… **gọi là thiệt quyền**… **gọi là thân quyền**… **gọi là nữ quyền**… **gọi là nam quyền**… **gọi là mạng quyền** đó ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng, sự cai quản đặng sống còn của sắc pháp, dù như thế nào những sắc này đều gọi là sắc mạng quyền.
- ***Sắc phi quyền mà hữu đối chiếu** đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này đều gọi là sắc phi quyền mà hữu đối chiếu.
- ***Sắc phi quyền mà vô đối chiếu** đó ra sao?* Thân biểu tri… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc phi quyền vô đối chiếu.

Thập yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt thập đề xiển minh.*

**12) Thập nhứt đề xiển minh.**

**662.**

- ***Sắc mà gọi là nhãn xứ*** *đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… Đây cũng gọi là nhãn… cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhãn xứ.
- ***Sắc mà gọi là nhĩ xứ**... **gọi là tỷ xứ**... **gọi là thiệt xứ**... **gọi là thân xứ**... **gọi là sắc xứ**... **gọi là thinh xứ**... **gọi là khí xứ**... **gọi là vị xứ**... **gọi là xúc xứ** đó ra sao?* Địa chất… cũng gọi là xúc, cũng gọi là xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.
- ***Sắc bất kiến vô đối chiếu mà liên hệ trong pháp xứ*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc bất kiến vô đối chiếu mà liên hệ trong pháp xứ.

Thập nhứt yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

*Dứt thập nhứt đề xiển minh.*

*Dứt nhân sắc.*

*Hết đoạn 8.000 chữ phần thứ tám.*

---

*Hồi hướng phước đến tất cả chúng sanh, nhứt là các vị Chư thiên có oai lực hộ trì Tạng Diệu pháp đặng thạnh hành.*

*Sài Gòn 06 - 06 - 1975 (27 - 04 - 2518) Việt nam.*

## Phần D. THIÊN TOÁT YẾU

## I. TOÁT YẾU ĐẦU ĐỀ TAM *(Tikamātikā)*

**663.**

- *Chư pháp* ***thiện*** *là chi?* Ba căn thiện là vô tham, vô sân và vô si; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với căn thiện; thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có căn thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thiện.
- *Chư pháp* ***bất thiện*** *là chi?* Ba căn bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng nương căn bất thiện; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với căn bất thiện; thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có căn bất thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất thiện.
- *Chư pháp* ***vô ký*** *là chi?* Dị thục quả của pháp bất thiện và thiện nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn; pháp thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, tất cả sắc pháp luôn vô vi giới *(asaṅkhatadhātu).*

**664.**

- *Chư pháp* ***tương ưng lạc thọ*** *là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với lạc thọ, Tâm dục giới, sắc giới và siêu thế làm sở sanh của lạc thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lạc thọ.
- *Chư pháp* ***tương ưng khổ thọ*** *là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với khổ thọ, tâm Dục giới làm sở sanh cho khổ thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng khổ thọ.
- *Chư pháp* ***tương ưng phi khổ phi lạc thọ*** *là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với phi khổ phi lạc thọ, tâm Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế làm sở sanh cho phi khổ phi lạc thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ.

**665.**

- *Chư pháp* ***dị thục quả*** *là chi?* Dị thục quả của bất thiện và thiện Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn thuộc về pháp dị thục quả. Những chơn tướng này gọi là chư pháp dị thục quả.
- *Chư pháp* ***dị thục nhân*** *là chi?* Pháp bất thiện và pháp thiện Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp dị thục nhân.
- *Chư pháp* ***phi dị thục quả phi dị thục nhân*** *là chi?* Pháp thành tố phi thiện phi bất thiện và phi nghiệp quả của tất cả sắc pháp luôn vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân.

**666.**

- *Chư pháp* ***thành do thủ và cảnh thủ*** *là chi?* Dị thục quả của thiện và bất thiện do phần pháp lậu sanh theo Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành

uẩn, thức uẩn và sắc nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thành do thủ và cảnh thủ.

- *Chư pháp* **phi thành do thủ mà cảnh thủ** *là chi?* Pháp thiện và bất thiện còn bị lậu biết sanh theo Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; pháp thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện, phi nghiệp quả và sắc phi nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ.
- *Chư pháp* **phi thành do thủ và phi cảnh thủ** *là chi?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thành do thủ và phi cảnh thủ.

**667.**

- *Chư pháp* **phiền toái và cảnh phiền não** *là chi?* Ba căn bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng y trụ với căn bất thiện; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn mà tương ưng với căn bất thiện; thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có căn bất thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái và cảnh phiền não.
- *Chư pháp* **phi phiền toái mà cảnh phiền não** *là chi?* Pháp thiện và pháp vô ký còn lệ thuộc lậu trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái mà cảnh phiền não.
- *Chư pháp* **phi phiền toái và phi cảnh phiền não** *là chi?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái và phi cảnh phiền não.

**668.**

- *Chư pháp* **hữu tầm hữu tứ** *là chi?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với tầm, tứ (trừ tầm, tứ). Tâm dục giới, sắc giới và siêu thế còn nương pháp hữu tầm hữu tứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tầm hữu tứ.
- *Chư pháp* **vô tầm hữu tứ** *là chi?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn trong cõi vô tầm hữu tứ tức là Sắc giới và siêu thế (trừ tứ). Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm hữu tứ.
- *Chư pháp* **vô tầm vô tứ** *là chi?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn trong cõi vô tầm vô tứ tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm vô tứ.

**669.**

- *Chư pháp* **đồng sanh với (pháp) hỷ** *là chi?* Sở sanh của pháp hỷ là Tâm dục giới, sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với pháp hỷ (trừ pháp hỷ). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với pháp hỷ.
- *Chư pháp* **đồng sanh với lạc thọ** *là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với lạc thọ, tâm Dục giới, Sắc giới và siêu thế làm sở sanh của lạc thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với lạc thọ.
- *Chư pháp* **đồng sanh với xả thọ** *là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với xả thọ, tâm Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế làm sở sanh cho xả thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với xả thọ.

**670.**

*Chư pháp* **sơ đạo tuyệt trừ** *là chi?* Tam triền tức là thân kiến (triền), hoài nghi (triền) và giới cấm thủ (triền).

**671.**

*Trong tam triền đó mà* **thân kiến triền** *là chi?* Phàm phu trong đời này kẻ thiếu học không đặng gặp bậc Thánh, không thông pháp của bậc Thánh, không tập rèn theo pháp của bậc Thánh, không gặp trí thức, chẳng thông pháp của trí thức, chẳng tập rèn theo pháp của trí thức như:

- Nhận thấy sắc uẩn là ta, nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong sắc uẩn.
- Nhận thấy thọ uẩn là ta, nhận thấy ta có thọ uẩn, nhận thấy thọ uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong thọ uẩn.
- Nhận thấy tưởng uẩn là ta, nhận thấy ta có tưởng uẩn, nhận thấy tưởng uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong tưởng uẩn.
- Nhận thấy hành uẩn là ta, nhận thấy ta có hành uẩn, nhận thấy hành uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong hành uẩn.
- Nhận thấy thức uẩn là ta, nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong thức uẩn.

Nhận thấy thức uẩn là ta tức là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hoá kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn và cách chấp theo khinh thị. Những chơn tướng này gọi là thân kiến triền có trong khi đó.

**672.**

***Hoài nghi (triền)*** *trong khi có ra sao?* Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng; hoài nghi điều học, hoài nghi quá khứ, hoài nghi vị lai, hoài nghi quá khứ và vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh *(paṭiccamuppāda)* là pháp y tương sinh có phải do duyên trợ tạo mới sanh ra chăng? Cách lừng chừng, động tác lừng chừng, sự lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không thể quyết một, sự tính lớ thớ, suy xét lừng chừng, sự không thể trọn tính, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những chơn tướng như thế gọi là hoài nghi (triền).

**673.**

***Giới cấm thủ (triền)*** *trong khi có ra sao?* Chúng ngoại giáo Sa-môn, Bà-la-môn nhận thấy sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới mà có sự nhận thấy bằng cách thiên kiến như là:

- Nhận thấy sắc uẩn là ta, nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong sắc uẩn.
- Nhận thấy thọ uẩn là ta, nhận thấy ta có thọ uẩn, nhận thấy thọ uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong thọ uẩn.
- Nhận thấy tưởng uẩn là ta, nhận thấy ta có tưởng uẩn, nhận thấy tưởng uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong tưởng uẩn.
- Nhận thấy hành uẩn là ta, nhận thấy ta có hành uẩn, nhận thấy hành uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong hành uẩn.
- Nhận thấy thức uẩn là ta, nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong thức uẩn.

Những chơn tướng này gọi là giới cấm thủ (triền).

**674.**

- *Chư pháp **sơ đạo tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Tam triền này và phiền não đồng nương với tam triền đó tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tam triền đó, luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tam triền này làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.
- *Chư pháp **ba đạo cao tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Tham, sân, si ngoài ra và phiền não đồng nương với tham, sân, si đó tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ.
- *Chư pháp **phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Pháp thiện và pháp vô ký trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.

**675.**

- *Chư pháp **hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Tam triền tức là thân kiến (triền), hoài nghi (triền) và giới cấm thủ (triền).

  Cả tam triền đó mà ***thân kiến (triền)*** trong khi có ra sao?… đây gọi là thân kiến (triền).

  ***Hoài nghi (triền)*** trong khi có ra sao?… đây gọi là hoài nghi (triền).

  ***Giới cấm thủ (triền)*** trong khi có ra sao?… đây gọi là giới cấm thủ (triền).

  Cả tam triền và phiền não đồng nương tam triền đó, thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tam triền luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tam triền làm sở sanh. Những chơn tướng đó gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

  Tam triền tức là thân kiến (triền), hoài nghi (triền), giới cấm thủ (triền). Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.

  Tham, sân và si đồng nương với tam triền đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

  Phiền não đồng nương với tham, sân, si ấy tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si đó luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.
- *Chư pháp **hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?* Tham, sân, si ngoài ra. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ. phiền não đồng nương với tham, sân, si và thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.
- *Chư pháp **phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?* Trừ ra pháp tuyệt trừ, còn pháp thiện, bất thiện và vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.

**676.**

- *Chư pháp* ***nhân sanh tử*** *trong khi có ra sao?* Pháp bất thiện và pháp thiện còn nương pháp lậu trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân sanh tử.
- *Chư pháp* ***nhân đến níp-bàn*** *trong khi có ra sao?* Bốn đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân đến níp-bàn.
- *Chư pháp* ***phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn*** *trong khi có ra sao?* Dị Thục quả của bất thiện và thiện nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, pháp thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn.

**677.**

- *Chư pháp* ***hữu học*** *trong khi có ra sao?* Bốn đạo và ba quả siêu thế tầm thường. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu học *(sekkhā dhammā).*
- *Chư pháp* ***vô học*** *trong khi có ra sao?* Vô học quả cao tột tức là quả A-la-hán. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô học *(asekkhā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi hữu học và phi vô học*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp hữu học, pháp vô học, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu học và phi vô học.

**678.**

- *Chư pháp* ***hy thiểu*** *trong khi có ra sao?* Tất cả pháp trong Dục giới như là thiện, bất thiện và vô ký, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hy thiểu *(parittā dhammā).*
- *Chư pháp* ***đáo đại*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện và vô ký trong Sắc giới, Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đáo đại.
- *Chư pháp* ***vô lượng*** *trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô lượng *(appamāṇā dhammā).*

**679.**

- *Chư pháp* ***biết cảnh hy thiểu*** *trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào sanh ra khai đoan cho pháp hy thiểu. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hy thiểu *(parittā dhammā).*
- *Chư pháp* ***biết cảnh đáo đại*** *trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào mở mối cho pháp đáo đại. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh đáo đại.
- *Chư pháp* ***biết cảnh vô lượng*** *trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào khai đoan pháp vô lượng. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh vô lượng.

**680.**

- *Chư pháp* ***ty hạ*** *trong khi có ra sao?* Ba nhân bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng sở y với tham, sân, si đó tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si, luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ty hạ *(hīnā dhammā).*

- *Chư pháp* ***trung*** *trong khi có ra sao?* Thiện và vô ký còn liên hệ với pháp lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp trung *(majjhimā dhammā).*

- *Chư pháp* ***tinh lương*** *trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tinh lương *(paṇitā dhammā).*

**681.**

- *Chư pháp* ***tà cho quả nhứt định*** *(đời sau liên tiếp) ra sao?* Ngũ nghiệp vô gián và tà kiến nhứt định. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tà cho quả nhứt định (đời sau liên tiếp).

- *Chư pháp* ***chánh cho quả nhứt định*** *(liên tiếp sát-na) ra sao?* Bốn đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp chánh cho quả nhứt định (liên tiếp sát-na).

- *Chư pháp* ***bất định*** *(ngoài ra hai phần trên) ra sao?* Trừ ra những pháp trên rồi, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra thuộc về Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất định (ngoài ra 2 phần trên) *(aniyatā dhammā).*

**682.**

- *Chư pháp* ***có đạo là cảnh*** *trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào sanh ra khai đoan cho Thánh đạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là cảnh.

- *Chư pháp* ***có đạo là nhân*** *trong khi có ra sao?*

  Trừ chi của đạo rồi, còn thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với chi đạo tập hợp với Thánh quả. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là nhân *(maggahetukā dhammā).*

  Chánh kiến của bậc tập hợp với Thánh đạo cũng gọi là đạo, cũng là nhân, (cho nên) trừ chánh kiến còn lại thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với chánh kiến đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là nhân *(maggahe dhammā).*

- *Chư pháp* ***có đạo là trưởng*** *trong khi có ra sao?*

  Những pháp tức là tâm và sở hữu nào làm cho Thánh đạo thành trưởng sanh ra đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là trưởng *(maggādhipatino dhammā).*

  Thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với thẩm trưởng của bậc đã tập hợp Thánh đạo và đang tu tiến đạo (trừ thẩm). Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là trưởng.

**683.**

- *Chư pháp* ***sanh tồn*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào sanh rồi, thành rồi, sanh đều đủ rồi, sanh ra rồi, đã sanh rồi, đã hiện hành, vĩ đáo, toàn đáo, đã trụ đều trong phần sanh rồi, yếu hiệp lại là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sanh tồn *(uppannā dhammā).*

- *Chư pháp* ***chưa sanh*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào chưa sanh, chưa thành, chưa sanh đều đủ, chưa sanh ra, chưa hiện hành, chưa khởi sanh, chưa vĩ đáo, chưa toàn đáo, chưa trụ đều trong phần sanh, yếu hiệp lại là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp chưa sanh *(anuppannā dhammā).*

- *Chư pháp **sẽ sanh** (vì có nhân sẵn) trong khi có ra sao?* Dị thục quả của pháp thiện và bất thiện mà chưa cho quả nương cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sẽ sanh (vì có nhân sẵn) *(uppādino dhammā).*

**684.**

- *Chư pháp **quá khứ** trong khi có ra sao?* Những pháp nào đã qua, đã diệt, đã lìa, đã biến mất, đã biến đổi mất đi rồi, đã đến sự tiêu diệt, đã sanh lìa rồi và đi luống qua, thuộc về phần đã qua tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp quá khứ *(atītā dhammā).*

- *Chư pháp **vị lai** trong khi có ra sao?* Những pháp nào chưa sanh, chưa thành tựu, chưa sanh đều đủ, chưa đặng sanh ra, chưa sanh đơn độc, chưa đặng hiện hành, chưa đặng phát ra, chưa sanh ra đều đủ, chưa phải còn đều đủ, chưa lai đáo, yếu hiệp lại thành phần chưa lai đáo như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vị lai.

- *Chư pháp **hiện tại** trong khi có ra sao?* Những pháp nào đang sanh, đang thành, đang đều đủ, đang đặng sanh, đơn độc sanh, đang hiện hành, đang phát ra, đang phát ra đều đủ, đang trụ đều đủ, đang trụ một mình, yếu hiệp chỉ phần hiện tại tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiện tại.

**685.**

- *Chư pháp **biết cảnh quá khứ** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào phát sanh ra do pháp quá khứ khai đoan. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh quá khứ.

- *Chư pháp **biết cảnh vị lai** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào phát sanh ra do pháp vị lai khai đoan. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh vị lai *(anāgatārammaṇā dhammā).*

- *Chư pháp **biết cảnh hiện tại** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào phát sanh ra do pháp hiện tại khai đoan. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇā dhammā).*

**686.**

- *Chư pháp **nội phần** trong khi có ra sao?* Những pháp nào thành bên trong, thành phần ta, sanh cho ta, thành của riêng mỗi người, thành pháp thủ của mỗi mỗi chúng sanh, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nội phần *(ajjhattā dhammā).*

- *Chư pháp **ngoại phần** trong khi có ra sao?* Những pháp nào thành phần ngoài, thành riêng tư người khác, sanh cho tự người khác, thành của riêng mỗi người khác, thành pháp thủ của người khác, chúng sanh khác, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ngoại phần *(bahiddhā dhammā).*

- *Chư pháp **nội và ngoại phần** trong khi có ra sao?* Những pháp của hai phần kể trên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nội và ngoại phần *(ajjhattabahiddhā dhammā).*

**687.**

*Chư pháp **biết cảnh nội phần** trong khi có ra sao?*

Những pháp tức là tâm, sở hữu nào khi phát sanh ra mà biết pháp nội phần. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh nội phần *(ajjhattārammaṇā dhammā)*
Những pháp tức là tâm, sở hữu nào khi phát sanh ra mà biết pháp ngoại phần. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh ngoại phần *(bahiddhārammaṇā dhammā)*
Những pháp tức là tâm, sở hữu nào khi phát sanh ra mà biết cả pháp nội và ngoại phần. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh nội và ngoại phần *(ajjhattabahiddhārammaṇā dhammā)*

**688.**

- *Chư pháp* ***bị thấy và đối chiếu*** *ra sao?* Sắc xứ *(rūpāyatana),* chơn tướng này gọi là chư pháp bị thấy và đối chiếu *(sanidassanasappaṭighā dhammā).*
- *Chư pháp* ***không bị thấy mà đối chiếu*** *ra sao?* Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không bị thấy mà đối chiếu *(anidassanasappaṭighā dhammā).*
- *Chư pháp* ***không bị thấy và không đối chiếu*** *ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn luôn cả sắc pháp thuộc pháp xứ không bị thấy, không đối chiếu và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không bị thấy và không đối chiếu *(anidassanāppaṭighā dhammā).*

*Dứt Đầu đề tam (tikamātikā).*

## II. TOÁT YẾU ĐẦU ĐỀ NHỊ *(Dukamātikā)*

**1) Phần chùm nhân (*hetugocchaka*).**

**689.**

*Chư pháp* **nhân** *trong khi có ra sao?* 3 nhân thiện, 3 nhân bất thiện, 3 nhân vô ký, 9 nhân Dục giới, 6 nhân Sắc giới, 6 nhân Vô sắc giới và 6 nhân siêu thế.

**690.**

*Bao nhiêu nhân đó mà **3 nhân thiện** là chi?* Vô tham, vô sân và vô si.

- *Trong 3 nhân thiện đó mà* **vô tham** *là chi?* Cách không tham, sự không tham, thái độ không tham, sự không nặng ái tình, cách không nặng ái tình, thái độ không nặng ái tình, không tham ác; vô tham tức là căn thiện. Những chơn tướng này gọi là vô tham *(alobha).*

- ***Vô sân*** *trong khi có ra sao?* Không tính độc ác, thái độ không tính độc ác, cách không tính độc ác, thái độ không tính độc ác, cách có bạn tốt, cách thân mật, sự thân mật, cách ái hộ, sự ái hộ, thái độ ái hộ, tìm lợi ích liên quan, sự biết thương hại, không sân độc, không tính ép bức, vô sân tức là căn thiện. Những cách như thế gọi là vô sân.

- ***Vô si*** *trong khi có ra sao?* Sự biết trong khổ, sự biết trong khổ tập, sự biết trong khổ diệt, sự biết thực hành đi đến diệt khổ, sự biết trong phần quá khứ, sự biết trong phần vị lai, sự biết trong phần quá khứ vị lai, sự biết pháp y tương sinh do duyên trợ tạo mới sanh ra. Tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tính, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, tuệ trừ tuyệt phiền não, tuệ quyền, tuệ lực, vô si, trạch pháp, chánh kiến. Những cách như thế gọi là vô si *(amoha).*

Những chơn tướng này gọi là 3 nhân thiện.

**691.**

*Ba **căn bất thiện** là chi?* Tham, sân, si.

- *Trong 3 nhân bất thiện đó mà* **tham** *như thế nào?*

Sự dục vọng, đa dục vọng, biến chuyển theo cảnh, sự vui thích, sự hí hởn, sự dục vọng bằng mãnh lực hí hởn, sự dục vọng nặng của tâm, sự ham muốn, sự quy lụy, sự mê đắm, sự thân ái, sự tình ái, sự liên hệ gắn bó, sự trầm nịch, vẫn lôi kéo, vẫn gạt gẫm, còn làm cho chúng sanh liên kết, lối thiên nhiên, vẫn thấm tâm, hằng tươm ra, pháp như sợi chỉ, vẫn tỏa ra, vẫn gom lại, vẫn như bạn lưỡng diện, chính nguồn cội tâm, vẫn đưa đến cõi đời, sự dục vọng như sum lâm, sự dục vọng như mật lâm, sự liên hệ, sự lưu luyến, quái niệm, sự ràng buộc, sự mong mỏi, thái độ mong mỏi.

Mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi, mong mỏi của, mong mỏi con, mong mỏi trường thọ, khao khát, quá khao khát, rất quá khao khát, sự tế ngữ, cách tế ngữ, thái độ tế ngữ, sự tham lam, cách tham lam, thái độ tham lam, thành nhân mê mẩn theo những cảnh tốt, sự địa vị trong địa vị không thích hợp, sự tham quá cỡ, sự nhiễm đắm tâm, thái độ nhiễm đắm tâm, sự hỷ lạc của tâm, sự quá mong mỏi dục vọng, hữu dục, ly hữu dục, Sắc giới dục, Vô sắc giới dục, diệt dục (đoạn kiến), sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục, pháp dục,

bộc, phối, phược, thủ, luyến mộ, cái, mái che ngăn, mây ràng buộc, tùy phiền não, tiềm thùy, che đậy, dục như dây mây, sự mong mỏi các vật chất, cội rễ của khổ, nhân của khổ, sở sanh của khổ, bẫy của ma, lưỡi câu của ma, sở sanh của ma, tình dục như sông cái, tình dục như chài lưới, tình dục như ràng buộc, tình dục như biển cả, tham lam, tham ác, tham là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là tham.

- ***Sân*** *trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán hận, sự giận hờn, sự xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này, những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Nếu có những trạng thái như thế đây gọi là sân.

- ***Si*** *trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê cũng gọi vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh tiềm thùy, vô minh che khuất, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là si.

Những chơn tướng này gọi là 3 nhân bất thiện.

**692.**

*Ba **nhân vô ký** là chi?* Vô tham, vô sân và vô si thuộc phía dị thục quả của pháp thiện; hay là vô tham, vô sân và vô si trong pháp vô ký tố *(kiriyā)*. Những chơn tướng này gọi là 3 nhân vô ký.

**693.**

- ***9 nhân Dục giới*** *là chi?* 3 nhân thiện, 3 nhân bất thiện và 3 nhân vô ký. Những chơn tướng này gọi là 9 nhân Dục giới.
- ***6 nhân Sắc giới*** *là chi?* 3 nhân thiện và 3 nhân vô ký. Những chơn tướng này gọi là 6 nhân Sắc giới.

- ***6 nhân Vô sắc giới** là chi?* 3 nhân thiện và 3 nhân vô ký. Những chơn tướng này gọi là 6 nhân Vô sắc giới.

**694.**

- ***6 nhân siêu thế** là chi?* 3 nhân thiện và 3 nhân vô ký. Những chơn tướng này gọi là 6 nhân siêu thế.

  *Trong **6 nhân siêu thế mà 3 nhân thiện** ra sao?* Vô tham, vô sân và vô si.

    *Trong 3 nhân thiện đó mà **vô tham** ra sao?* Cách không tham, sự không tham, thái độ không tham, cách không dục vọng, sự không dục vọng, thái độ không dục vọng, không tham ác; vô tham tức là căn thiện. Đây gọi là vô tham.
    ***Vô sân** trong khi có ra sao?* Cách không tính ác độc, sự không tính ác độc, thái độ không tính ác độc… sự không sân ác, không tính hiếp đáp, vô sân tức là căn thiện. Đây gọi là vô sân.

    ***Vô si** trong khi có ra sao?* Sự biết trong khổ, sự biết trong khổ tập, sự biết trong khổ diệt, sự biết thực hành đi đến diệt khổ, sự biết trong phần quá khứ, sự biết trong phần vị lai, sự biết trong phần quá khứ và vị lai, sự biết trong pháp y tương sinh là do duyên trợ tạo mới sanh ra. Vô si là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tính, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, vô si như ngọc, vô si như đèn, vô si như ánh sáng, vô si như gươm, vô si như vũ khí, vô si như đại địa, vô si như hoàng cung, vô si như kẻ dẫn đường, vô si trừ tuyệt phiền não, vô si là tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp, chánh kiến. Đây gọi là vô si.

    Những chơn tướng này gọi là 3 nhân thiện.

- ***Ba nhân vô ký** là chi?* Vô tham, vô sân và vô si trong phần dị thục quả của pháp thiện. Những chơn tướng này gọi là 3 nhân vô ký.

    Những chơn tướng này gọi là 6 nhân siêu thế.

    Những chơn tướng này gọi là pháp nhân.

**695.**

*Chư pháp **phi nhân** ra sao?* Trừ những pháp nhân ra rồi còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân.

**696.**

- *Chư pháp **hữu nhân** ra sao?* Những pháp nào có nhân như pháp nhân đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân.

- *Chư pháp **vô nhân** ra sao?* Những pháp nào không có nhân như nhân đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô nhân.

**697.**

- *Chư pháp* ***tương ưng nhân*** *ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp nhân đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng nhân.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng nhân*** *ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với nhân đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng nhân.

**698.**

- *Chư pháp* ***nhân và hữu nhân*** *ra sao?*

  Nhân tham có nhân si và nhân si cũng có nhân tham. Nhân sân có nhân si và nhân si cũng có nhân sân (si hiệp tâm si không gặp nhân khác).

  Vô tham, vô sân và vô si, cả 3 nhân cũng tương ưng nhau.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân và hữu nhân.
- *Chư pháp* ***nhân mà phi nhân*** *ra sao?* Những pháp nào có nhân là pháp nhân đó mà trừ ra pháp nhân tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân mà phi nhân.

**699.**

- *Chư pháp* ***hữu nhân và hiệp nhân*** *ra sao?* Nhân tham hiệp với nhân si và nhân si hiệp với nhân tham. Nhân sân hiệp với nhân si và nhân si cũng hiệp với nhân sân (si hiệp tâm si không gặp nhân khác). Vô tham, vô sân và vô si, cả 3 nhân cũng tương ưng nhau. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân và hiệp nhân *(hetū ceva hetusampayuttā ca).*
- *Chư pháp* ***hiệp nhân mà phi nhân*** *ra sao?* Những pháp nào tương ưng với nhân đó mà trừ ra pháp nhân tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp nhân mà phi nhân *(hetusampayuttā ceva na ca hetū).*

**700.**

- *Chư pháp* ***phi nhân mà hữu nhân*** *ra sao?* Những pháp nào chẳng phải nhân mà có pháp nhân ấy tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân mà hữu nhân *(he hetū sahetukā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi nhân và vô nhân*** *ra sao?* Những pháp nào chẳng phải nhân và cũng không có pháp thành nhân ấy tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân và vô nhân.

### 2) Phần nhị đề đỉnh (*cūlantaraduka*).

**701.**

- *Chư pháp* ***hữu duyên*** *ra sao?* Ngũ uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu duyên *(sappaccayā dhammā).*
- *Chư pháp* ***vô duyên*** *ra sao?* Vô vi giới *(asaṅkhata).* Chơn tướng này gọi là chư pháp vô duyên *(appaccayā dhammā).*

**702.**

- *Chư pháp* **hữu vi** *ra sao?* Những pháp nào mà có duyên trợ tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu vi *(saṅkhatā dhammā).*
- *Chư pháp* **vô vi** *ra sao?* Những pháp nào mà không có duyên trợ tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô vi *(asaṅkhatā dhammā).*

**703.**

- *Chư pháp* **bị thấy** *ra sao?* Sắc xứ *(rūpāyatana).* Những chơn tướng này gọi là chư pháp bị thấy *(sanidassanā dhammā).*
- *Chư pháp* **bất kiến** *ra sao?* Nhãn xứ… sắc xứ, thọ uẩn… thức uẩn, sắc không thấy không đối chiếu có liên quan với pháp xứ và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất kiến *(asanidassanā dhammā).*

**704.**

- *Chư pháp* **đối chiếu** *ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đối chiếu *(sappaṭighā dhammā).*
- *Chư pháp* **phi đối chiếu** *ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn với sắc không thấy không đối chiếu mà có liên quan với pháp xứ luôn vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi đối chiếu *(appatigha dhammā).*

**705.**

- *Chư pháp* **sắc** *trong khi có ra sao?* Tứ đại sung và sắc y sinh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sắc *(rūpino dhammā).*
- *Chư pháp* **phi sắc** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sắc *(arūpino dhammā).*

**706.**

- *Chư pháp* **hiệp thế** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn thành phần pháp lậu nương theo Dục giới, Sắc giới và vô vi giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp thế.
- *Chư pháp* **siêu thế** *trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp siêu thế *(lokuttara dhammā).*

**707.**

*Chư pháp* **cũng có tâm biết đặng và cũng có tâm không biết đặng** *trong khi có ra sao?*

Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết. Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết. Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết. Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết.

Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết. Những pháp nào mà

nhĩ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết. Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết. Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết.

Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết. Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết. Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết. Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết.

Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết. Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết. Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết. Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết.

Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết. Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết. Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết. Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết.

Những chơn tướng này gọi là chư pháp cũng có tâm biết đặng và cũng có tâm không biết đặng *(kenaci vinnayya dhammā ca na kenaci na vinneyya dhammā).*

**3) Phần chùm lậu (*asavagocchaka*).**

**708.**

*Chư pháp* ***lậu*** *trong khi có ra sao?* Tứ lậu là dục lậu, hữu lậu, tà kiến lậu và vô minh lậu. Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu *(asava dhammā).*

**709.**

*Trong tứ lậu đó mà* ***dục lậu*** *ra sao?* Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hớn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng này gọi là dục lậu *(kāmāsavo).*

**710.**

***Hữu lậu** trong khi có ra sao?* Ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hớn trong đời sống, liên đới trong kiếp sống, nồng nàn trong đời sống, vùi lấp trong kiếp sống, trầm nịch trong đời sống, luôn cả nhiều đời kiếp. Những cách như thế gọi là hữu lậu *(bhavasava).*

**711.**

***Tà kiến lậu** trong khi có ra sao?* Như là nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những cách như thế gọi là tà kiến lậu.

**712.**

***Vô minh lậu** trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường lối đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của vô minh, si là căn bất thiện. Những trạng thái này gọi là vô minh lậu *(āvijjāsava).*

Những chơn tướng nói trên gọi là pháp lậu.

**713.**

*Chư pháp **phi lậu** trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp lậu, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế ngoài ra đó, tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi lậu *(no āsavā dhammā).*

**714.**

- *Chư pháp **cảnh lậu** trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh lậu *(sāsavā dhammā).*
- *Chư pháp **phi cảnh lậu** trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh lậu *(anāsavā dhammā).*

**715.**

- *Chư pháp **tương ưng lậu** trong khi có ra sao?* Những pháp nào mà tương ưng với pháp lậu đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lậu *(āsavā sampayuttā dhammā).*

- *Chư pháp* ***bất tương ưng lậu*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào mà bất tương ưng với pháp lậu đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng lậu.

**716.**

- *Chư pháp* ***lậu và cảnh lậu*** *ra sao?* Những pháp lậu đó mà thôi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu và cảnh lậu *(asava ceva dhammā sasava ca).*

- *Chư pháp* ***cảnh lậu mà phi lậu*** *ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của những pháp lậu đó mà trừ ra pháp lậu rồi tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra mà còn thuộc phần lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh lậu mà phi lậu *(sasava ceva dhammā no ca asava).*

**717.**

- *Chư pháp* ***lậu hiệp với pháp lậu*** *ra sao?*
  Dục lậu tương ưng với vô minh lậu và vô minh lậu tương ưng với dục lậu.
  Hữu lậu tương ưng với vô minh lậu và vô minh lậu tương ưng với hữu lậu.
  Tà kiến lậu tương ưng với vô minh lậu và vô minh lậu tương ưng với tà kiến lậu.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu hiệp với pháp lậu.

- *Chư pháp* ***hiệp lậu mà phi lậu*** *ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp lậu đó mà trừ ra pháp lậu rồi tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp lậu mà phi lậu *(āsava sampayuttā ceva dhammā no ca āsavā).*

**718.**

- *Chư pháp* ***ly lậu mà cảnh lậu*** *ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp lậu mà còn lậu biết như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly lậu mà cảnh lậu *(āsava vippayuttā sāsavā).*

- *Chư pháp* ***ly lậu và phi cảnh lậu*** *trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly lậu và phi cảnh lậu.

**4) Phần chùm triền (*saññoyanagocchaka*).**

**719.**

*Chư pháp* ***triền*** *trong khi có ra sao?* Thập triền tức là ái dục triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, giới cấm thủ triền, hữu ái triền, tật đố triền, lận sắt triền, vô minh triền.

**720.**

*Trong thập triền đó mà* ***ái dục triền*** *ra sao?* Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hởn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng này gọi là ái dục triền.

**721.**

***Phẫn nhuế triền*** *trong khi có ra sao?* Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận sát hại phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán giận, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân hận, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Đây gọi là phẫn nhuế triền.

**722.**

***Ngã mạn triền*** *trong khi có ra sao?* Cách so sánh cho rằng ta tốt hơn họ, ta bằng họ, ta thua họ, sự so sánh, thái độ so sánh, lối so sánh, lúc nào có trạng thái như thế tức là tự nâng cao, đem mình sánh cho bằng kẻ khác, tự so đo với người, tâm cống cao, tánh cần so sánh này gọi là ngã mạn triền *(mānasaññojana).*

**723.**

***Tà kiến triền*** *trong khi có ra sao?* Như là nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Đây gọi là tà kiến triền.

Tất cả tà kiến (trừ giới cấm thủ triền) đều là tà kiến triền.

**724.**

***Hoài nghi triền*** *trong khi có ra sao?*

Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi điều học, quá khứ, vị lai luôn cả quá khứ vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh là pháp y tương sinh có phải do duyên trợ tạo mới sanh ra chăng?

Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai lẽ, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi triền.

**725.**

***Giới cấm thủ triền*** *trong khi có ra sao?* Nhận thấy rằng sự trong sạch do giới, do tu hành, thực hành trì giới của Sa-môn, Bà-la-môn ngoài Tông giáo này là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, vi phản kiến, xảo man kiến, triền kiến, tự chấp, chấp trước,

cố chấp, chấp lầm, thái độ sai lầm, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn và cách chấp theo khinh thị. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ triền có trong khi đó.

**726.**

***Hữu ái triền*** *trong khi có ra sao?* Ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hởn trong đời sống, liên đới trong kiếp sống, nồng nàn trong đời sống, vùi lấp trong kiếp sống, trầm nịch trong đời sống luôn cả nhiều đời kiếp. Đây gọi là hữu ái triền *(bhavarāgasaññojana).*

**727.**

***Tật đố triền*** *trong khi có ra sao?* Cách ganh tỵ, thái độ ganh tỵ, cách tật đố, sự tật đố, thái độ tật đố, tật đố vì lợi lộc, tật đố vì cung kỉnh, tật đố vì tín ngưỡng, tật đố vì cách lễ bái, tật đố vì cách cúng dường của người khác. Những cách như thế gọi là tật đố triền.

**728.**

***Lận sắt triền*** *trong khi có ra sao?* Ngũ lận sắt như là: Bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn dòng giống, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn sắc đẹp (danh thơm), bỏn xẻn giáo pháp, cách bỏn xẻn, sự bỏn xẻn, thái độ bỏn xẻn, sự rít rắm, sự keo kiết, sự không tế độ, không rộng rãi của tâm. Những cách như thế gọi là lận sắt triền *(nacchariyasannojana).*

**729.**

***Vô minh triền*** *trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường lối đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là vô minh triền. Những chơn tướng nói trên gọi là pháp triền.

**730.**

*Chư pháp* ***triền*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp triền rồi còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền.

**731.**

- *Chư pháp* ***cảnh triền*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh triền.
- *Chư pháp* ***phi cảnh triền*** *trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh triền.

**732.**

- *Chư pháp **tương ưng triền** trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp triền đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng triền.

- *Chư pháp **bất tương ưng triền** trong khi có ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp triền đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng triền.

**733.**

- *Chư pháp **triền và cảnh triền** trong khi có ra sao?* Tức là pháp triền. Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền và cảnh triền.

- *Chư pháp **cảnh triền mà phi triền** trong khi có ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp triền đó nhưng trừ ra pháp triền tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh triền mà phi triền.

**734.**

- *Chư pháp **triền tương ưng triền** trong khi có ra sao?*
  Dục ái triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với dục ái triền.
  Phẫn nhuế triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với phẫn nhuế triền.
  Ngã mạn triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với ngã mạn triền.
  Tà kiến triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với tà kiến triền.
  Hoài nghi triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với hoài nghi triền.
  Giới cấm thủ triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với giới cấm thủ triền.
  Hữu ái triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với hữu ái triền.
  Tật đố triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với tật đố triền.
  Lận sắt triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với lận sắt triền.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền tương ưng triền.

- *Chư pháp **tương ưng triền mà phi triền** trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp triền đó mà trừ ra pháp triền rồi tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng triền mà phi triền.

**735.**

- *Chư pháp **ly triền mà cảnh triền** ra sao?* Những pháp nào mà bất tương ưng với pháp triền đó tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly triền mà cảnh triền.

- *Chư pháp **ly triền và phi cảnh triền** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly triền và phi cảnh triền.

**5) Phần chùm phược (*ganthagocchaka*).**

**736.**

*Chư pháp* ***phược*** *trong khi có ra sao?* Tứ phược là: tham ác thân phược, sân độc thân phược, giới cấm thủ thân phược và ngã kiến thân phược.

**737.**

*Trong tứ phược đó mà* ***tham ác thân phược*** *ra sao?*

Sự dục vọng, đa dục vọng, biến chuyển theo cảnh, sự vui thích, sự hí hởn, sự dục vọng bằng mãnh lực hí hởn, sự dục vọng nặng của tâm, sự ham muốn, sự quy lụy, sự mê đắm, sự thân ái, sự tình ái, sự liên hệ gắn bó, sự trầm nịch, vẫn lôi kéo, vẫn gạt gẫm, còn làm cho chúng sanh liên kết, lối thiên nhiên, vẫn thấm tâm, hằng tươm ra, pháp như sợi chỉ, vẫn tỏa ra, vẫn gom lại, vẫn như bạn lưỡng diện, chính nguồn cội tâm, vẫn đưa đến cõi đời, sự dục vọng như sum lâm, sự dục vọng như mật lâm, sự liên hệ, sự lưu luyến, quái niệm, sự ràng buộc, sự mong mỏi, thái độ mong mỏi.

Mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi, mong mỏi của, mong mỏi con, mong mỏi trường thọ, khao khát, quá khao khát, rất quá khao khát, sự tế ngữ, cách tế ngữ, thái độ tế ngữ, sự tham lam, cách tham lam, thái độ tham lam thành nhân mê mẩn theo những cảnh tốt, sự địa vị trong địa vị không thích hợp, sự tham quá cỡ, sự nhiễm đắm tâm, thái độ nhiễm đắm tâm, sự hỷ lạc của tâm, sự quá mong mỏi dục vọng, hữu dục, ly hữu dục, Sắc giới dục, Vô sắc giới dục, diệt dục (đoạn kiến), sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục, pháp dục, bộc, phối, phược, thủ, luyến mộ, cái, mái che ngăn, mây ràng buộc, tùy phiền não, tiềm thùy, che đậy, dục như dây mây, sự mong mỏi các vật chất, cội rễ của khổ, nhân của khổ, sở sanh của khổ, bẫy của ma, lưỡi câu của ma, sở sanh của ma, tình dục như sông cái, tình dục như chài lưới, tình dục như buộc cột, tình dục như biển cả, tham lam, tham ác, tham là căn bất thiện. Như thế gọi là tham ác thân phược *(abhijjhā kāya gantha).*

**738.**

***Sân độc thân phược*** *trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán hận, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Đây gọi là sân độc thân phược *(byāpādakāyagantha).*

**739.**

***Giới cấm thủ thân phược** ra sao?* Nhận thấy rằng sự trong sạch do giới, do tu hành, thực hành trì giới của Sa-môn, Bà-la-môn ngoài Tông giáo này là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, vi phản kiến, xảo man kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, chấp tâm, thái độ sai lầm, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, cách chấp theo khinh thị. Những chơn tướng này gọi là giới cấm thủ thân phược *(sīlabataparāmāso kāyagantho).*

**740.**

***Ngã kiến thân phược** ra sao?*

Nhận thấy vũ trụ hằng còn chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ không trường tồn chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ có chỗ cùng tột chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ không cùng tột chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy linh hồn và sanh mạng là một chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy linh hồn và sự sống chắc hẳn khác nhau, hoặc nhận thấy chúng sanh chết rồi mất, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết vẫn còn, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết còn cũng phải và không còn cũng phải, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết còn cũng chẳng phải và không còn cũng chẳng phải.

Sự thấy bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn. Nếu có trạng thái như thế gọi là ngã kiến thân phược *(idansaccābhinivesakayagantha).*

Tất cả tà kiến (trừ giới cấm thủ thân phược) đều là ngã kiến thân phược.

Những chơn tướng này gọi là pháp phược *(gantha dhammā).*

**741.**

*Chư pháp **phi phược** trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp phược rồi còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phược.

**742.**

- *Chư pháp **cảnh phược** trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phược.
- *Chư pháp **phi cảnh phược** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh phược.

**743.**

- *Chư pháp **tương ưng phược** ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp phược đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phược.
- *Chư pháp **ly phược** trong khi có ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp phược đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược.

**744.**

- *Chư pháp* ***phược và cảnh phược*** *trong khi có ra sao?* Tức là pháp phược. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược và cảnh phược.
- *Chư pháp* ***cảnh phược mà phi phược*** *ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp phược đó mà trừ ra pháp phược tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký mà còn trong phạm vi lậu biết nương theo Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phược mà phi phược.

**745.**

- *Chư pháp* ***phược tương ưng phược*** *ra sao?*

  Giới cấm thủ thân phược tương ưng với tham ác thân phược và tham ác thân phược tương ưng với giới cấm thủ thân phược.

  Ngã kiến thân phược tương ưng với tham ác thân phược và tham ác thân phược tương ưng với ngã kiến thân phược.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược tương ưng phược.

- *Chư pháp* ***tương ưng phược mà phi phược*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp phược đó mà trừ ra pháp phược rồi tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phược mà phi phược.

**746.**

- *Chư pháp* ***ly phược mà cảnh phược*** *ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp phược đó tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược mà cảnh phược.
- *Chư pháp* ***ly phược và phi cảnh phược*** *ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược và phi cảnh phược.

### 6) Phần chùm bộc và chùm phối (*oghagocchaka yogagocchaka*).

Tóm tắt hai phần như sau:

**747.**

- *Chư pháp* ***bộc*** *trong khi có ra sao? …*
- *Chư pháp* ***phối*** *trong khi có ra sao? …*

### 7) Phần chùm cái (*nivaranagocchaka*).

**748.**

*Chư pháp* ***cái*** *trong khi có ra sao?* Lục cái tức là: Dục dục cái, sân độc cái, hôn trầm thùy miên cái, trạo hối cái, hoài nghi cái và vô minh cái.

**749.**

*Trong những pháp cái đó mà* ***dục dục cái*** *ra sao?* Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hởn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng này gọi là dục dục cái.

**750.**

***Sân độc cái*** *trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như là: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Như thế gọi là sân độc cái.

**751.**

***Hôn trầm thùy miên cái*** *trong khi có ra sao?* Hôn trầm thùy miên cái chia ra: hôn trầm là 1 và thùy miên là 1.

- *Trong 2 thứ này mà* ***hôn trầm*** *trong khi có ra sao?* Sự không khéo hòa trộn của tâm, cách không thích hợp việc làm của tâm, sự chần chừ, sự lùi sụt, sự buồn ngủ, cách buồn ngủ, trạng thái buồn ngủ, sự bần thần, dã dượi, cách dã dượi, bần thần, thái độ bần thần dã dượi, sự uể oải, cách uể oải, thái độ uể oải. Những trạng thái như thế gọi là hôn trầm.
- ***Thùy miên*** *trong khi có ra sao?* Sự không khéo hòa trộn của danh thân, cách không thích hợp với công việc của danh thân, sự chụp đậy, sự bao trùm, sự che lấp phần trong, sự dã dượi bần thần, thái độ dã dượi bần thần, cách dã dượi bần thần, sự buồn ngủ, cách ngáp ngủ, trạng thái ngáp ngủ, sự ngủ gục, cách ngủ gục, trạng thái ngủ gục. Những trạng thái như thế gọi là thùy miên.

Hôn trầm và thùy miên chung lại gọi là hôn trầm thùy miên cái.

**752.**

***Trạo hối cái*** *trong khi có ra sao?* Trạo hối đây chia ra trạo cử là 1 và hối hận là 1.

- *Trong 2 thứ này mà* ***trạo cử*** *như thế nào?* Sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, sự sôi nổi của tâm, sự rối loạn của tâm, sự lộn xộn của tâm. Những cách như thế gọi là trạo cử.
- ***Hối hận*** *trong khi có ra sao?* Sự đáng cho rằng không đáng, sự không đáng cho rằng đáng, sự có lỗi cho rằng không lỗi, sự không lỗi cho rằng có lỗi, cách chú trọng, sự chú

trọng, thái độ chú trọng, cách nóng nảy, sự động tâm. Những trạng thái như thế gọi là hối hận.

Trạo cử và hối hận kêu chung lại là trạo hối cái.

**753.**

***Hoài nghi cái*** *trong khi có ra sao?*

Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi điều học, hoài nghi quá khứ, vị lai, luôn cả quá khứ vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh là pháp y tương sinh có phải do nhờ duyên trợ tạo mới sanh ra chăng?

Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng, khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi cái.

**754.**

***Vô minh cái*** *trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là vô minh cái.

Những chơn tướng này gọi là pháp cái *(nīvaraṇā dhammā).*

**755.**

*Chư pháp* ***phi cái*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp cái rồi còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cái.

**756.**

- *Chư pháp* ***cảnh cái*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh cái.
- *Chư pháp* ***phi cảnh cái*** *trong khi có ra sao?*

  Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh cái.

**757.**

- *Chư pháp* ***tương ưng cái*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp cái đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng cái.

- *Chư pháp* ***bất tương ưng cái*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp cái đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng cái *(nīvaraṇa vippayuttādhammā).*

**758.**

- *Chư pháp* ***cái và cảnh cái*** *ra sao?* Tức là pháp cái. Đây gọi là chư pháp cái và cảnh cái.
- *Chư pháp* ***cảnh cái mà phi cái*** *ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp cái đó mà trừ ra pháp cái tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra mà còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh cái mà phi cái.

**759.**

- *Chư pháp* ***cái và tương ưng cái*** *ra sao?*

  Dục dục cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với dục dục cái.

  Sân độc cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với sân độc cái.

  Hôn trầm thùy miên cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hôn trầm thùy miên cái.

  Trạo cử cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với trạo cử cái.

  Hối hận cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hối hận cái.

  Hoài nghi cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hoài nghi cái.

  Dục dục cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với dục dục cái.

  Sân độc cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với sân độc cái.

  Hôn trầm thùy miên cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với hôn trầm thùy miên cái.

  Hối hận cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với hối hận cái.

  Hoài nghi cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với hoài nghi cái.

  Vô minh cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với vô minh cái.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp cái và tương ưng cái.

- *Chư pháp* ***tương ưng cái mà phi cái*** *ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp cái đó mà trừ ra pháp cái ấy tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng cái mà phi cái.

**760.**

- *Chư pháp* ***ly cái mà cảnh cái*** *ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp cái đó, tức là pháp thiện, pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly cái mà cảnh cái.
- *Chư pháp* ***ly cái và phi cảnh cái*** *ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly cái và phi cảnh cái.

**8) Phần chùm khinh thị (*parāmāsagocchaka*).**

**761.**

- *Chư pháp* ***khinh thị*** *trong khi có ra sao?* Tức là tà kiến khinh thị.
- ***Tà kiến khinh thị*** *trong khi có ra sao?* Như là nhận thấy đời trường tồn hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay là cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những chơn tướng này gọi là tà kiến khinh thị *(diṭṭhiparāmāso).* Tất cả tà kiến đều là tà kiến khinh thị.

  Những chơn tướng này gọi là tà kiến khinh thị.
- *Chư pháp* ***phi khinh thị*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp khinh thị rồi còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi khinh thị.

**762.**

- *Chư pháp* ***cảnh khinh thị*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh khinh thị.
- *Chư pháp* ***phi cảnh khinh thị*** *trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh khinh thị.

**763.**

- *Chư pháp* ***tương ưng khinh thị*** *ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp khinh thị đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng khinh thị.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng khinh thị*** *ra sao?* Những pháp nào không hiệp với pháp khinh thị đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng khinh thị.

**764.**

- *Chư pháp* ***khinh thị cảnh khinh thị*** *ra sao?* Tức là khinh thị. Đây gọi là chư pháp khinh thị cảnh khinh thị.
- *Chư pháp* ***cảnh khinh thị mà phi khinh thị*** *ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp khinh thị đó, trừ ra khinh thị còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký thuộc phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh khinh thị mà phi khinh thị.

**765.**

- *Chư pháp* ***ly khinh thị mà cảnh khinh thị*** *ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp khinh thị đó như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký mà còn trong phạm vi khinh thị nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly khinh thị mà cảnh khinh thị.
- *Chư pháp* ***ly khinh thị và phi cảnh khinh thị*** *ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly khinh thị và phi cảnh khinh thị.

**9) Phần nhị đề đại (*mahantara duka*).**

**766.**

- *Chư pháp* ***hữu tri cảnh*** *ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tri cảnh *(sārammanā dhammā).*
- *Chư pháp* ***vô tri cảnh*** *trong khi có ra sao?* Tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tri cảnh *(anārammanā dhammā).*

**767.**

- *Chư pháp* ***tâm*** *trong khi có ra sao?* Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý giới và ý thức giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tâm *(cittā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi tâm.

**768.**

- *Chư pháp* ***sở hữu tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sở hữu tâm.
- *Chư pháp* ***phi sở hữu tâm*** *trong khi có ra sao?* Tâm, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sở hữu tâm.

**769.**

- *Chư pháp* ***tương ưng tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng tâm.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng tâm*** *ra sao?* Tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng tâm.

Tâm gọi tương ưng tâm chẳng phải và gọi bất tương ưng tâm cũng chẳng phải.

**770.**

- *Chư pháp* ***hòa với tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa với tâm *(cittasamsaṭṭha dhammā).*
- *Chư pháp* ***không hòa với tâm*** *ra sao?* Tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa với tâm.

Tâm gọi hòa với tâm chẳng phải và gọi không hòa với tâm cũng chẳng phải.

**771.**

- *Chư pháp* ***có tâm làm sở sanh*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri *(kāya viññatti),* khẩu biểu tri *(vacī viññatti),* hay là những sắc pháp nào do tâm tạo có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh như là: sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không chất, thủy chất, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc vừa làm việc, sắc sanh, sắc thừa kế *(santati rūpa),* đoàn thực. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānā dhammā).*
- *Chư pháp* ***không có tâm làm sở sanh*** *ra sao?* Tâm, sắc pháp ngoài ra và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không có tâm làm sở sanh.

**772.**

- *Chư pháp* ***đồng sanh tồn với tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri, khẩu biểu tri. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh tồn với tâm *(citta sahabhuno dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi đồng sanh tồn với tâm*** *trong khi có ra sao?* Tâm, sắc pháp ngoài ra và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi đồng sanh tồn với tâm.

**773.**

- *Chư pháp* ***tùng tâm thông lưu*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri, khẩu biểu tri. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tùng tâm thông lưu *(cittānuparivattino dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi tùng tâm thông lưu*** *ra sao?* Tâm, sắc pháp ngoài ra và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi tùng tâm thông lưu *(no cittānuparivattino dhammā).*

**774.**

- *Chư pháp* ***hòa với tâm và có tâm làm sở sanh*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh *(cittasaṃsattha samuṭṭhānā dhammā).*
- *Chư pháp* ***không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh*** *trong khi có ra sao?* Tâm, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh.

**775.**

- *Chư pháp* ***hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh*** *ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh *(cittasaṃsattha samuṭṭhāna sahabhuno dhammā).*
- *Chư pháp* ***không hòa, không đồng sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh*** *trong khi có ra sao?* Tâm, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa, không đồng sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh *(no cittasaṃsaṭṭha samuṭṭhāna sahabhuno dhammā).*

**776.**

- *Chư pháp* ***có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm *(cittasaṃsaṭṭha samuṭṭhānanupari vattino dhammā).*

- *Chư pháp* ***không có tâm làm sở sanh và không hòa, không tùng thông lưu với tâm*** *ra sao?* Tâm, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không có tâm làm sở sanh và không hòa, không tùng thông lưu với tâm *(no citta saṃsatthasamuṭṭhānānuparivattino dhammā).*

**777.**

- *Chư pháp* ***nội*** *trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… ý xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nội *(ajjhattika dhammā).*
- *Chư pháp* ***ngoại*** *trong khi có ra sao?* Sắc xứ… pháp xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ngoại *(bāhirā dhammā)*

**778.**

- *Chư pháp* ***thủ*** *trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ *(upādā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi thủ*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn luôn sắc tứ đại sung và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thủ *(no upādā dhammā).*

**779.**

- *Chư pháp* ***do thủ*** *trong khi có ra sao?* Dị thục quả của pháp thiện và pháp bất thiện còn thuộc phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp do thủ *(upādinā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi do thủ*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện và pháp bất thiện còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn pháp thành tố phi thiện, phi bất thiện, phi nghiệp quả, phi sắc nghiệp, đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi do thủ *(anupādinnā dhammā).*

**10) Phần chùm thủ (*upadana gocchaka*).**

**780.**

*Chư pháp* ***thủ*** *trong khi có ra sao?* Tứ thủ tức là dục thủ, tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ.

**781.**

*Trong tứ thủ đó mà* ***dục thủ*** *như thế nào?* Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hởn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng này gọi là dục thủ.

**782.**

***Tà kiến thủ*** *trong khi có ra sao?*

Sự nhận thấy bố thí rồi không có quả phúc, cách cúng dường không có quả phúc, sự cúng cầu Thần Thánh và chư thiên không có quả phúc, quả của nghiệp tốt và nghiệp xấu không có, đời này không có, đời khác cũng không có, cha không có, mẹ cũng không có. Chúng sanh sau khi chết hóa sanh chẳng có, Sa-môn, Bà-la-môn thật hành phạm hạnh

trong đời này không có, Sa-môn, Bà-la-môn tự tu hành đặng trí cao nhứt trong đời này và đời khác rồi trình bày cho người khác biết đều không có.

Tà kiến là sự nhận xét bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn. Nếu có trạng thái như thế gọi là tà kiến thủ.

Trừ ra giới cấm thủ và ngã chấp thủ, tất cả tà kiến ngoài ra đều gọi là tà kiến thủ.

**783.**

***Giới cấm thủ*** *trong khi có ra sao?* Nhận thấy rằng sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới của Sa-môn, Bà-la-môn ngoài Tông giáo này là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp[10] kiến, vi phản kiến, xảo man kiến, triền kiến, tự chấp, chấp trước, cố chấp, chấp lầm, thái độ sai lầm, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn và cách chấp theo khinh thị. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ.

**784.**

***Ngã chấp thủ*** *trong khi có ra sao?*

Phàm phu trong đời này thiếu học, không gặp Thánh nhân, không đặng nghe pháp của Thánh nhân, không tập rèn theo pháp của Thánh nhân, không gặp trí thức, không khéo với pháp của trí thức, không tập rèn theo pháp của trí thức. Nhận thấy sắc uẩn là ta, hay nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn trong ta, nhận thấy ta trong sắc uẩn. Nhận thấy thọ uẩn là ta, hay nhận thấy ta có thọ uẩn, nhận thấy thọ uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thọ uẩn. Nhận thấy tưởng uẩn là ta, hay nhận thấy ta có tưởng uẩn, nhận thấy tưởng uẩn trong ta, nhận thấy ta trong tưởng uẩn. Nhận thấy hành uẩn là ta, hay nhận thấy ta có hành uẩn, nhận thấy hành uẩn trong ta, nhận thấy ta trong hành uẩn. Nhận thấy thức uẩn là ta, hay nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thức uẩn.

Tà kiến là sự nhận thấy bằng cách thiên kiến, tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn. Nếu có trạng thái như thế gọi là ngã chấp thủ.

Những chơn tướng như trên gọi là chư pháp thủ.

**785.**

*Chư pháp* ***phi thủ*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp thủ rồi, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thủ *(no upādānā dhammā).*

**786.**

- *Chư pháp* ***cảnh thủ*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh thủ.

[10] Khuyết phạp – thiếu thốn (theo từ điển Hán-Việt của Đào Duy Anh)

- *Chư pháp* ***phi cảnh thủ*** *trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh thủ *(anupādāniyā dhammā).*

**787.**

- *Chư pháp* ***tương ưng thủ*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp thủ đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng thủ.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng thủ*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp thủ đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng thủ.

**788.**

- *Chư pháp* ***thủ và cảnh thủ*** *trong khi có ra sao?* Tức là pháp thủ. Đây gọi là chư pháp thủ và cảnh thủ *(upādānā ceva dhammā upādāniya ca).*
- *Chư pháp* ***cảnh thủ mà phi thủ*** *ra sao?* Những pháp nào thành cảnh thủ mà trừ ra pháp thủ tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh thủ và phi thủ.

**789.**

- *Chư pháp* ***thủ và tương ưng thủ*** *trong khi có ra sao?*

  Tà kiến thủ tương ưng với dục thủ, dục thủ tương ưng với tà kiến thủ.

  Giới cấm thủ tương ưng với dục thủ, dục thủ tương ưng với giới cấm thủ.

  Ngã chấp thủ tương ưng với dục thủ, dục thủ tương ưng với ngã chấp thủ.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ và tương ưng thủ.

- *Chư pháp* ***tương ưng thủ mà phi thủ*** *ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp thủ đó mà trừ ra pháp thủ, tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng thủ mà phi thủ.

**790.**

- *Chư pháp* ***ly thủ mà cảnh thủ*** *ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp thủ đó như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký mà còn thuộc phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly thủ mà cảnh thủ.
- *Chư pháp* ***ly thủ và phi cảnh thủ*** *ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly thủ và phi cảnh thủ.

**11) Phần chùm phiền não (*kilesagocchaka*).**

**791.**

*Chư pháp* ***phiền não*** *trong khi có ra sao?* Thập phiền não như là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy.

**792.**

*Trong thập phiền não đó mà* **tham** *như thế nào?*

Sự dục vọng, đa dục vọng, biến chuyển theo cảnh, sự vui thích, sự hí hởn, sự dục vọng bằng mãnh lực hí hởn, sự dục vọng nặng của tâm, sự ham muốn, sự quy lụy, sự mê đắm, sự thân ái, sự tình ái, sự liên hệ gắn bó, sự trầm nịch, vẫn lôi kéo, vẫn gạt gẫm, còn làm cho chúng sanh liên kết, lối thiên nhiên, vẫn thấm tâm, hằng tươm ra, pháp như sợi chỉ, vẫn tỏa ra, vẫn gom lại, vẫn như bạn lưỡng diện, chính nguồn cội tâm, vẫn đưa đến cõi đời, sự dục vọng như sum lâm, sự dục vọng như mật lâm, sự liên hệ, sự lưu luyến, quái niệm, sự ràng buộc, sự mong mỏi, thái độ mong mỏi.

Mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi, mong mỏi của, mong mỏi con, mong mỏi trường thọ, khao khát, quá khao khát, rất quá khao khát, sự tế ngữ, cách tế ngữ, thái độ tế ngữ, sự tham lam, cách tham lam, thái độ tham lam, thành nhân mê mẩn theo những cảnh tốt, sự địa vị trong địa vị không thích hợp, sự tham quá cỡ, sự nhiễm đắm tâm, thái độ nhiễm đắm tâm, sự hỷ lạc của tâm, sự quá mong mỏi dục vọng, hữu dục, ly hữu dục, Sắc giới dục, Vô sắc giới dục, diệt dục (đoạn kiến), sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục, pháp dục, bộc, phối, phược, thủ, luyến mộ, cái, mái che ngăn, mây ràng buộc, tùy phiền não, tiềm thùy, che đậy, dục như dây mây, sự mong mỏi các vật chất, cội rễ của khổ, nhân của khổ, sở sanh của khổ, bẫy của ma, lưỡi câu của ma, sở sanh của ma, tình dục như sông cái, tình dục như chài lưới, tình dục như buộc cột, tình dục như biển cả, tham lam, tham ác, tham là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là tham.

**793.**

***Sân*** *trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán hận, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này, những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Nếu có trạng thái như thế đây gọi là sân.

**794.**

***Si*** *trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ tạo mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự

không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là si.

**795.**

***Ngã mạn*** *trong khi có ra sao?* Cách so sánh cho rằng ta tốt hơn họ, ta bằng họ, ta thua họ, sự so sánh, thái độ so sánh, lối so sánh, lúc nào có trạng thái như thế tức là tự nâng cao, đem mình sánh cho bằng kẻ khác, tự so đo với người, tâm cống cao, tánh cần so sánh này gọi là ngã mạn.

**796.**

***Tà kiến*** *trong khi có ra sao?* Như là nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những cách như thế gọi là tà kiến.

Tất cả kiến thức nhận sai đều thuộc về tà kiến.

**797.**

***Hoài nghi*** *trong khi có ra sao?*

Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi điều học, quá khứ, vị lai, luôn cả quá khứ và vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh là pháp y tương sinh có phải do duyên trợ tạo mới sanh ra chăng?

Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai lẽ, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi.

**798.**

***Hôn trầm*** *trong khi có ra sao?* Sự không khéo hợp của tâm, sự không thích hợp với công việc của tâm, sự nhuyễn nhược, sự lui sụt, sự bần thần, cách bần thần, trạng thái bần thần, sự dã dượi, cách dã dượi, thái độ dã dượi. Đây gọi là hôn trầm.

**799.**

***Phóng dật*** *trong khi có ra sao?* Sự toán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, sự lao chao của tâm, sự sôi nổi của tâm. Như thế gọi là phóng dật.

**800.**

***Vô tàm*** *trong khi có ra sao?* Thái độ không thẹn với sự vật đáng thẹn, hành động không mắc cỡ với những sự ác, xấu. Như thế gọi là vô tàm.

**801.**

***Vô úy*** *trong khi có ra sao?* Thái độ không ghê sợ với trường hợp đáng ghê sợ, cách không ghê sợ với tội ác xấu, như thế gọi là vô úy.

Những chơn tướng như trên gọi là chư pháp phiền não.

**802.**

*Chư pháp* ***phi phiền não*** *ra sao?* Trừ ra pháp phiền não, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền não.

**803.**

- *Chư pháp* ***cảnh phiền não*** *là chi?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phiền não.
- *Chư pháp* ***phi cảnh phiền não*** *ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh phiền não *(asaṅkilesikā dhammā).*

**804.**

- *Chư pháp* ***phiền toái*** *trong khi có ra sao?* Ba căn bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng nương với căn bất thiện; thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với căn bất thiện đó luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có căn bất thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái *(saṅkiliṭṭhā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi phiền toái*** *ra sao?* Pháp thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái.

**805.**

- *Chư pháp* ***tương ưng phiền não*** *ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp phiền não đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phiền não *(kilesa sampayuttā dhammā).*
- *Chư pháp* ***bất tương ưng phiền não*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào không tương ưng với pháp phiền não, đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng phiền não.

**806**

- *Chư pháp* ***phiền não và cảnh phiền não*** *ra sao?* Tức là những pháp phiền não. Đây gọi là chư pháp phiền não và cảnh phiền não *(kilesā ceva dhammā sankilesikā ca).*
- *Chư pháp* ***cảnh phiền não mà phi phiền não*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp phiền não đó mà trừ ra pháp phiền não tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phiền não mà phi phiền não.

**807.**

- *Chư pháp* ***phiền não và phiền toái*** *ra sao?* Tức là pháp phiền não. Đây gọi là chư pháp phiền não và phiền toái *(kilesa ceva dhammā saṅkiliṭṭhā ca).*
- *Chư pháp* ***phiền toái mà phi phiền não*** *ra sao?* Những pháp sôi nổi nóng nảy mà trừ ra phiền não tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái mà phi phiền não *(saṅkiliṭṭha ceva dhammā no ca kilesā).*

**808.**

- *Chư pháp* ***phiền toái và tương ưng phiền não*** *ra sao?*

Phiền não tham tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não tham.
Phiền não sân tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não sân.
Phiền não ngã mạn tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não ngã mạn.
Phiền não tà kiến tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não tà kiến.
Phiền não hoài nghi tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não hoài nghi.
Phiền não hôn trầm tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não hôn trầm.
Phiền não phóng dật tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não phóng dật.
Phiền não vô tàm tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não vô tàm.
Phiền não vô úy tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não vô úy.

Phiền não tham tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não tham.
Phiền não sân tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não sân.
Phiền não si tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não si.
Phiền não ngã mạn tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não ngã mạn.
Phiền não tà kiến tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não tà kiến.
Phiền não hoài nghi tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não hoài nghi.
Phiền não hôn trầm tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não hôn trầm.
Phiền não vô tàm tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não vô tàm.
Phiền não vô úy tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não vô úy.

Phiền não tham tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não tham.

Phiền não sân tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não sân.
Phiền não si tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não si.
Phiền não ngã mạn tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não ngã mạn.
Phiền não tà kiến tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não tà kiến.
Phiền não hoài nghi tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não hoài nghi.
Phiền não hôn trầm tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não hôn trầm.
Phiền não phóng dật tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não phóng dật.
Phiền não vô úy tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não vô úy.

Phiền não tham tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não tham.
Phiền não sân tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não sân.
Phiền não si tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não si.
Phiền não ngã mạn tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não ngã mạn.
Phiền não tà kiến tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não tà kiến.
Phiền não hoài nghi tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não hoài nghi.
Phiền não hôn trầm tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não hôn trầm.
Phiền não phóng dật tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não phóng dật.
Phiền não vô tàm tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não vô tàm.

Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não tương ưng phiền não *(kilesa ceva dhammā kilesa sampayutta ca).*

- *Chư pháp* ***tương ưng phiền não mà phi phiền não*** *ra sao?* Những pháp tương ưng với pháp phiền não đó mà trừ ra phiền não tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não.

**809.**

- *Chư pháp* ***ly phiền não mà cảnh phiền não*** *ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng phiền não đó tức là pháp thiện và pháp vô ký mà còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phiền não mà cảnh phiền não.

- *Chư pháp* ***ly phiền não và phi cảnh phiền não*** *ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phiền não và phi cảnh phiền não.

**12) Phần yêu bối (*pitthiduka*).**

**810.**

*Chư pháp* ***sơ đạo tuyệt trừ*** *ra sao?* Tam triền tức là thân kiến (triền), hoài nghi (triền) và giới cấm thủ (triền).

**811.**

*Trong tam triền đó mà* ***thân kiến (triền)*** *ra sao?*

Phàm phu trong đời này có kẻ thiếu học không đặng gặp bậc Thánh, không thông pháp của bậc Thánh, không tập rèn theo pháp của bậc Thánh, không gặp trí thức, chẳng thông pháp của trí thức, chẳng tập rèn theo pháp của trí thức. Nhận thấy sắc uẩn là ta, hoặc nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn trong ta, nhận thấy ta trong sắc uẩn. Nhận thấy thọ uẩn… tưởng uẩn... hành uẩn… thức uẩn là ta, hoặc nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thức uẩn.

Tà kiến tức là thiên kiến... cách tin dị đoan. Những trạng thái như thế gọi là thân kiến (triền).

**812.**

***Hoài nghi (triền)*** *trong khi có ra sao?* Hoài nghi Phật… sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi (triền).

**813.**

***Giới cấm thủ (triền)*** *trong khi có ra sao?* Chúng ngoại giáo Sa-môn, Bà-la-môn nhận thấy sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới mà có sự nhận thấy bằng tà kiến tức là thiên kiến, cách tin dị đoan. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ (triền).

**814.**

- *Chư pháp* ***sơ đạo tuyệt trừ*** *trong khi có ra sao?* Tam triền nói đây mà phiền não đồng y trụ với tam triền đó như là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tam triền ấy luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tam triền làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ *(Dassanena pahātabbā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi sơ đạo tuyệt trừ*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp triền, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sơ đạo tuyệt trừ.

**815.**

- *Chư pháp* ***ba đạo cao tuyệt trừ*** *là chi?* Tham, sân, si ngoài ra và phiền não đồng y trụ với tham, sân, si ấy, tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si đó luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabbā dhammā).*

- *Chư pháp* ***ba đạo cao không tuyệt trừ*** *là chi?* Trừ ra những pháp ba đạo cao tuyệt trừ, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao không tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabbā dhammā).*

**816.**

*Chư pháp* ***hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ*** *ra sao?* Tam triền tức là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ.

**817.**

*Trong tam triền đó mà* ***thân kiến (triền)*** *ra sao?*

Phàm phu trong đời này có kẻ thiếu học không đặng gặp bậc Thánh, không thông pháp của bậc Thánh, không tập rèn theo pháp của bậc Thánh, không gặp trí thức, thông pháp của trí thức, chẳng tập rèn theo pháp của trí thức.

Nhận thấy sắc uẩn là ta, hoặc nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn trong ta, nhận thấy ta trong sắc uẩn. Nhận thấy thọ uẩn… tưởng uẩn... hành uẩn… thức uẩn là ta, hoặc nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thức uẩn.

Tà kiến tức là thiên kiến... cách tin theo dị đoan. Những trạng thái như thế gọi là thân kiến (triền).

**818.**

***Hoài nghi*** *trong khi có ra sao?* Hoài nghi Phật… sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi.

**819.**

***Giới cấm thủ*** *trong khi có ra sao?* Chúng ngoại giáo Sa-môn, Bà-la-môn nhận thấy sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới mà có sự nhận thấy bằng cách tà kiến, thiên kiến, cách tin dị đoan. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ.

**820.**

- *Chư pháp* ***hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ*** *ra sao?* Tam triền như đã nói đây và phiền não đồng y trụ với tam triền đó, tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tam triền ấy luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tam triền làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

  Tam triền tức là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.

  Tham, sân, si đồng sanh y trụ nơi tam triền ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

  Về phần phiền não đồng y trụ với tham, sân, si ấy như là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si đó luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

- *Chư pháp* ***phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ*** *ra sao?* Trừ ra những pháp sơ đạo tuyệt trừ, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc

giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahatabba hetukā dhammā).*

**821.**

- *Chư pháp* ***hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ*** *ra sao?*

  Tham, sân, si ngoài ra. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhavanaya pahatabba dhammā).*

  Phần phiền não đồng nương với tham, sân, si đó như là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với tham, sân, si ấy luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

- *Chư pháp* ***phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ*** *là chi?* Trừ ra những pháp ba đạo cao tuyệt trừ, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba hetukā dhammā).*

**822.**

- *Chư pháp* ***hữu tầm*** *trong khi có ra sao?* Chỉ trừ tầm trong cõi hữu tầm là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với tầm đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tầm *(savitakkā dhammā).*

- *Chư pháp* ***vô tầm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô tầm, tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và tầm luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm *(avitakkā).*

**823.**

- *Chư pháp* ***hữu tứ*** *trong khi có ra sao?* Chỉ trừ tứ trong cõi hữu tứ là Dục giới, Sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với tứ đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tứ *(savicārā dhammā).*

- *Chư pháp* ***vô tứ*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô tứ, tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và tứ luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tứ *(avicārā dhammā).*

**824.**

- *Chư pháp* ***hữu hỷ*** *trong khi có ra sao?* Chỉ trừ pháp hỷ trong cõi hữu hỷ là Dục giới, Sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với pháp hỷ đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu hỷ *(sappītikā dhammā).*

- *Chư pháp* ***vô hỷ*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô hỷ là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và pháp hỷ luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô hỷ *(appītikā dhammā).*

**825.**

- *Chư pháp* ***đồng sanh với pháp hỷ*** *ra sao?* Chỉ trừ pháp hỷ trong cõi hữu hỷ là Dục giới, Sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với pháp hỷ đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với pháp hỷ.

- *Chư pháp* ***không đồng sanh với pháp hỷ*** *ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn trong cõi vô hỷ tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và hỷ luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với pháp hỷ *(na pītisahagatā dhammā).*

**826.**

- *Chư pháp* ***đồng sanh với lạc thọ*** *ra sao?* Chỉ trừ lạc thọ trong cõi hữu lạc là Dục giới, Sắc giới và siêu thế tức là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn mà tương ưng với lạc thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với lạc thọ *(sukhasahagatā dhammā).*

- *Chư pháp* ***không đồng sanh với lạc thọ*** *ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô lạc tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và lạc thọ luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với lạc thọ.

**827.**

- *Chư pháp* ***đồng sanh với xả thọ*** *ra sao?* Chỉ trừ xả thọ trong cõi hữu xả thọ là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn mà tương ưng với xả thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với xả thọ *(upekha sahagata dhammā).*

- *Chư pháp* ***không đồng sanh với xả thọ*** *ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô xả thọ là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và xả thọ luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với xả thọ.

**828.**

- *Chư pháp* ***Dục giới*** *trong khi có ra sao?* Uẩn, xứ, giới, sắc, thọ, tưởng, hành, thức luân chuyển liên quan trong những cõi như vầy: Phía thấp tột đến địa ngục A tỳ, phía trên cao tột đến Tha hóa tự tại thiên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Dục giới *(kāmāvacarā dhammā).*

- *Chư pháp* ***phi Dục giới*** *trong khi có ra sao?* Tức là pháp Sắc giới, pháp Vô sắc giới và pháp siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Dục giới.

**829.**

- *Chư pháp* ***Sắc giới*** *trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu của bậc nhập thiền (thiền thiện) hay là của bậc hóa sanh (thiền quả), hay là của bậc an vui hiện đời (thiền tố). Những pháp này luân chuyển liên quan trong cõi ấy, phía dưới từ Phạm thiên, phía trên tột đến Sắc cứu cánh *(akaniṭṭhā).* Những chơn tướng này gọi là chư pháp Sắc giới.

- *Chư pháp* ***phi Sắc giới*** *trong khi có ra sao?* Pháp Dục giới, pháp Vô sắc giới và pháp siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Sắc giới.

**830.**

- *Chư pháp* ***Vô sắc giới*** *trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu của bậc nhập thiền (thiền thiện) hay của bậc hóa sanh (thiền quả), hay của bậc hưởng lạc hiện đời (thiền tố). Những pháp này luân chuyển liên quan trong cõi ấy, thấp từ Không vô biên, tột cao đến Phi tưởng phi phi tưởng. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Vô sắc giới.

- *Chư pháp* ***phi Vô sắc giới*** *trong khi có ra sao?* Tức là pháp Dục giới, pháp Sắc giới và pháp siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Vô sắc giới.

**831.**

- *Chư pháp* ***liên quan luân hồi*** *ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp liên quan luân hồi *(pariyāpannā dhammā).*

- *Chư pháp* ***bất liên quan luân hồi*** *ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất liên quan luân hồi *(apariyāpannā dhammā).*

**832.**

- *Chư pháp* ***nhân xuất luân hồi*** *ra sao?* Tức là bốn đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân xuất luân hồi *(niyyānikā dhammā).*

- *Chư pháp* ***phi nhân xuất luân hồi*** *ra sao?* Trừ ra pháp nhân xuất luân hồi, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân xuất luân hồi.

**833.**

- *Chư pháp* ***(cho quả) nhứt định*** *ra sao?* Ngũ nghiệp vô gián, tà kiến nhứt định và bốn đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp (cho quả) nhứt định *(niyatā).*

- *Chư pháp* ***phi (cho quả) nhứt định*** *ra sao?* Trừ ra pháp nhứt định, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi (cho quả) nhứt định.

**834.**

- *Chư pháp* ***hữu thượng*** *là chi?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu thượng *(sa uttarā).*

- *Chư pháp* ***vô thượng*** *ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô thượng *(anuttarā dhammā).*

**835.**

- *Chư pháp* ***hữu y*** *trong khi có ra sao?* Ba căn bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng y trụ với căn bất thiện tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với căn bất thiện luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có căn bất thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu y *(saraṇā dhammā).*

- *Chư pháp* ***vô y*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô y *(araṇā).*

## III. TOÁT YẾU NHỊ ĐỀ KINH *(Suttantamātikā)*

**836.**

- *Tất cả pháp* ***phe đảng minh*** *ra sao?* Tất cả pháp tương ưng với minh. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp phe đảng minh *(vijjābhāgino dhammā).*
- *Tất cả pháp* ***phe đảng vô minh*** *trong khi có ra sao?* Tất cả pháp tương ưng với vô minh. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp phe đảng vô minh *(avijjābhāgino dhammā).*

**837.**

- *Tất cả pháp* ***như điển*** *(chớp) ra sao?* Tức là trí tuệ trong 3 Thánh đạo thấp. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp như điển (chớp) *(vijiuppamā dhammā).*
- *Tất cả* ***pháp như lôi (sấm)*** *ra sao?* Trí tuệ trong đạo cao tức là La Hán đạo. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp như lôi (sấm) *(avijirūpamā dhammā).*

**838.**

- *Tất cả pháp* ***tiểu nhân*** *ra sao?* Vô tàm và vô úy. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp tiểu nhân *(bālā dhammā).*
- *Tất cả pháp* ***quân tử*** *trong khi có ra sao?* Tàm và úy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp quân tử *(paṇdita dhammā).*

  Tất cả pháp thiện đều là pháp quân tử *(paṇditā dhammā).*

**839.**

- *Tất cả pháp* ***hắc*** *trong khi có ra sao?* Vô tàm và vô úy. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp hắc *(kaṇhā dhammā).*

  Tất cả pháp bất thiện sắp về pháp hắc *(kaṇhā dhammā).*
- *Tất cả pháp* ***bạch*** *trong khi có ra sao?* Tàm và úy. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp bạch *(sukkhā dhammā).*

  Tất cả pháp thiện sắp về pháp bạch *(sukkhā dhammā).*

**840.**

- *Tất cả pháp* ***viêm*** *trong khi có ra sao?* Thân ác, khẩu ác, ý ác. Những chơn tướng này gọi là pháp viêm *(tapaniyā dhammā).*

  Tất cả pháp bất thiện sắp về pháp viêm *(tapaniyā dhammā).*
- *Tất cả pháp* ***vô viêm*** *trong khi có ra sao?* Thân thiện, khẩu thiện, ý thiện. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp vô viêm *(atapaniyā dhammā).*

  Tất cả pháp thiện sắp về pháp vô viêm *(atapaniyā dhammā).*

**841.**

- *Tất cả pháp* ***chơn tướng thành ra danh*** *ra sao?* Nhắc việc đồn đãi, xưng danh, định đặt, ngôn ngữ, danh, bí danh, tên đặt, tên xưng, đích danh, gọi tên. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp chơn tướng thành ra danh *(adhivacanā dhammā).*

- *Tất cả pháp* ***chơn tướng nhân trình bày ra danh*** *như thế nào?* Tất cả pháp gọi là pháp chơn tướng nhân trình bày ra danh *(adhivacanapathā dhammā).*

**842.**

*Tất cả pháp* ***chơn tướng ngữ ngôn*** *ra sao?* Nhắc việc đồn đãi, xưng danh, định đặt, ngôn ngữ, danh, bí danh, tên đặt, tên xưng, đích danh, gọi tên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp chơn tướng ngữ ngôn *(niruti dhammā).*

Tất cả pháp gọi là pháp chơn tướng nhân trình bày ra ngữ ngôn *(nirutipathā dhammā).*

**843.**

- *Tất cả pháp* ***chơn tướng thinh danh chế định*** *ra sao?* Nhắc việc đồn đãi, xưng danh, định đặt, ngôn ngữ, danh, bí danh, tên đặt, tên xưng, đích danh, gọi tên. Những chơn tướng này gọi là pháp chơn tướng thinh danh chế định *(paññatti dhammā).*
- *Tất cả pháp* ***chơn tướng nhân hiện bày thinh danh chế định*** *trong khi có ra sao?* Tất cả pháp gọi là pháp chơn tướng nhân hiện bày thinh danh chế định *(pañña - ttipathā dhammā).*

**844.**

- *Tất cả* ***danh pháp*** *là chi?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là tất cả danh pháp *(namā dhammā).*
- *Tất cả* ***sắc pháp*** *là chi?* Sắc tứ đại sung và sắc y sinh. Những chơn tướng này gọi là sắc pháp *(rūpa dhammā).*

**845.**

- ***Vô minh*** *đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như then chốt, si là căn bất thiện. Dù thế nào đây gọi là vô minh *(avijjā).*
- ***Hữu ái*** *đó ra sao?* Sự vừa lòng trong kiếp sống… sự trầm miếng trong những kiếp sống. Dù thế nào đây gọi là hữu ái *(bhavataṅhā).*

**846.**

- ***Hữu kiến*** *đó ra sao?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ sẽ sanh, chính sự nhận thức như đây là tà kiến, thiên kiến… lối chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là hữu kiến *(bhavadiṭṭhi).*
- ***Ly hữu kiến*** *trong khi có ra sao?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ sẽ không sanh, chính sự nhận thức như đây là tà kiến, thiên kiến… lối chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là ly hữu kiến *(vibhavadiṭṭhi).*

**847.**

- ***Thường kiến*** *là chi?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ trường tồn, chính sự nhận thức như đây là tà kiến, thiên kiến… lối chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là thường kiến *(sassatadiṭṭhi).*
- ***Đoạn kiến*** *là chi?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ sẽ tiêu mất, chính sự nhận thức như đây là tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là đoạn kiến *(ucchedadiṭṭhi).*

**848.**

- ***Cùng tận kiến*** *(hữu biên kiến) ra sao?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ có chỗ cùng tột, chính sự nhận thức này là tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là cùng tận kiến *(antavādiṭṭhi).*

- ***Vô cùng tận kiến*** *(vô biên kiến) ra sao?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ không cùng không tột, chính sự nhận thấy như đây là tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là vô cùng tận kiến *(anantavādiṭṭhi).*

**849.**

- ***Hữu tiền kiến*** *là chi?* Sự nhận thức theo lối tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan mở mối phần quá khứ phát sanh. Dù thế nào đây gọi là hữu tiền kiến *(pubbantanuditthi).*

- ***Hữu hậu kiến*** *là chi?* Sự nhận thức bằng cách tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan mở mối phần vị trí sanh ra. Dù thế nào đây gọi là hữu hậu kiến *(aparantanudiṭṭhi).*

**850.**

- ***Vô tàm*** *trong khi có ra sao?* Thái độ không hổ thẹn với cách làm ác xấu mà đáng hổ thẹn, không hổ thẹn với tất cả pháp tội ác. Dù thế nào đây gọi là vô tàm *(ahirika).*

- ***Vô úy*** *trong khi có ra sao?* Thái độ không ghê sợ với cách hành động ác xấu mà đáng ghê sợ, không ghê sợ với tất cả pháp tội ác. Dù thế nào đây gọi là vô úy *(anottappa).*

**851.**

- ***Tàm*** *trong khi có ra sao?* Thái độ hổ thẹn với cách làm ác đáng nên hổ thẹn và hổ thẹn với cách hợp tất cả pháp tội ác. Dù thế nào đây gọi là tàm.

- ***Úy*** *trong khi có ra sao?* Thái độ ghê sợ với cách làm ác đáng ghê sợ và ghê sợ với những pháp tội ác. Dù thế nào đây gọi là úy *(ottappa).*

**852.**

- ***Nan giáo*** *trong khi có ra sao?* Thái độ khó nói, khó dạy, khó sửa, lập trường chống đối, ưa lối biện bác, sự không dung hòa, chẳng nhận thấy theo, không cung kỉnh, chẳng nghe lời trong khi bị nhắc pháp tự chế. Dù thế nào đây gọi là nan giáo *(dovacassatā).*

- ***Ác hữu*** *trong khi có ra sao?* Những kẻ nào không đức tin, không trì giới, xiển trí, thiếu học, có sự bỏn xẻn mà hội họp, tụ tập, kết giao, gặp gỡ, sùng tín cho đến quá thương kỉnh với người đó, cả thân tâm chiều theo người đó. Dù thế nào đây gọi là ác hữu *(pāpamittatā).*

**853.**

- ***Người dễ dạy*** *(dị giáo) trong khi có ra sao?* Thái độ của người dễ nói, dễ dạy, dễ sửa, lập trường không chống đối, không biện bác phản đối, có dung hòa, đang nhận thấy theo, có sự cung kỉnh, dễ nghe lời dạy không khi nào bị nhắc bằng pháp tự chế. Dù thế nào đây gọi là dị giáo *(sovacassata).*

- ***Người có thiện hữu*** *ra sao?* Người nào là bậc có đức tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ mà hiệp hội, tụ tập, kết giao, tìm gặp gỡ, sùng tín, cho đến quá thương kỉnh, tin cậy với người đó và đem thân tâm chiều chuộng theo người đó. Dù thế nào đây gọi là người có thiện hữu *(kalvāṇamittatā).*

**854.**

- ***Tri quá** ra sao?* Sai với ngũ thiên thất tụ (luật) gọi là phạm, người có trí hiểu rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến, làm nhân rành rẽ sự sai phạm của mỗi tất cả. Dù thế nào đây gọi là tri quá *(āpattikusalatā).*

- ***Tri ly quá** là chi?* Người có trí, thái độ biết rành… sự không mê mờ, có cách trạch pháp do chánh kiến làm nhân biết rành xuất những tội ấy. Dù thế nào đây gọi là tri ly quá *(āpatti-vuṭṭhānakusalatā).*

**855.**

- ***Rành nhập thiền** ra sao?* Nhập thiền có tầm tứ, nhập thiền không tầm còn tứ và nhập thiền không tầm không tứ, phải là người có trí, thái độ hiểu rành… sự không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân biết rành cách nhập thiền trong các cách nhập đó. Dù thế nào đây gọi là rành nhập thiền *(samāpattikusalatā).*

- ***Tri xuất thiền** ra sao?* Sáng kiến biết rành… sự không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân rành những cách xuất thiền. Dù thế nào, đây gọi là tri xuất thiền *(samāpatti-vuṭṭhānakusalatā).*

**856.**

- ***Rành thập bát giới** ra sao?* Thập bát giới là: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới.

  Trí tuệ hiểu rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân hiểu rành tất cả giới. Dù thế nào, đây gọi là rành thập bát giới *(dhātukusalatā).*

- ***Hiểu rành tác ý khéo** ra sao?* Trí tuệ, thái độ biết rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân, hiểu rành trong cách xét rõ những giới. Dù thế nào đây gọi là hiểu rành tác ý khéo *(manasikāra kusalatā).*

**857.**

- ***Hiểu rành xứ** ra sao?*

  Thập nhị xứ là: Nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

  Trí tuệ, thái độ biết rành… sự không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân biết rành tất cả xứ. Dù thế nào đây gọi là hiểu rành xứ *(āyatana kusalatā).*

- ***Hiểu rành y tương sinh** ra sao?* Y tương sanh là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sanh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử, sầu, khóc, khổ, ưu, ai. Tất cả khổ sanh ra đều do như thế này, bậc trí tuệ có sự biết rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến, rành y tương sinh. Dù thế nào đây gọi là hiểu rành y tương sinh *(paṭiccasamupāda kusalatā).*

**858.**

- ***Hiểu rành vị trí** ra sao?* Những pháp làm duyên trợ cho pháp khác sanh, các trạng thái ấy gọi là vị trí *(thāna)*. Bậc trí tuệ có thái độ hiểu rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến, rành vị trí. Dù thế nào đây gọi là hiểu rành vị trí *(thānakusalatā).*

- ***Rành phi vị trí** ra sao?* Những pháp không phải làm duyên trợ cho pháp khác sanh ra. Những trạng thái ấy gọi là phi vị trí. Bậc trí tuệ có thái độ hiểu rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến, rành phi vị trí. Dù thế nào đây gọi là rành phi vị trí *(aṭṭhāna kusalatā).*

**859.**

- ***Chánh trực** trong khi có ra sao?* Sự chơn thật không cong, không vạy vọ, không xảo trá, không quỷ quyệt. Dù thế nào đây gọi là chánh trực *(ājjavo).*
- ***Nhu nhược** trong khi có ra sao?* Sự mềm dịu, sự nhu hòa, không can cường, không cường ngạnh, tâm khiêm nhượng. Dù thế nào đây gọi là nhu nhược *(maddavo).*

**860.**

- ***Nhẫn nại** trong khi có ra sao?* Sự nhịn nhục, thái độ nhịn nhục, tự đè nén, cách không dữ dằn, miệng không ác xấu, tâm hoan hỷ. Dù thế nào đây gọi là nhẫn nại *(khanti).*
- ***Nghiêm tịnh** trong khi có ra sao?* Không hiện thô thân, không quá lời thô lỗ, không phát hiện thân tâm thô ác. Dù thế nào đây gọi là nghiêm tịnh *(soraccaṃ).*

**861.**

- ***Cam ngôn mỹ từ** trong khi có ra sao?* Chừa những lời nói nào gai góc, gút mắt, gay gắt, xiên xỏ người khác để làm cho giận hờn không yên ổn, chỉ nói những lời không lỗi, thích tai, vừa lòng, danh từ nhiều người trong xứ ưa thích, nói những cách ấy lời suốt thao thao không thô lỗ, thành người cam ngôn mỹ từ. Dù thế nào đây gọi là cam ngôn mỹ từ *(sākhalyaṃ).*
- ***Tiếp đãi** trong khi có ra sao?* Tiếp đãi có hai cách: Một là tiếp đãi vật chất, hai là tiếp đãi pháp. Cũng có người trong đời này thành người tiếp đãi, hoặc tiếp đãi bằng vật chất, hoặc tiếp đãi bằng pháp. Theo đây gọi là tiếp đãi *(patisantharo).*

**862.**

- ***Người không thu thúc lục môn quyền** ra sao?*

  Có người trong đời này hoặc thấy sắc bằng con mắt rồi chấp tướng, chấp theo hình thể, cho nên những tội ác tham, sân, si mới chi phối những người không thu thúc nhãn quyền ấy, do vì không thu thúc nhãn quyền mới không tu tập để thu thúc nhãn quyền, chẳng gìn giữ nhãn quyền, do đó mới không đặng gọi là thu thúc nhãn quyền.

  Nghe tiếng bằng lỗ tai… ngửi hơi bằng mũi… nếm vị bằng lưỡi… đụng chạm cảnh xúc bằng thân… biết cảnh pháp bằng tâm… rồi chấp theo tướng, chấp theo hình thức nên những tội ác tham, sân, si mới chi phối những người không thu thúc ý quyền ấy. Cũng do không thu thúc ý quyền, chẳng thực hành để thu thúc ý quyền, không gìn giữ ý quyền mới không thành tựu thu thúc ý quyền vậy.

  Sự không bảo hộ, cách không bảo hộ, thái độ không bảo hộ, cách không thu thúc lục quyền như thế. Đây gọi là người không thu thúc lục môn quyền *(indriyesu aguttadvāratā).*
- ***Người không độ lượng vật thực** ra sao?* Có người trong đời này tác ý không khéo cho rằng ăn vật thực để chơi bời, để mê mẩn, để cho có sắc đẹp, đặng mập mạp. Như thế là

người không tri túc, không biết độ thực, chẳng khéo suy xét với vật thực. Như thế gọi là người không độ lượng vật thực *(bhojame amattaññutā).*

**863.**

- ***Người thu thúc lục môn quyền*** *ra sao?*

  Cũng có người trong đời này thấy sắc bằng con mắt rồi không chấp tướng, không chấp theo hình thể, cho nên những tội ác tham, sân, si không bị chi phối. Những người thu thúc nhãn quyền ấy, do nhờ thu thúc nhãn quyền mới tu tập để thu thúc nhãn quyền, gìn giữ nhãn quyền đó mới thành tựu người thu thúc nhãn quyền.

  Đặng nghe tiếng bằng tai… ngửi hơi bằng mũi… nếm vị bằng lưỡi… đụng cảnh xúc bằng thân… biết cảnh pháp bằng tâm, rồi không chấp theo tướng, không chấp theo hình thể, cho nên những tội ác tham, sân si không chi phối những người thu thúc ý quyền ấy. Cũng do nhờ thu thúc ý quyền rồi giữ gìn ý quyền mới thành tựu cách thu thúc ý quyền. Sự bảo hộ, cách bảo hộ, thái độ bảo hộ, cách thu thúc lục môn quyền như thế. Đây gọi là người thu thúc lục môn quyền *(indriyesu guttadvaratā).*

- ***Người tri độ thực*** *ra sao?* Có người trong đời này suy xét khéo léo cho rằng vật thực ăn chẳng phải để chơi, ăn chẳng phải để say mê, ăn chẳng phải để trau dồi sắc đẹp, ăn chẳng phải để giúp cho mập mạp, mà chỉ cần ăn để sống hầu còn sanh mạng, (ta) ăn để hạn chế sự đói trợ phạm hạnh, do nhờ phương tiện này (ta) sẽ hạn chế sự chịu khổ từng đói và không chịu khổ mới sẽ đặng sống vững vàng tạo sự không có lỗi và nhờ đó mà có cách sống an vui sẽ có đến cho ta, suy nghĩ như thế rồi mới độ vật thực. Sự tri túc, sự tri độ thực, cách suy xét trong vật thực đó. Dù thế nào đây gọi là người tri độ thực *(bhojane mattaññutā).*

**864.**

- ***Thất niệm*** *trong khi có ra sao?* Sự nhớ không đặng, phụ niệm không đặng, không nhớ lại, nhớ ghi không đặng, cử chỉ nhớ không đặng, sự lướt đời, sự lẫn lộn. Dù thế nào đây gọi là thất niệm *(mutthasacca).*

- ***Quên mình*** *trong khi có ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như then chốt đóng, si là căn bất thiện. Dù thế nào đây gọi là quên mình *(asampajjañña).*

**865.**

- ***Chánh niệm*** *trong khi có ra sao?* Chánh niệm, phụ niệm, nhớ lại, nhớ đặng, thái độ nhớ đặng, sự vẫn nhớ, không lướt đời, sự không quên, cũng gọi là niệm, niệm quyền, niệm lực, chánh niệm. Đây gọi là chánh niệm.

- ***Lương tri*** *trong khi có ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê, cách không mê, cách trạch pháp và chánh kiến. Đây gọi là lương tri *(sampajjañña).*

**866.**

- ***Sức kiểm lại*** *là chi?* Trí tuệ, thái độ biết rõ… sự không mê mờ, sự trạch pháp và chánh kiến. Đây gọi là sức kiểm lại *(paṭisankhānabalam).*

- ***Tu tiến lực*** *là chi?* Cách giao dịch, cách tu tiến, cách làm cho nhiều những pháp thiện. Đây gọi là tu tiến lực *(bhavanabalam).*

**867.**

- ***Chỉ** trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… chánh định. Đây gọi là chỉ *(samatha).*
- ***Quán** trong khi có ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, sự trạch pháp và chánh kiến. Đây gọi là quán *(vipassanā).*

**868.**

- ***Ấn chứng chỉ** trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… chánh định. Đây gọi là ấn chứng chỉ *(samatha nimitta).*
- ***Ấn chứng tinh tấn** trong khi có ra sao?* Cách mở mối cho tâm tinh tấn… chánh tinh tấn. Đây gọi là ấn chứng tinh tấn *(paggāhanimitta).*

**869.**

- ***Chiếu cố** trong khi có ra sao?* Cách mở mối cho tâm tinh tấn… chánh tinh tấn. Đây gọi là chiếu cố *(paggāho).*
- ***Vô phóng dật** trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… chánh định. Đây gọi là vô phóng dật *(avikkhepo).*

**870.**

- ***Giới trụy** là chi?* Thân phạm, khẩu phạm hay thân và khẩu phạm. Những cách như thế gọi là giới trụy *(sīlavipatti).*

  Dù khuyết những giới nào đều sắp về giới trụy *(sīlavipatti).*

- ***Kiến trụy** là chi?* Như là nhận thấy rằng bố thí rồi không có quả phước, cúng dường rồi cũng không có quả phước, sự cúng cầu Thần Thánh chư thiên đều không có quả phước. Quả của nghiệp làm tốt đặng tốt, quả của nghiệp làm xấu bị xấu cũng không có. Đời này không có, đời khác cũng không có. Cha không phải là cha, mẹ không phải là mẹ. Chúng sanh chết và hóa sanh cũng chẳng có. Sa-môn, Bà-la-môn thực hành tốt đẹp chơn chánh phạm hạnh trong đời cũng không có. Sa-môn, Bà-la-môn tu hành đặng biết rõ đời này và đời khác bằng cách tu tuệ cao rồi tuyên bố cho người khác biết cũng không có trong đời. Dù nhận thấy bằng cách sai lạc, bằng cách thiên kiến… chấp theo dị đoan. Những cách như thế gọi là kiến trụy *(diṭṭhivipatti).*

  Tất cả tà kiến đều sắp về kiến trụy *(diṭṭhivipatti).*

**871.**

- ***Mãn túc giới** trong khi có ra sao?* Thân không phạm, khẩu không phạm, thân và khẩu không phạm. Đây gọi là mãn túc giới *(sīlasampadā).*

  Giới thu thúc tất cả gọi là mãn túc giới *(sīlasampadā).*

- ***Mãn túc kiến** trong khi có ra sao?* Sự nhận thấy rằng người bố thí vẫn có quả phúc, cách cúng dường vẫn có quả phước, sự cúng cầu Thần Thánh chư thiên đều có quả phước. Nghiệp làm tốt hay xấu đều có kết quả. Đời này vẫn có, đời khác cũng có. Cha thật là cha, mẹ thật là mẹ. Chúng sanh chết và hóa sanh vẫn có. Sa-môn, Bà-la-môn thực hành phạm hạnh chơn chánh tốt đẹp vẫn có trong đời này và đời khác bằng tự trí tuệ cao siêu rồi bố cáo cho người khác biết vẫn có trong đời. Bậc trí tuệ có cách hiểu rõ… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến. Những trạng thái như thế gọi là mãn túc kiến *(diṭṭhisampadā).*

Tất cả chánh kiến đều sắp thành mãn túc kiến *(ditthisampada).*

**872.**

- ***Tịnh giới*** *trong khi có ra sao?* Thân không phạm, khẩu không phạm, thân và khẩu đều không phạm. Đây gọi là tịnh giới *(sīlavisuddhi).*

  Tất cả giới thu thúc đều sắp là tịnh giới *(sīlavisuddhi).*

- ***Tịnh kiến*** *trong khi có ra sao?* Tuệ tri tự nghiệp, tuệ thuận tùng đế, tuệ đạo và tuệ quả (siêu thế).

**873.**

- Câu nói: *"tịnh kiến"* có giải như vầy: tuệ, cách hiểu rõ… sự không mê mờ, cách trạch pháp và chánh kiến.
- Câu nói: "*Sự tinh tấn của người có đủ tri kiến trong sạch đó*" có giải như vầy: Cách mở mối cho tâm tinh tấn… chánh tinh tấn.

**874.**

- Câu nói: "*Sự thê thảm tâm đó*" có giải như vầy: Tuệ thấy cái sanh bằng lối hoạn họa, tuệ thấy cái già bằng lối hoạn họa, tuệ thấy cái đau bằng lối hoạn họa, tuệ thấy cái chết bằng lối hoạn họa.
- Câu nói: "*Sở y thê thảm của tâm*" có giải như vầy: Tức là sanh, lão, bệnh, tử.
- Câu nói: "*Sự đã khéo tinh tấn của người có tâm thê thảm*" có giải như vầy: Phíc khú trong Tông giáo này vẫn bảo vệ tâm vững vàng, ưa thích.

  Muốn cho trừ cần phát sanh hầu tuyệt trừ những tội ác đã từng sanh.
  Muốn cho thận cần phát sanh hầu ngăn ngừa những pháp tội ác chưa từng sanh không đặng sanh.
  Muốn cho tu cần phát sanh hầu trau dồi những pháp thiện chưa từng sanh đặng sanh.
  Muốn cho bảo cần phát sanh hầu duy trì những pháp thiện đã từng sanh càng tăng thêm không giảm bớt, tiến hóa đầy đủ rộng rãi.

**875.**

- Câu nói: "*Sự không biết no trong pháp thiện*" có giải như vầy: cách càng rất ưa thích của người không biết no trong sự tu tiến tất cả pháp thiện.
- Câu nói: "*Không lui sụt tinh tấn*" có giải như vầy: thái độ cung kỉnh, hành vi liên lạc, làm không nghĩ ngợi, phẩm hạnh không giảm thiểu, chẳng bỏ sự thích hợp, không tránh phận sự tư cách kết giao, sự tiến triển càng làm nhiều hầu tu tiến tất cả pháp thiện.

**876.**

Tiếng gọi minh có giải như vầy: Tam minh tức là túc mạng minh, sanh tử minh và lậu tận minh.

Câu nói: "*Giải thoát*" có giải như vầy: Nhị giải thoát là sự rảnh rang của tâm (bát thiền) và níp-bàn.

**877.**

Câu nói "*tuệ trong phần tuyệt*" tức là tuệ đạo.

Câu nói "*Tuệ sanh theo*" tức là tuệ đang hiệp với quả siêu thế.

*Dứt nhị đề kinh và dứt tập toát yếu (nikkhepakanda)*.

---

## Phần E. THIÊN TRÍCH YẾU ĐẦU ĐỀ TAM VÀ ĐẦU ĐỀ NHỊ

## I. ĐẦU ĐỀ TAM

**878.**

- *Chư pháp* ***thiện*** *trong khi có ra sao?* Thiện trong 4 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thiện *(kusalā dhammā).*
- *Chư pháp* ***bất thiện*** *trong khi có ra sao?* 12 tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất thiện.
- *Chư pháp* ***vô ký*** *trong khi có ra sao?* Dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố *(kiriyā)* trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô ký.

**879.**

- *Chư pháp* ***tương ưng lạc thọ*** *ra sao?* Tâm đồng sanh với lạc thọ, 4 thứ tâm thiện Dục giới, 4 thứ tâm bất thiện, tâm dị thục quả thiện Dục giới và tâm tố mỗi phần 5 thứ. Ba bậc thiền hoặc 4 bậc thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố *(kiriyā).* Ba bậc thiền hoặc 4 bậc thiền siêu thế thiện và dị thục quả trừ lạc đồng sanh với những tâm này. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lạc thọ.
- *Chư pháp* ***tương ưng khổ thọ*** *ra sao?* Tâm đồng sanh với ưu thọ: 2 thứ và thân thức đồng sanh với khổ thọ mà trừ khổ thọ đồng sanh với tâm ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng khổ thọ.
- *Chư pháp* ***đồng sanh với phi khổ phi lạc thọ*** *ra sao?* Tâm đồng sanh với xả thọ: Thiện Dục giới 4 thứ, bất thiện 6 thứ, dị thục quả thiện Dục giới 10 thứ, dị thục quả bất thiện 6 thứ, tâm tố *(kiriyā)* 6 thứ; tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; 4 thứ tâm thiện, dị thục quả và tố Vô sắc giới; tứ thiền siêu thế: Thiện và quả mà trừ ra phi khổ phi lạc thọ sanh với những tâm ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với phi khổ phi lạc thọ.

  Cả 3 thọ, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này không thể gọi là pháp tương ưng lạc thọ, pháp tương ưng khổ thọ và pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ.

**880.**

- *Chư pháp* ***dị thục quả*** *trong khi có ra sao?* Tâm dị thục quả trong 4 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp dị thục quả.
- *Chư pháp* ***dị thục nhân*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện và thiện trong 4 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp dị thục nhân.
- *Chư pháp* ***phi dị thục quả phi dị thục nhân*** *ra sao?* Tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân.

**881.**

- *Chư pháp* ***thành do thủ và cảnh thủ*** *ra sao?* Tâm dị thục quả trong 3 cõi và sắc nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thành do thủ và cảnh thủ.
- *Chư pháp* ***phi thành do thủ mà cảnh thủ*** *ra sao?* Bất thiện và thiện trong 3 cõi, vô ký tố trong 3 cõi và sắc phi nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ.

- *Chư pháp* **phi thành do thủ và phi cảnh thủ** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thành do thủ và phi cảnh thủ.

**882.**

- *Chư pháp* **phiền toái và cảnh phiền não** *ra sao?* 12 tâm bất thiện sanh ra. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái và cảnh phiền não.
- *Chư pháp* **phi phiền toái mà cảnh phiền não** *ra sao?* Tâm thiện trong 3 cõi, tâm dị thục quả trong 3 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái mà cảnh phiền não.
- *Chư pháp* **phi phiền toái và phi cảnh phiền não** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái và phi cảnh phiền não.

**883.**

- *Chư pháp* **hữu tầm hữu tứ** *trong khi có ra sao?* Bất thiện và thiện Dục giới, 11 tâm quả thiện Dục giới, 2 tâm quả bất thiện, 11 tâm tố *(kirayā);* sơ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; sơ thiền siêu thế: Thiện, dị thục quả (trừ tầm và tứ sanh trong những tâm ấy). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tầm hữu tứ.
- *Chư pháp* **vô tầm hữu tứ** *ra sao?* Nhị thiền Sắc giới sắp theo 5 bậc: Thiện, dị thục quả và tố. Nhị thiền siêu thế sắp theo 5 bậc: Thiện và dị thục quả (trừ tứ) trong những tâm sanh ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm hữu tứ.
- *Chư pháp* **vô tầm vô tứ** *trong khi có ra sao?* Ngũ song thức, thiện, dị thục quả và tâm tố tam thiền Sắc giới sắp lên; thiện, dị thục quả và tố Vô sắc giới; thiện, dị thục quả siêu thế tam thiền sắp lên, sắc pháp, níp-bàn và lấy lại tứ trong nhị thiền nếu sắp theo 5 bậc.

  Tứ trong nhị thiền sắp theo 5 bậc; tứ sanh với tầm không thể nói hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ cũng không thể nói đặng.

**884.**

- *Chư pháp* **đồng sanh với pháp hỷ** *ra sao?* Tâm đồng sanh với hỷ thọ, 4 tâm thiện Dục giới, 4 tâm bất thiện, 5 tâm quả thiện Dục giới, 5 tâm tố. Thiền 2 bậc hoặc 3 bậc thiện, dị thục quả và tố Sắc giới. Thiền 2 bậc hoặc 3 bậc thiện và dị thục quả siêu thế (trừ pháp hỷ sanh chung với những tâm ấy). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với pháp hỷ.
- *Chư pháp* **đồng sanh với lạc thọ** *ra sao?* Tâm đồng sanh với lạc thọ: 4 thứ tâm thiện Dục giới, 4 thứ tâm bất thiện, tâm dị thục quả thiện Dục giới và tâm tố (mỗi phần 5 thứ), 3 bậc hoặc 4 bậc thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố. 3 bậc hoặc 4 bậc thiền siêu thế, thiện, dị thục quả (trừ lạc đồng sanh với những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với lạc thọ.
- *Chư pháp* **đồng sanh với xả thọ** *ra sao?* Tâm đồng sanh với xả thọ:

  Thiện Dục giới 4 thứ, bất thiện 6 thứ, dị thục quả thiện Dục giới 10 thứ, dị thục quả bất thiện 6 thứ, tâm tố 6 thứ.
  Tứ thiền thiện, dị thục quả và tố sắc giới.
  4 thứ tâm thiện, dị thục quả và tố Vô sắc giới.
  Tứ thiền siêu thế thiện và dị thục quả trừ phi khổ phi lạc thọ sanh với những tâm ấy.

Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với xả thọ.

Pháp hỷ không đồng sanh với pháp hỷ mà đồng sanh với hỷ thọ chớ không đồng sanh với xả thọ.

Lạc thọ không đồng sanh với lạc thọ mà đồng sanh với pháp hỷ và xả thọ cũng không đồng sanh với pháp hỷ.

Hai thứ tâm đồng sanh với ưu thọ, thân thức đồng sanh với khổ thọ, xả thọ, sắc pháp và níp-bàn. Những pháp này không thể nói đồng sanh với lạc thọ và cũng không thể nói đồng sanh với xả thọ.

**885.**

- *Chư pháp **sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* 4 thứ tâm sanh tương ưng với tà kiến và tâm đồng sanh với hoài nghi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.
- *Chư pháp **ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?* Tâm đồng sanh với phóng dật; còn những 4 tâm tham bất tương ưng, 2 tâm sân và 2 tâm đồng sanh ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và sơ đạo cũng tuyệt trừ.
- *Chư pháp **sơ đạo và ba đạo cao không tuyệt trừ** ra sao?* Thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo và ba đạo cao không tuyệt trừ.

**886.**

- *Chư pháp **hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* 4 thứ tâm tương ưng tà kiến, tâm đồng sanh với hoài nghi (trừ si hiệp với tâm si ấy). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.
- *Chư pháp **hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?*

  Tâm đồng sanh với phóng dật (trừ si). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

  4 tâm tham bất tương ưng, 2 tâm sân đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
- *Chư pháp **phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Si đồng sanh với hoài nghi, si đồng sanh với phóng dật, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.

**887.**

- *Chư pháp **nhân sanh tử** ra sao?* Bất thiện và thiện trong 3 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân sanh tử.
- *Chư pháp **nhân đến níp-bàn** ra sao?* 4 đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân đến níp-bàn.
- *Chư pháp **phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn** ra sao?* Vô ký tố trong 3 cõi, dị thục quả trong 4 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn.

**888.**

- *Chư pháp* ***hữu học*** *trong khi có ra sao?* 4 đạo và 3 quả siêu thế thông thường (thấp). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu học.
- *Chư pháp* ***vô học*** *ra sao?* Quả cao tột và A-la-hán quả. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô học.
- *Chư pháp* ***phi hữu học phi vô học*** *ra sao?* Tâm bất thiện, thiện, vô ký tố và dị thục quả trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu học phi vô học.

**889.**

- *Chư pháp* ***hy thiểu*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện, thiện, dị thục quả, vô ký tố *(kiriyā)* trong cõi Dục giới và sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hy thiểu *(parittā dhammā).*
- *Chư pháp* ***đáo đại*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp vô ký trong Sắc giới và Vô sắc giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đáo đại *(mahaggata dhammā).*
- *Chư pháp* ***vô lượng*** *trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô lượng *(appamaṇā dhammā).*

**890.**

- *Chư pháp* ***biết cảnh hy thiểu*** *ra sao?* Tất cả tâm, dị thục quả Dục giới, tâm tố ý giới, tâm tố vô nhân và ý thức giới mà đồng sanh với hỷ thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hy thiểu *(parittarammana).*
- *Chư pháp* ***biết cảnh đáo đại*** *trong khi có ra sao?* Tâm Thức vô biên xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇā dhammā).*
- *Chư pháp* ***biết cảnh vô lượng*** *trong khi có ra sao?* 4 đạo và 4 quả siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh vô lượng.

  4 tâm thiện Dục giới bất tương ưng trí, 4 tâm tố *(kiriyā)* Dục giới bất tương ưng trí, tất cả tâm bất thiện. Những chơn tướng như này gọi là chư pháp biết cảnh hy thiểu cũng có, biết cảnh đáo đại cũng có, mà không biết cảnh vô lượng nên không thể nói biết cảnh hy thiểu hay biết cảnh đáo đại.

  4 tâm thiện Dục giới tương ưng với trí, và 4 tâm tố Dục giới tương ưng với trí. Tứ thiền Sắc giới: Thiện và tố, tâm tố vô nhân ý thức giới đồng sanh với xả thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hy thiểu cũng có, biết cảnh đáo đại cũng có, biết cảnh vô lượng cũng có, mà không thể nói biết cảnh hy thiểu, biết cảnh đáo đại và biết cảnh vô lượng.

  Thiền Sắc giới 3 hoặc 4 bậc: Thiện, dị thục quả và tố. Tứ thiền dị thục quả, tâm Không vô biên xứ và Vô sở hữu xứ. Những chơn tướng này không thể nói: Biết cảnh hy thiểu, biết cảnh đáo đại hay biết cảnh vô lượng.

  Sắc pháp và níp-bàn đều là không biết cảnh.

**891.**

- *Chư pháp* ***ty hạ*** *trong khi có ra sao?* 12 tâm bất thiện. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ty hạ *(hīnā dhammā)*.
- *Chư pháp* ***trung bình*** *trong khi có ra sao?* Tâm vô ký tố, thiện và dị thục quả trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp trung bình *(majjhimā dhammā)*.
- *Chư pháp* ***tinh lương*** *trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tinh lương.

**892.**

- *Chư pháp* ***tà cho quả nhứt định*** *(đời sau liên tiếp) trong khi có ra sao?* 4 tâm sanh tương ưng với tà kiến và 2 tâm đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tà cho quả nhứt định (liên tiếp đời sau).
- *Chư pháp* ***chánh cho quả nhứt định*** *(liên tiếp sát-na) trong khi có ra sao?* 4 đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp chánh cho quả nhứt định (liên tiếp sát-na).
- *Tất cả pháp* ***bất định*** *(ngoài ra 2 phần trên) ra sao?* 4 tâm tham bất tương ưng, tâm đồng sanh với hoài nghi, tâm đồng sanh với phóng dật, tâm vô ký tố, thiện và dị thục quả trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất định (ngoài 2 phần trên).

**893.**

*Chư pháp* ***có đạo là cảnh*** *ra sao?*

4 tâm thiện, 4 tâm tố Dục giới hiện hành tương ưng với trí. Những chơn tướng này thành pháp có đạo là cảnh cũng có, chẳng phải pháp có đạo là nhân, cũng chẳng phải pháp có đạo là trưởng. Nên không trọn nói pháp có đạo là cảnh và cũng không trọn nói là pháp có đạo là trưởng.

4 Thánh đạo chẳng phải pháp có đạo là cảnh, cũng có phần gọi là pháp có đạo là nhân và pháp có đạo là trưởng, thời không nên quyết nói rằng pháp có đạo là trưởng.

Tứ thiền thiện và tâm tố Sắc giới, tâm tố vô nhân ý thức giới đồng sanh xả thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là cảnh, có phần gọi chẳng phải pháp có đạo là nhân, và cũng có phần gọi chẳng phải pháp có đạo là trưởng, nên không quyết gọi là pháp có đạo là cảnh.

4 tâm thiện Dục giới hiện hành bất tương ưng trí, tất cả tâm bất thiện, tất cả tâm dị thục quả Dục giới, 6 tâm tố hiện hành Dục giới. Tam hoặc tứ thiền thiện, dị thục quả và tố. Tứ thiền quả Sắc giới. Tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm tố trong 4 cõi Vô sắc giới và 4 tâm dị thục quả siêu thế. Những chơn tướng này không đặng gọi là chư pháp có đạo là cảnh, không đặng gọi là chư pháp có đạo là nhân, và cũng không đặng gọi là chư pháp có đạo là trưởng.

Còn sắc pháp và níp-bàn là pháp không biết cảnh.

**894.**

*Chư pháp* ***sanh tồn*** *trong khi có ra sao?*

Tâm quả trong 4 cõi và sắc nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là pháp sanh tồn cũng có, gọi là pháp sẽ sanh cũng có, nhưng không đặng gọi là pháp chưa sanh.

Tâm bất thiện và tâm thiện trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi và sắc phi nghiệp. Những chơn tướng này gọi là pháp đã sanh cũng có, gọi là pháp chưa sanh cũng có, mà không đặng gọi là pháp sẽ sanh.

Còn níp-bàn không nên nói: Đã sanh, chưa sanh hay sẽ sanh.

**895.**

Tất cả pháp trừ ra níp-bàn cũng thành quá khứ, cũng thành vị lai, cũng thành hiện tại.

Còn níp-bàn không đặng nói thành quá khứ, vị lai hay hiện tại.

**896.**

- *Chư pháp **biết cảnh quá khứ** là chi?*

Tâm thức vô biên xứ và tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh quá khứ.

Pháp biết cảnh vị lai không có, chỉ quyết phần nào.

- *Chư pháp **biết cảnh hiện tại** ra sao?*

Ngũ song thức và 3 tâm ý giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hiện tại.

10 tâm dị thục quả thiện hiện hành Dục giới, ý thức giới đồng sanh với xả thọ, tâm quả bất thiện, tâm tố ý thức giới vô nhân đồng sanh với hỷ thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cũng biết cảnh quá khứ, cũng biết cảnh vị lai, cũng biết cảnh hiện tại.

Tâm bất thiện, tâm thiện Dục giới, 9 tâm tố hiện hành Dục giới, tâm tứ thiền Sắc giới thiện và tố. Những chơn tướng này cũng biết cảnh quá khứ, vị lai và hiện tại; mà không đặng nói là chư pháp biết cảnh quá khứ, chư pháp biết cảnh vị lai hay chư pháp biết cảnh hiện tại.

Tam hoặc tứ thiền thiện, dị thục quả và tố Sắc giới luôn dị thục quả tứ thiền với tâm Không vô biên xứ, tâm Vô sở hữu xứ, bốn đạo và 4 quả siêu thế. Những chơn tướng này không đặng nói là chư pháp biết cảnh quá khứ, chư pháp biết cảnh vị lai, chư pháp biết cảnh hiện tại.

Còn sắc pháp và níp-bàn thuộc về pháp vô tri (không biết cảnh).

**897.**

Tất cả pháp trừ ra sắc pháp không liên hệ với quyền *(indrīya)* và trừ ra Níp bàn, ngoài ra đó thành pháp nội phần *(ajjhattā dhammā)* cũng có, thành pháp ngoại phần *(bahiddhā dhammā)* cũng có, thành pháp nội phần và ngoại phần *(ajjhattabahidhā)* cũng có.

Còn pháp không liên quan với quyền và níp-bàn đều thuộc về pháp ngoại phần.

**898.**

- *Chư pháp **biết cảnh nội phần** ra sao?* Tức là tâm Thức vô biên xứ và tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh nội phần *(ajjhattārammaṇādhammā).*

- *Chư pháp **biết cảnh ngoại phần** ra sao?*

Tam hoặc tứ thiền: Thiện, dị thục quả và tố cõi Sắc giới. Tứ thiền dị thục quả cõi Sắc giới, tâm Không vô biên, bốn đạo và 4 quả siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh ngoại phần.

Tất cả pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký tố hiện hành cõi Dục giới, tâm tố và thiện tứ thiền Sắc giới trừ ra sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh nội phần cũng có, biết cảnh ngoại phần cũng có, biết cảnh nội và ngoại phần cũng có.

Tâm Vô sở hữu xứ không thể nói biết cảnh nội phần, ngoại phần hay nội và ngoại phần.

Còn sắc pháp và níp-bàn đều thuộc về pháp không biết cảnh.

**899.**

- *Chư pháp **bị thấy và đối chiếu** ra sao?* Chỉ có sắc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bị thấy và đối chiếu.
- *Chư pháp **không bị thấy mà đối chiếu** ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không bị thấy mà đối chiếu.
- *Chư pháp **không bị thấy và không đối chiếu** ra sao?* Tâm bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi. Tâm vô ký tố trong 3 cõi và sắc không thấy không đối chiếu mà liên hệ trong pháp xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không bị thấy và không đối chiếu.

*Dứt phần trích yếu đầu đề tam.*

## II. ĐẦU ĐỀ NHỊ

### 1) Phần tụ nhân.

**900.**

- *Chư pháp **nhân** trong khi có ra sao?* 3 nhân thiện, 3 nhân bất thiện, 3 nhân vô ký; nhân vô tham và nhân vô sân trong 4 cõi; nhân vô si sanh với tâm thiện cả trong 4 cõi mà trừ ra 4 tâm thiện Dục giới bất tương ưng trí. (Sở hữu) Tham đồng sanh với 8 tâm tham, sở hữu sân đồng sanh với 2 tâm sân và sở hữu si đồng sanh với tất cả tâm bất thiện. Nhân vô tham và nhân vô sân sanh với tất cả tâm dị thục quả trong 4 cõi mà trừ ra tâm dị thục quả Dục giới vô nhân. Nhân vô si sanh với tất cả tâm dị thục quả trong 4 cõi mà trừ ra tâm dị thục quả Dục giới vô nhân và cũng trừ ra 4 tâm đại dị thục quả *(mahāvipāla)* bất tương ưng trí. Nhân vô tham và nhân vô sân sanh với tâm tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm tố Dục giới vô nhân. Nhân vô si sanh với tâm tố trong 3 cõi chỉ trừ ra tâm tố Dục giới vô nhân và cũng trừ luôn 4 tâm đại tố *(mahākiriyā)* bất tương ưng trí. Những chơn tướng này gọi là pháp nhân *(hetū dhammā)*.
- *Chư pháp **phi nhân** trong khi có sao?* Chỉ trừ tất cả pháp nhân ra rồi, còn lại pháp bất thiện, tâm thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân.

**901.**

- *Chư pháp **hữu nhân** trong khi có ra sao?* Trừ ra sở hữu si đồng sanh với tâm si hoài nghi, đồng sanh với tâm si phóng dật, còn ngoài ra như là bất thiện, tâm thiện, tâm dị

thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm vô nhân hiện hành và tâm tố Dục giới vô nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân.

- *Chư pháp* ***phi nhân*** *trong khi có sao?* Sở hữu si đồng sanh với tâm si hoài nghi và tâm si phóng dật, ngũ song thức, 3 ý giới, 5 tâm ý thức giới vô nhân, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân.

**902.**

- *Chư pháp* ***tương ưng nhân*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra sở hữu si hiệp với tâm si hoài nghi và tâm si phóng dật, còn lại ngoài ra như là tâm bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm dị thục quả và tâm tố Dục giới vô nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng nhân.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng nhân*** *ra sao?* Sở hữu si đồng sanh với tâm si hoài nghi và tâm si phóng dật, ngũ song thức, 3 ý giới, 5 tâm ý thức giới vô nhân, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng nhân.

**903.**

- *Chư pháp* ***nhân và hữu nhân*** *ra sao?* Những nhân nào đồng sanh với tâm nhị nhân và tam nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân và hữu nhân.
- *Chư pháp* ***hữu nhân mà phi nhân*** *ra sao?*

  Bất thiện, thiện, dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm quả Dục giới vô nhân, tâm tố Dục giới vô nhân và cũng trừ ra tất cả nhân sanh với tất cả tâm đã nói. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân mà phi nhân.

  Tất cả pháp vô nhân không thể gọi pháp nhân và hữu nhân, cũng không thể gọi pháp hữu nhân mà phi nhân.

**904.**

- *Chư pháp* ***hữu nhân và hiệp nhân*** *ra sao?* Những nhân nào đồng sanh với tâm nhị nhân và tam nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân và hiệp nhân.
- *Chư pháp* ***hiệp nhân mà phi nhân*** *ra sao?*

  Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm quả Dục giới vô nhân, tâm tố Dục giới vô nhân và cũng trừ ra tất cả nhân sanh với tất cả tâm đã nói. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp nhân mà phi nhân.

  Pháp bất tương ưng nhân chẳng đặng gọi là pháp nhân và tương ưng nhân, cũng chẳng đặng gọi là pháp tương ưng nhân mà phi nhân.

**905.**

- *Chư pháp* ***phi nhân mà hữu nhân*** *ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm dị thục quả Dục giới vô nhân, tâm tố Dục giới vô nhân và cũng trừ tất cả nhân sanh với tất cả tâm đã nói. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân mà hữu nhân.
- *Chư pháp* ***phi nhân và vô nhân*** *ra sao?*

  Ngũ song thức, 3 tâm ý giới, 5 tâm ý thức giới vô nhân, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân và vô nhân.

Pháp nhân không thể nói là: pháp phi nhân mà hữu nhân, và cũng không thể nói là pháp phi nhân và vô nhân.

*Dứt phần nhân đa (hetugocchaka).*

**2) Phần nhị đề đỉnh (*cūlantara duka*).**

**906.**

- *Chư pháp* ***hữu duyên*** *ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu duyên *(sappaccayā dhammā).*
- *Chư pháp* ***vô duyên*** *trong khi có ra sao?* Níp-bàn. Chơn tướng này gọi là chư pháp vô duyên *(appaccayā dhammā).*

**907.**

- *Chư pháp* ***hữu vi*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu vi *(saṅkhatā dhammā).*
- *Chư pháp* ***vô vi*** *trong khi có ra sao?* Níp-bàn. Chơn tướng này gọi là chư pháp vô vi *(asaṅkhata).*

**908.**

- *Chư pháp* ***bị thấy*** *trong khi có ra sao?* Sắc xứ. Chơn tướng này gọi là chư pháp bị thấy *(sanidassana dhammā).*
- *Chư pháp* ***bất kiến*** *trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ, tâm bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc không thấy và không đối chiếu mà liên quan trong pháp xứ và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất kiến *(anidassanā dhammā).*

**909.**

- *Chư pháp* ***đối chiếu*** *trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đối chiếu *(sappaṭighā dhammā).*
- *Chư pháp* ***không đối chiếu*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc không thấy không đối chiếu mà liên quan trong pháp xứ và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đối chiếu *(appaṭighā dhammā).*

**910.**

- *Chư pháp* ***sắc*** *trong khi có ra sao?* Sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại sung. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sắc *(rūpino dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi sắc*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sắc *(arūpino dhammā).*

**911.**

- *Chư pháp* ***hiệp thế*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 3 cõi, vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp thế *(lokiyā dhammā).*

- *Chư pháp* ***siêu thế*** *trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp siêu thế *(lokuttarā dhammā).*

**912.**

Tất cả pháp cũng thuộc về pháp cũng có tâm biết, cũng thuộc về pháp có tâm không biết.

### 3) Phần chùm lậu (*ogha gocchaka*).

**913.**

- *Chư pháp* ***lậu*** *trong khi có ra sao?* Tứ lậu là: Dục lậu, hữu lậu, tà kiến lậu, vô minh lậu.
  Dục lậu đồng sanh với 8 tâm tham hiện hành.
  Hữu lậu đồng sanh với 4 tâm tham hiện hành bất tương ưng tà kiến.
  Tà kiến lậu đồng sanh với 4 tâm tham tương ưng tà kiến hiện hành.
  Vô minh lậu phát sanh trong tất cả tâm bất thiện.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu *(āsavā dhammā).*

- *Chư pháp* ***phi lậu*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp lậu còn bất thiện ngoài ra, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi lậu *(no āsavā dhammā).*

**914.**

- *Chư pháp* ***cảnh lậu*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh lậu.

- *Chư pháp* ***phi cảnh lậu*** *trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh lậu.

**915.**

- *Chư pháp* ***tương ưng lậu*** *ra sao?* Trừ ra sở hữu si đồng sanh với 2 tâm sân, si đồng sanh với hoài nghi, và si đồng sanh với phóng dật. Còn những pháp bất thiện hiện hành mà ngoài ra đó gọi là chư pháp tương ưng lậu.

- *Chư pháp* ***bất tương ưng lậu*** *trong khi có ra sao?* Si đồng sanh với 2 tâm sân, si đồng sanh với hoài nghi, si đồng sanh với phóng dật, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng lậu.

**916.**

- *Chư pháp* ***lậu và cảnh lậu*** *ra sao?* Tức là pháp lậu. Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu và cảnh lậu.

- *Chư pháp* ***cảnh lậu mà phi lậu*** *ra sao?*

  Bất thiện ngoài ra lậu, vô ký tố, thiện và dị thục quả trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh lậu mà phi lậu.

Pháp không thành cảnh của lậu sẽ nói là pháp lậu và cảnh lậu không đặng và nói là pháp cảnh lậu mà phi lậu cũng không đặng.

**917.**

- *Chư pháp* ***lậu và tương ưng lậu*** *ra sao?* Những pháp lậu nào đồng sanh chung với 2 hoặc 3 tâm hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu và tương ưng lậu *(āsavā ceva āsavasampayuttā ca)*.
- *Chư pháp* ***tương ưng lậu mà phi lậu*** *ra sao?* Bất thiện ngoài ra lậu. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lậu mà phi lậu.

  "Pháp bất tương ưng lậu" sẽ nói là pháp lậu tương ưng lậu không đặng và nói là pháp tương ưng lậu mà phi lậu cũng không đặng.

**918.**

- *Chư pháp* ***tương ưng lậu mà cảnh lậu*** *ra sao?* Si đồng sanh với 2 tâm sân, si đồng sanh với hoài nghi, si đồng sanh với phóng dật; vô ký tố, thiện trong 3 cõi và sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lậu mà cảnh lậu.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu.

  "Pháp tương ưng lậu" sẽ nói là pháp bất tương ưng lậu mà cảnh lậu không đặng và nói pháp bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu cũng không đặng.

### 4) Phần chùm triền (*saṃyojanagocchaka*).

**919.**

- *Chư pháp* ***triền*** *trong khi có ra sao?* Thập triền tức là dục ái triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, giới cấm thủ triền, hữu ái triền, tật đố triền, lận sắt triền và vô minh triền:
  Dục ái triền đồng sanh với 8 tâm tham hiện hành.
  Phẫn nhuế triền đồng sanh với 2 tâm ưu thọ hiện hành.
  Ngã mạn triền đồng sanh với 4 tâm tham bất tương ưng tà kiến hiện hành.
  Tà kiến triền đồng sanh với 4 tâm tham tương ưng tà kiến hiện hành.
  Hoài nghi triền đồng sanh với tâm si hoài nghi hiện hành.
  Giới cấm thủ triền đồng sanh với 4 tâm tham tương ưng tà kiến hiện hành.
  Hữu ái triền đồng sanh với 4 tâm tham bất tương ưng tà kiến hiện hành.
  Tật đố triền và lận sắt triền đồng sanh với 2 tâm hiện hành đồng sanh ưu thọ.
  Vô minh triền đồng sanh với tất cả tâm bất thiện.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền.
- *Chư pháp* ***phi triền*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra tất cả triền, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi triền.

**920.**

- *Chư pháp* ***cảnh triền*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh triền *(saññojaniyā).*

- *Chư pháp* ***phi cảnh triền*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh triền.

**921.**

- *Chư pháp* ***tương ưng triền*** *ra sao?* Trừ sở hữu si đồng sanh với tâm si phóng dật, còn bất thiện ngoài ra đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng triền.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng triền*** *ra sao?* Si đồng sanh với tâm si phóng dật, thiện, dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng triền.

**922.**

- *Chư pháp* ***triền và cảnh triền*** *ra sao?* Tức là tất cả pháp triền. Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền và cảnh triền.
- *Chư pháp* ***cảnh triền và phi triền*** *ra sao?* Pháp bất thiện ngoài ra pháp triền, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh triền và phi triền.

  "Pháp phi cảnh triền" nói là "Pháp triền và cảnh triền" không đặng và nói là "Pháp cảnh triền mà phi triền" cũng không đặng.

**923.**

- *Chư pháp* ***triền và tương ưng triền*** *ra sao?* Những pháp triền đồng sanh chung với 2 hoặc 3 tâm hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền tương ưng triền.
- *Chư pháp* ***tương ưng triền mà phi triền*** *ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp triền. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng triền mà phi triền.

  "Pháp bất tương ưng triền" nói là "Pháp triền và tương ưng triền" không đặng và nói là "Pháp tương ưng triền mà phi triền" cũng không đặng.

**924.**

- *Chư pháp* ***ly triền và cảnh triền*** *ra sao?* Si đồng sanh với tâm si phóng dật, thiện, dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly triền và cảnh triền.
- *Chư pháp* ***ly triền và phi cảnh triền*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly triền và phi cảnh triền.

  "Pháp tương ưng triền" nói là "Pháp ly triền mà cảnh triền" không đặng và nói là "Pháp ly triền và phi cảnh triền" cũng không đặng.

### 5) Phần chùm phược (*gantha gocchaka*).

**925.**

- *Chư pháp* ***phược*** *trong khi có ra sao?* Tứ phược là tham ác thân phược, sân độc thân phược, giới cấm thủ thân phược, ngã kiến thân phược:
  Tham ác thân phược đồng sanh với 8 tâm tham hiện hành.
  Sân độc thân phược đồng sanh với 2 tâm hiện hành ưu thọ.

Giới cấm thủ thân phược và ngã kiến thân phược sanh trong 4 tâm hiện hành tương ưng tà kiến.

Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược *(gantha dhammā).*

- *Chư pháp **phi phược** trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp phược, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phược.

**926.**

- *Chư pháp **cảnh phược** trong khi có ra sao?* Thiện, bất thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phược.
- *Chư pháp **phi cảnh phược** trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh phược.

**927.**

- *Chư pháp **tương ưng phược** ra sao?* 4 tâm hiện hành tương ưng với tà kiến, 4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh ưu thọ, trừ phẫn nhuế và trừ tham trong tâm tham bất tương ưng. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phược.
- *Chư pháp **bất tương ưng phược** ra sao?* Tham đồng sanh với 4 tâm tham bất tương ưng tà kiến, phẫn nhuế đồng sanh với 2 tâm ưu thọ; tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi; tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng phược.

**928.**

- *Chư pháp **phược và cảnh phược** ra sao?* Tức là pháp phược. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược và cảnh phược.
- *Chư pháp **cảnh phược mà phi phược** ra sao?* Bất thiện ngoài ra pháp phược; tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phược mà phi phược.

“Pháp phi cảnh phược” gọi là “Pháp phược và cảnh phược” không đặng và gọi là “Pháp cảnh phược mà phi phược” cũng không đặng.

**929.**

- *Chư pháp **phược hiệp với pháp phược** ra sao?* Tâm hiện hành nào mà tà kiến và tham đồng sanh chung với nhau. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược hiệp với pháp phược.
- *Chư pháp **tương ưng phược mà phi phược** ra sao?* 8 tâm hiện hành đồng sanh với tham, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ mà trừ ra những pháp phược trong các tâm hiện hành này rồi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phược mà phi phược.

“Pháp bất tương ưng phược” sẽ nói là “Pháp phược và tương ưng phược” không đặng và nói là “Pháp tương ưng phược mà phi phược” cũng không đặng.

**930.**

- *Chư pháp* ***ly phược mà cảnh phược*** *ra sao?* Tham đồng sanh với 4 tâm tham hiện hành bất tương ưng tà kiến, phẫn nhuế đồng sanh với 2 tâm hiện hành ưu thọ; tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược mà cảnh phược.

- *Chư pháp* ***ly phược và phi cảnh phược*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược và phi cảnh phược.

  "Pháp tương ưng với pháp phược" không thể gọi là "Pháp bất tương ưng mà cảnh phược" và không thể nói là "Pháp bất tương ưng phược và phi cảnh phược".

**931.**

- *Chư pháp* ***bộc*** *trong khi có ra sao? ...*

- *Chư pháp* ***phối*** *trong khi có ra sao? ...*

**6) Phần chùm cái (*nīvaraṇagocchaka*).**

- *Chư pháp* ***cái*** *trong khi có ra sao?* Lục cái là: Dục dục cái, sân độc cái, hôn trầm thùy miên cái, trạo hối cái, hoài nghi cái, vô minh cái:

  Dục dục cái phát khởi trong 8 tâm hiện hành đồng sanh với tham.
  Sân độc cái phát khởi trong 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ.
  Hôn trầm thùy miên cái sanh trong tất cả tâm bất thiện hữu trợ.
  Trạo hối cái phát sanh trong tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật.
  Hối hận cái phát sanh trong 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ.
  Hoài nghi cái phát sanh trong tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi.
  Vô minh cái phát sanh trong tất cả tâm bất thiện.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp cái *(nivaranadhammā).*

- *Chư pháp* ***phi cái*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp cái; tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cái.

**932.**

- *Chư pháp* ***cảnh cái*** *trong khi có ra sao?* Thiện, bất thiện, dị thục quả, vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh cái.

- *Chư pháp* ***phi cảnh cái*** *trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh cái.

**933.**

- *Chư pháp* ***tương ưng cái*** *ra sao?* 12 tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng cái.

- *Chư pháp* ***bất tương ưng cái*** *ra sao?* Tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng cái *(nīvaraṇa vippayutā dhammā)*.

**934.**

- *Chư pháp* ***cái và cảnh cái*** *ra sao?* Tức là pháp cái. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cái và cảnh cái.
- *Chư pháp* ***cảnh cái mà phi cái*** *ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp cái; tâm thiện, dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh cái mà phi cái.

  "Pháp phi cảnh cái" không thể gọi "Pháp cái và cảnh cái" và cũng không thể gọi "Pháp cảnh cái mà phi cái".

**935.**

- *Chư pháp* ***cái tương ưng cái*** *ra sao?* Những pháp cái nào đồng sanh chung trong một cái tâm hiện hành 2 hoặc 3 nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cái tương ưng cái.
- *Chư pháp* ***tương ưng cái mà phi cái*** *ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp cái đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng cái mà phi cái.

  "Pháp tương ưng cái" không thể gọi "Pháp cái và tương ưng cái" và cũng không thể gọi "Pháp tương ưng cái mà phi cái".

**936.**

- *Chư pháp* ***ly cái mà cảnh cái*** *ra sao?* Tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly cái mà cảnh cái.
- *Chư pháp* ***ly cái mà phi cảnh cái*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly cái và phi cảnh cái.

  "Pháp tương ưng cái" không thể nói "Pháp bất tương ưng cái mà cảnh cái" và cũng không thể nói "Pháp ly cái và phi cảnh cái".

### 7) Phần chùm khinh thị (*paramasa gocchaka*).

**937.**

- *Chư pháp* ***khinh thị*** *trong khi có ra sao?* Tà kiến khinh thị phát khởi trong 4 tâm hiện hành tương ưng với tà kiến. Những chơn tướng này gọi là chư pháp khinh thị.
- *Chư pháp* ***phi khinh thị*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra khinh thị; tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi khinh thị *(no parāmāsā)*.

**938.**

- *Chư pháp* ***cảnh khinh thị*** *là chi?* Tâm thiện, bất thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh khinh thị *(paramaṭṭhā dhammā)*.

- *Chư pháp* ***phi cảnh khinh thị*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh khinh thị.

**939.**

- *Chư pháp* ***tương ưng khinh thị*** *ra sao?* 4 tâm hiện hành tương ưng với tà kiến mà trừ ra khinh thị. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng khinh thị.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng khinh thị*** *là chi?* 4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; tâm thiện, tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng khinh thị.

  "Pháp khinh thị" không thể nói là "Pháp tương ưng khinh thị" và cũng không thể nói là "Pháp bất tương ưng khinh thị"

**940.**

- *Chư pháp* ***khinh thị cảnh khinh thị*** *là chi?* Tức là pháp khinh thị. Những chơn tướng này gọi là chư pháp khinh thị cảnh khinh thị.
- *Chư pháp* ***cảnh khinh thị mà phi khinh thị*** *ra sao?* Bất thiện ngoài ra khinh thị; tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh khinh thị mà phi khinh thị.

  "Pháp phi cảnh khinh thị" không thể gọi là "Pháp khinh thị và cảnh khinh thị", cũng không thể gọi là "Pháp cảnh khinh thị mà phi khinh thị".

**941.**

- *Chư pháp* ***ly khinh thị mà cảnh khinh thị*** *ra sao?* 4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly khinh thị mà cảnh khinh thị.
- *Chư pháp* ***ly khinh thị và phi cảnh khinh thị*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly khinh thị và phi cảnh khinh thị.

  "Pháp khinh thị và tương ưng khinh thị" không thể nói "Pháp ly khinh thị mà cảnh khinh thị" và cũng không thể gọi là "Pháp ly khinh thị và phi cảnh khinh thị".

### 8) Phần nhị đề đại (*mahantaraduka*).

**942.**

- *Chư pháp* ***hữu tri cảnh*** *ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tri cảnh.
- *Chư pháp* ***vô tri cảnh*** *ra sao?* Sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tri cảnh *(anārammaṇā dhammā).*

**943.**

- *Chư pháp* ***tâm*** *trong khi có ra sao?* Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý giới và ý thức giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tâm.
- *Chư pháp* ***phi tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi tâm.

**944.**

- *Chư pháp* ***sở hữu tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sở hữu tâm.
- *Chư pháp* ***phi sở hữu tâm*** *trong khi có ra sao?* Tâm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sở hữu tâm.

**945.**

- *Chư pháp* ***tương ưng tâm*** *ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng tâm.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng tâm*** *ra sao?* Sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng tâm.

  Tâm không thể nói "tương ưng với tâm", và cũng không thể nói "bất tương ưng với tâm".

**946.**

- *Chư pháp* ***hòa với tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa với tâm *(cittasaṃsaṭṭhā dhammā).*
- *Chư pháp* ***không hòa với tâm*** *trong khi có ra sao?* Sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa với tâm.

  "Tâm" không thể nói "hòa với tâm" và cũng không thể nói "Không hòa với tâm".

**947.**

- *Chư pháp* ***có tâm làm sở sanh*** *ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri, khẩu biểu tri hoặc những sắc pháp nào khác sanh với tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc, xứ, hư không chất, thủy chất, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc vừa làm việc[11] sắc sanh, sắc thừa kế *(santarirūpa)* và đoàn thực. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có tâm làm sở sanh.
- *Chư pháp* ***không có tâm làm nhân sanh*** *ra sao?* Níp-bàn, tâm và những sắc pháp ngoài ra câu trên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không có tâm làm nhân sanh.

**948.**

- *Chư pháp* ***đồng sanh tồn với tâm*** *ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhuno dhammā).*
- *Chư pháp* ***không đồng sanh tồn với tâm*** *ra sao?* Níp-bàn, tâm và những sắc pháp ngoài ra câu trên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không pháp đồng sanh tồn với tâm.

---

[11] Sắc vừa làm việc còn gọi là sắc thích sự.

**949.**

- *Chư pháp* ***tùng tâm thông lưu*** *ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tùng tâm thông lưu *(cittānuparivattino dhammā).*

- *Chư pháp* ***phi tùng tâm thông lưu*** *ra sao?* Níp-bàn, tâm và những sắc pháp ngoài ra kể trên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi tùng tâm thông lưu.

**950.**

- *Chư pháp* ***hòa với tâm và có tâm làm sở sanh*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānā dhammā).*

- *Chư pháp* ***không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh*** *trong khi có ra sao?* Tâm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh.

**951.**

- *Chư pháp* ***hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānā sahabhuno dhammā).*

- *Chư pháp* ***không hòa, không sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh*** *trong khi có ra sao?* Tâm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa, không sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh.

**952.**

- *Chư pháp* ***có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm*** *trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānā uparivattino dhammā).*

- *Chư pháp* ***không có tâm làm sở sanh, không hòa, không tùng thông lưu với tâm*** *ra sao?* Tâm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không có tâm làm sở sanh, không hòa, không tùng thông lưu với tâm.

**953.**

- *Chư pháp* ***nội*** *là chi?* Nhãn xứ… ý xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nội *(ajjhattikā dhammā).*

- *Chư pháp* ***ngoại*** *là chi?* Sắc xứ… pháp xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ngoại *(bāhirā dhammā).*

**954.**

- *Chư pháp* ***thủ*** *trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ *(upādā dhammā).*

- *Chư pháp* ***phi thủ*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc tứ đại sung và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thủ *(no upādā dhammā).*

**955.**

- *Chư pháp* ***do thủ*** *là chi?* Tâm dị thục quả trong 3 cõi và sắc nghiệp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp do thủ *(upādinnā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi do thủ*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện, thiện và vô ký tố trong 3 cõi, sắc phi nghiệp tạo, 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi do thủ.

**9) Phần chùm thủ (*upādinna gocchaka*).**

**956.**

- *Chư pháp* ***thủ*** *ra sao?* Tứ thủ là: Dục thủ, tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ:

  Dục thủ phát khởi trong 8 tâm đồng sanh với tham.

  Tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ phát khởi trong 4 tâm hiện hành tương ưng với tà kiến. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ.
- *Chư pháp* ***phi thủ*** *trong khi có ra sao?* Những pháp bất thiện ngoài ra, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thủ.

**957.**

- *Chư pháp* ***cảnh thủ*** *ra sao?* Bất thiện, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh thủ.
- *Chư pháp* ***phi cảnh thủ*** *trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh thủ *(anupādāniyā dhammā).*

**958.**

- *Chư pháp* ***tương ưng thủ*** *là chi?* 4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham tương ưng tà kiến, 4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến trừ 4 tâm tham trong bất tương ưng tà kiến. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng thủ.
- *Chư pháp* ***bất tương ưng thủ*** *ra sao?* Sở hữu tham trong 4 tâm tham bất tương ưng, 2 tâm hiện hành đồng sanh ưu thọ, tâm hiện hành đồng sanh hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh phóng dật, tâm thiện, tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng thủ.

**959.**

- *Chư pháp* ***thủ và cảnh thủ*** *ra sao?* Tức là pháp thủ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ và cảnh thủ.
- *Chư pháp* ***cảnh thủ mà phi thủ*** *ra sao?* Bất thiện ngoài ra pháp thủ; tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh thủ mà phi thủ.

  "Pháp phi cảnh thủ" không thể gọi là "Pháp thủ và cảnh thủ", cũng không thể gọi là "Pháp cảnh thủ mà phi thủ".

**960.**

- *Chư pháp* ***thủ và tương ưng thủ*** *ra sao?* Tà kiến và tham dù sanh chung với tâm hiện hành nào. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ và tương ưng thủ.
- *Chư pháp* ***tương ưng thủ mà phi thủ*** *ra sao?* 8 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham mà trừ tất cả thủ sanh trong những tâm hiện hành ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng thủ mà phi thủ.

  "Pháp bất tương ưng thủ" không thể nói là "Pháp thủ và tương ưng thủ", cũng không thể nói là "Pháp tương ưng thủ mà phi thủ".

**961.**

- *Chư pháp* ***ly thủ mà cảnh thủ*** *ra sao?* (Sở hữu) tham phát sanh trong 4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly thủ mà cảnh thủ.
- *Chư pháp* ***ly thủ và phi cảnh thủ*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly thủ và phi cảnh thủ.

  "Pháp tương ưng thủ" không thể gọi "Pháp bất tương ưng thủ mà cảnh thủ" và cũng không thể gọi là "Pháp bất tương ưng thủ và phi cảnh thủ".

### 10) Phần chùm phiền não (*kilesagocchaka*).

**962.**

- *Chư pháp* ***phiền não*** *là chi?* Thập phiền não là: Tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy:
  Tham đồng sanh với 8 tâm tham.
  Sân đồng sanh với 2 tâm ưu thọ.
  Si đồng sanh với tất cả tâm bất thiện.
  Ngã mạn sanh trong 4 tâm tham bất tương ưng.
  Tà kiến sanh trong 4 tâm tham tương ưng tà kiến.
  Hoài nghi sanh trong tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi.
  Hôn trầm sanh trong tâm bất thiện hữu trợ.
  Phóng dật, vô tàm và vô úy sinh trong tất cả tâm bất thiện.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não.
- *Chư pháp* ***phi phiền não*** *trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra những phiền não đó, tâm thiện, dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền não.

**963.**

- *Chư pháp* ***cảnh phiền não*** *là chi?* Bất thiện, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phiền não.
- *Chư pháp* ***phi cảnh phiền não*** *trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh phiền não.

**964.**

- *Chư pháp* ***phiền toái*** *trong khi có ra sao?* 12 tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái *(saṇkiliṭṭhā dhammā).*

- *Chư pháp* ***phi phiền toái*** *trong khi có ra sao?* Thiện, dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái *(asaṅkiliṭṭhā dhammā).*

**965.**

- *Chư pháp* ***tương ưng phiền não*** *là chi?* 12 tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phiền não.

- *Chư pháp* ***bất tương ưng phiền não*** *là chi?* Tâm thiện, dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng phiền não.

**966.**

- *Chư pháp* ***phiền não và cảnh phiền não*** *ra sao?* Tức là pháp phiền não. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não và cảnh phiền não.

- *Chư pháp* ***cảnh phiền não mà phi phiền não*** *ra sao?* Bất thiện ngoài ra tất cả phiền não đó; tâm thiện, tâm dị thục quả, tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phiền não mà phi phiền não.

  "Pháp phi cảnh phiền não" không thể nói là "Pháp phiền não và cảnh phiền não", cũng không đặng nói là "Pháp cảnh phiền não mà phi phiền não".

**967.**

- *Chư pháp* ***phiền não và phiền toái*** *là chi?* Tức là pháp phiền não. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não và phiền toái *(kilesa ceva dhammā saṅkiliṭṭhā ca)*.

- *Chư pháp* ***phiền toái mà phi phiền não*** *là chi?* Pháp bất thiện ngoài ra những phiền não. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái mà phi phiền não.

  "Pháp phiền toái" nói là "Pháp phiền não và phiền toái" không đặng và nói là "Pháp phiền toái mà phi phiền não" cũng không đặng.

**968.**

- *Chư pháp* ***phiền não và tương ưng phiền não*** *ra sao?* Phiền não có 2 hoặc 3 thứ, dù sanh chung với tâm hiện hành nào. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não và tương ưng phiền não.

- *Chư pháp* ***tương ưng phiền não mà phi phiền não*** *ra sao?* Bất thiện trừ ra phiền não. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não.

  "Pháp bất tương ưng phiền não" nếu gọi là "Pháp phiền não và tương ưng phiền não" không đặng và gọi là "Pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não" cũng không đặng.

**969.**

- *Chư pháp* ***ly phiền não mà cảnh phiền não*** *ra sao?* Tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phiền não mà cảnh phiền não.
- *Chư pháp* ***ly phiền não và phi cảnh phiền não*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phiền não và phi cảnh phiền não.

  "Pháp tương ưng phiền não" không thể gọi "Pháp bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não" và cũng không thể gọi là "Pháp bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não".

**11) Phần yêu bối (*pitthi duka*).**

**970.**

- *Chư pháp* ***sơ đạo tuyệt trừ*** *là chi?*

  4 thứ tâm hiện hành tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.

  4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ cũng có, không tuyệt trừ cũng có.
- *Chư pháp* ***phi sơ đạo tuyệt trừ*** *ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật, tâm thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sơ đạo tuyệt trừ.

**971.**

- *Chư pháp* ***ba đạo cao tuyệt trừ*** *ra sao?*

  Tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ.

  4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, không tuyệt trừ cũng có.
- *Chư pháp* ***phi ba đạo cao tuyệt trừ*** *ra sao?* 4 thứ tâm hiện hành tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ.

**972.**

- *Chư pháp* ***hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ*** *ra sao?*

  4 tâm hiện hành đồng sanh với tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi (trừ si sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, chư pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có.

- *Chư pháp* ***phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ*** *ra sao?* (Sở hữu) Si đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật, tâm thiện, dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

**973.**

- *Chư pháp* ***hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ*** *ra sao?*

  Tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật (trừ si sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

  4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, chư pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

- *Chư pháp* ***phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ*** *ra sao?* 4 thứ tâm hiện hành tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, (sở hữu) si đồng sanh với tâm si phóng dật, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

**974.**

- *Chư pháp* ***hữu tầm*** *ra sao?* Tâm bất thiện, tâm thiện Dục giới, 11 thứ tâm dị thục quả thiện Dục giới, 2 thứ tâm quả bất thiện, 11 thứ tâm tố, tâm thiện và dị thục quả sơ thiền siêu thế (trừ tầm sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tầm.

- *Chư pháp* ***vô tầm*** *trong khi có ra sao?* Ngũ song thức, nhị thiền hoặc tam thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố *(kiriyā)*, 4 bực vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố, nhị thiền hoặc tam thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả, tầm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm *(avitakka dhammā).*

**975.**

- *Chư pháp* ***hữu tứ*** *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện, thiện Dục giới, 11 thứ tâm dị thục quả thiện Dục giới, 2 thứ tâm quả bất thiện, 11 thứ tâm tố; sơ thiền hoặc nhị thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố; sơ thiền hoặc nhị thiền siêu thế thiện và dị thục quả (trừ tứ sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tứ *(savicārā dhammā).*

- *Chư pháp* ***vô tứ*** *trong khi có ra sao?* Ngũ song thức, tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; thiền Vô sắc giới thiện, dị thục quả và tố, tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế thiện, dị thục quả; tứ; sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tứ *(avicārā dhammā).*

**976.**

- *Chư pháp* ***hữu hỷ*** *là chi?* Tâm hiện hành đồng sanh với hỷ thọ, 4 thứ tâm bất thiện, 4 thứ tâm thiện Dục giới, 5 thứ tâm dị thục quả thiện Dục giới, 5 thứ tâm tố Dục giới, nhị thiền hoặc tam thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố; nhị thiền hoặc tam thiền siêu thế

thiện, dị thục quả (trừ pháp hỷ sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu hỷ *(sarana dhammā).*

- *Chư pháp* ***vô hỷ*** *là chi?* Tâm hiện hành đồng sanh với xả thọ: 4 thứ tâm thiện Dục giới, 8 thứ tâm bất thiện, 11 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 7 tâm dị thục quả bất thiện, 6 tâm tố Dục giới, tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố; 4 bậc Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tâm tố; tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả; pháp hỷ; sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô hỷ.

**977.**

- *Chư pháp* ***đồng sanh với pháp hỷ*** *ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với hỷ thọ là: 4 thứ tâm bất thiện, 4 tâm thiện Dục giới, 5 tâm tố, 5 tâm dị thục quả thiện Dục giới; nhị thiền hoặc tam thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố; nhị thiền hoặc tam thiền siêu thế thiện, và dị thục quả (trừ hỷ sanh trong những tâm hiện hành này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh pháp hỷ *(pītisahagatā dhammā).*

- *Chư pháp* ***phi đồng sanh với pháp hỷ*** *ra sao?* 4 thứ tâm thiện Dục giới hiện hành đồng sanh với xả thọ, 8 thứ tâm bất thiện, 11 thứ tâm dị thục quả thiện Dục giới, 7 thứ tâm dị thục quả bất thiện, 6 thứ tâm tố; tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới sắp lên: Thiện, dị thục quả và tố; 4 bực Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố; tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế: Thiện, dị thục quả, (pháp) hỷ, sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với pháp hỷ.

**978.**

- *Chư pháp* ***đồng sanh với lạc thọ*** *ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với hỷ thọ, 4 thứ tâm thiện, 4 thứ tâm bất thiện, 6 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 5 tâm tố Dục giới, tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố, tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả (trừ lạc thọ sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với lạc thọ.

- *Chư pháp* ***phi đồng sanh với lạc thọ*** *ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với xả thọ: 4 thứ tâm thiện Dục giới, 8 thứ tâm bất thiện, 10 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 7 tâm dị thục quả bất thiện, 6 tâm tố, tứ thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố, 4 bực Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố; tứ thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả; lạc thọ; sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi đồng sanh với lạc thọ.

**979.**

- *Chư pháp* ***đồng sanh với xả thọ*** *ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với xả thọ: 4 tâm thiện Dục giới, 6 tâm bất thiện, 10 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 6 tâm dị thục quả bất thiện, 6 tâm tố; tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; 4 bực Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố; tứ thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả (trừ xả thọ sanh trong những tâm hiện hành này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với xả thọ.

- *Chư pháp* ***không đồng sanh với xả thọ*** *ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với hỷ thọ: 4 tâm thiện Dục giới, 6 tâm bất thiện, 6 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 1 tâm dị thục quả bất thiện, 5 tâm tố; tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế thiện, dị thục quả; xả thọ; sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với xả thọ.

**980.**

- *Chư pháp* ***Dục giới*** *trong khi có ra sao?* Thiện Dục giới, bất thiện, tâm dị thục quả Dục giới, tâm vô ký tố Dục giới và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Dục giới.
- *Chư pháp* ***phi Dục giới*** *trong khi có ra sao?* Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Dục giới.

**981.**

- *Chư pháp* ***Sắc giới*** *trong khi có ra sao?* 4 hoặc 5 bậc thiền: Thiện, dị thục quả và tố thành ra Sắc giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Sắc giới.
- *Chư pháp* ***phi Sắc giới*** *trong khi có ra sao?* Dục giới, Sắc giới và siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Sắc giới *(na rūpāvacarā dhammā)*

**982.**

- *Chư pháp* ***Vô sắc giới*** *trong khi có ra sao?* 4 bậc Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Vô sắc giới *(arūpāvacarā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi Vô sắc giới*** *trong khi có ra sao?* Dục giới, Sắc giới và siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Vô sắc giới.

**983.**

- *Chư pháp* ***liên quan luân hồi*** *ra sao?* Thiện, bất thiện, dị thục quả và vô ký tố *(kiriyā)* trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp liên quan luân hồi *(pariyāpannā dhammā).*
- *Chư pháp* ***bất liên quan luân hồi*** *ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất liên quan luân hồi *(apariyāpannā dhammā).*

**984.**

- *Chư pháp* ***nhân xuất luân hồi*** *là chi?* 4 đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân xuất luân hồi *(niyyānikā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi nhân xuất luân hồi*** *là chi?* Thiện, bất thiện, vô ký tố trong 3 cõi, dị thục quả trong 4 cõi, sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānikā dhammā).*

**985.**

- *Chư pháp (cho quả)* ***nhất định*** *ra sao?*

  4 thứ tâm hiện hành tương ưng tà kiến, 2 thứ tâm hiện hành đồng sanh ưu thọ. Những chơn tướng này thành pháp nhất định cũng có, thành pháp bất định cũng có.

  4 đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhất định *(niyatā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi*** *(cho quả)* ***nhất định*** *ra sao?* 4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật, tâm thiện và tâm vô ký tố trong 3 cõi, tâm dị thục quả trong 4 cõi, sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi (cho quả) nhất định *(aniyatā dhammā).*

**986.**

- *Chư pháp* **hữu thượng** *là chi?* Tâm thiện, bất thiện, vô ký tố và dị thục quả trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu thượng *(sa uttarā dhammā).*
- *Chư pháp* **vô thượng** *là chi?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô thượng *(anuttarā dhammā).*

**987.**

- *Chư pháp* **hữu y** *trong khi có ra sao?* 12 thứ tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu y *(saranā dhammā).*
- *Chư pháp* **vô y** *trong khi có ra sao?* Tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô y *(araṇā dhammā).*

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

*Hoàn mãn Bộ Pháp Tụ (Dhammasaṅgani) vào ngày thứ tư, 01 - 09 - 1975 nhằm ngày mồng 1 tháng 6 năm Ất Mão (Phật lịch 2518)*

*Hồi hướng và chia phước đến tứ đại thiên vương và tất cả chúng sanh, nhứt là các vị chư thiên có oai lực hộ trì Tạng Diệu pháp đặng thạnh hành.*
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~